



BẢN TIN CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH

BẢN TIN NỘI BỘ CỦA VĂN PHÒNG BAN CHỈ ĐẠO CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH CỦA CHÍNH PHỦ

SỐ 49/2023

Từ 11/12 - 15/12/2023

TIN NỘI BẬT CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH

TIN TRUNG ƯƠNG

CHỈ ĐẠO NỘI DUNG

*

TS. NGUYỄN TRỌNG THỪA
THỨ TRƯỞNG BỘ NỘI VỤ
PHÓ TRƯỞNG BAN BAN CHỈ ĐẠO
CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH
CỦA CHÍNH PHỦ

ÔNG PHẠM MINH HÙNG
VỤ TRƯỞNG

VỤ CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH
BỘ NỘI VỤ

CHÁNH VĂN PHÒNG BAN CHỈ ĐẠO
CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH
CỦA CHÍNH PHỦ

BIÊN TẬP VÀ TRÌNH BÀY

*

TRUNG TÂM THÔNG TIN
BỘ NỘI VỤ

ĐỊA CHỈ LIÊN HỆ

SỐ 8 TÔN THẤT THUYẾT
QUẬN NAM TỪ LIÊM - HÀ NỘI

ĐIỆN THOẠI

024.62821016

EMAIL

BANTINBCDCCHC@MOHA.GOV.VN

WEBSITE

HTTP://WWW.MOHA.GOV.VN

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ:

TĂNG CƯỜNG CÁC GIẢI PHÁP THÚC ĐẨY THỊ TRƯỜNG
CHỨNG KHOÁN PHÁT TRIỂN AN TOÀN, MINH BẠCH,
HIỆU QUẢ, BỀN VỮNG

Ngày 13/12/2023, Thủ tướng Chính phủ Phạm Minh Chính ký Công điện số 1360/CP-TTg tăng cường các giải pháp thúc đẩy thị trường chứng khoán phát triển an toàn, minh bạch, hiệu quả, bền vững.

Theo đó, Chính phủ đã ban hành Nghị quyết số 86/NQ-CP ngày 11/7/2022 về phát triển thị trường vốn an toàn, minh bạch, hiệu quả, bền vững nhằm ổn định kinh tế vĩ mô, huy động nguồn lực cho phát triển kinh tế - xã hội, đồng thời đã quyết liệt, kịp thời chỉ đạo các Bộ, ngành, cơ quan quản lý nhà nước thực hiện các giải pháp hỗ trợ thị trường vốn, thị trường chứng khoán phát triển, phát huy vai trò kênh huy động vốn trung và dài hạn của nền kinh tế, góp phần hỗ trợ sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp, người dân, thúc đẩy tăng trưởng, ổn định kinh tế vĩ mô, kiểm soát lạm phát, bảo đảm các cân đối lớn của nền kinh tế, thu hút đầu tư của các nhà đầu tư trong và ngoài nước.

Thực hiện chức năng, nhiệm vụ được giao, trong thời gian qua Bộ Tài chính, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và các cơ quan liên quan đã có nhiều nỗ lực, cố gắng, tích cực, trách nhiệm thực hiện các giải pháp thúc đẩy phát triển thị trường chứng khoán, theo đó về cơ bản thị trường chứng khoán đã duy trì hoạt động ổn định, an toàn, thực chất hơn, hiệu quả và minh bạch hơn, từng bước lập lại trật tự, kỷ cương kỷ luật trên thị trường chứng khoán, tiếp tục củng cố niềm tin của nhà đầu tư trong và ngoài nước; công tác thu hút đầu tư, quảng bá hình ảnh của thị trường chứng khoán Việt Nam được chú trọng, hướng tới mục tiêu nâng hạng thị trường chứng khoán từ cận biên lên mới nổi.

Thời gian tới, thị trường tài chính - tiền tệ quốc tế có nhiều biến động phức tạp, khó dự báo, ảnh hưởng đến thị trường vốn, tiền tệ, thị trường chứng khoán nước ta. Để thị trường chứng khoán Việt Nam phát triển an toàn, minh bạch, hiệu quả, bền vững hơn, Thủ tướng Chính phủ yêu cầu:

1. Bộ Tài chính chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan:

a) Tiếp tục thực hiện kịp thời, hiệu quả các nhiệm vụ, giải pháp tại Nghị quyết số 86/NQ-CP ngày 11 tháng 7 năm 2022 của Chính phủ, các Nghị quyết phiên họp Chính phủ thường kỳ, văn bản chỉ đạo của Lãnh đạo Chính phủ và quy định pháp luật, bám sát diễn biến thị trường để chủ động, kịp thời thực hiện các biện pháp ổn định và phát triển thị trường chứng khoán; phối hợp chặt chẽ trong điều hành chính sách tài khóa, chính sách tiền tệ và các chính sách vĩ mô khác, góp phần thúc đẩy tăng trưởng kinh tế, ổn định kinh tế vĩ mô, kiểm soát lạm phát, bảo đảm các cân đối lớn của nền kinh tế, tạo điều kiện hỗ trợ thị trường chứng khoán phát triển an toàn, minh bạch, hiệu quả, bền vững, là kênh dẫn vốn trung và dài hạn hiệu quả của nền kinh tế.

b) Chủ động theo dõi, giám sát chặt chẽ diễn biến của thị trường chứng khoán trong nước và quốc tế, các dòng vốn ra và vào thị trường để chủ động có giải pháp điều hành, giám sát thị trường chứng khoán phù hợp, kịp thời, sát với tình hình, bảo đảm an toàn, minh bạch, ổn định thị trường chứng khoán, không để xảy ra rủi ro, mất an toàn.

c) Chủ động, thường xuyên rà soát cơ chế, chính sách và hoàn thiện khung khổ pháp lý về chứng khoán và thị trường chứng khoán để sửa đổi, bổ sung hoặc kiến nghị cấp có thẩm quyền sửa đổi, bổ sung các văn bản pháp luật có liên quan, bảo đảm đồng bộ, thống nhất, hiệu quả, hiệu lực, phù hợp với thông lệ và cam kết quốc tế, đáp ứng yêu cầu phát triển của thị trường chứng khoán cả trước mắt và lâu dài.

d) Khẩn trương thực hiện ngay các giải pháp tăng cường chất lượng hàng hóa trên thị trường chứng khoán; nâng cao hiệu quả hoạt động của các thành viên thị trường, các công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ...; đa dạng hóa cơ sở nhà đầu tư theo hướng thu hút sự tham gia của các nhà đầu tư tổ chức, nhà đầu tư chuyên nghiệp, các quỹ đầu tư, đồng thời chủ động cung cấp thông tin, đào tạo kiến thức tài chính – chứng khoán cho nhà đầu tư cá nhân.

đ) Chủ trì, phối hợp với Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, Bộ Kế hoạch và Đầu tư và các cơ quan liên quan quyết liệt triển khai các nhiệm vụ, giải pháp cần thiết để nâng hạng thị trường chứng khoán Việt Nam từ thị trường cận biên lên thị trường mới nổi trong thời gian sớm nhất nhằm thu hút vốn đầu tư nước ngoài, các quỹ đầu tư tổ chức; kịp thời, chủ động báo cáo cấp có thẩm quyền đối với những vấn đề vượt thẩm quyền.

e) Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát và xử lý nghiêm các vi phạm trên thị trường chứng khoán theo quy định pháp luật; kịp thời cảnh báo sớm và có phương án xử lý các rủi ro có thể phát sinh, bảo đảm thị trường chứng khoán hoạt động an toàn, lành mạnh, thông suốt.

g) Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số vào công tác quản lý, điều hành, giám sát hoạt động thị trường chứng khoán, có giải pháp hiệu quả để bảo đảm an toàn, an ninh và bảo mật các giao dịch trên thị trường chứng khoán; đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính, công bố thông tin kịp thời, công khai, minh bạch, tạo điều kiện hỗ trợ cho các doanh nghiệp niêm yết, công ty đại chúng thuộc phạm vi quản lý. Đẩy nhanh việc hoàn thành các dự án công nghệ thông tin, các đề án lớn của ngành chứng khoán để đảm bảo nền tảng hạ tầng kỹ thuật, cơ sở pháp lý cho thị trường chứng khoán phát triển ổn định, lâu dài.

h) Chỉ đạo Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và Tổng công ty Lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam phối hợp chặt chẽ với Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội, Bộ Công an sớm hoàn thành việc rà soát, làm sạch dữ liệu về nhà đầu tư; tiến tới việc rà soát, làm sạch dữ liệu về nhà đầu tư tại các công ty chứng khoán, góp phần nâng cao tính an toàn, minh bạch của thị trường.

i) Đẩy mạnh hợp tác quốc tế, tăng cường quan hệ, kết nối với các cơ quan, tổ chức, định chế tài chính lớn trên thế giới quảng bá hình ảnh thị trường chứng khoán, thu hút mạnh mẽ dòng vốn gián tiếp đầu tư trên thị trường chứng khoán. Nghiên cứu kinh nghiệm, bài học của các nước trong việc phát triển thị trường chứng khoán an toàn, hiệu quả, lành mạnh và bền vững.

k) Tăng cường hơn nữa công tác tuyên truyền, đào tạo để tăng cường hiểu biết của nhà đầu tư trên thị trường, chủ động cung cấp kịp thời thông tin chính thống, tạo đồng thuận xã hội, ổn định tâm lý thị trường và nhà đầu tư; tăng cường phối hợp chặt chẽ với các cơ quan chức năng để xử lý các tin đồn, bịa đặt, sai sự thật ảnh hưởng đến an toàn của thị trường chứng khoán.

2. Ngân hàng Nhà nước Việt Nam phối hợp chặt chẽ với Bộ Tài chính, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước trong việc điều hành chính sách tiền tệ, tài khóa và thực hiện các giải pháp phát triển thị trường chứng khoán, bảo đảm sự an toàn, liên thông, thông suốt, đồng bộ giữa thị trường tiền tệ và thị trường vốn, thị trường chứng khoán.

3. Bộ Thông tin và Truyền thông yêu cầu các cơ quan thông tấn báo chí đưa tin trung thực, kịp thời, khách quan, chính xác; xử lý nghiêm các trường hợp đưa tin, bài không đúng quy định, gây ảnh hưởng tiêu cực đến tâm lý nhà đầu tư và ổn định thị trường chứng khoán.

4. Bộ Công an phối hợp chặt chẽ với Bộ Tài chính, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước tiếp tục thực hiện các biện pháp bảo đảm an ninh, an toàn thị trường chứng khoán; có giải pháp ngăn chặn, phòng ngừa và xử lý nghiêm các hành vi vi phạm pháp luật, nhất là các hành vi tấn công mạng, xâm nhập, lừa đảo, chiếm đoạt tiền của nhà đầu tư trong giao dịch chứng khoán trên không gian mạng.

5. Văn phòng Chính phủ theo dõi, đôn đốc theo chức năng, nhiệm vụ được giao.

Nguồn: baochinhphu.vn

PHÓ THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ: CHỐT THỜI HẠN HOÀN THÀNH ĐỀ ÁN VỊ TRÍ VIỆC LÀM ĐỂ CẢI CÁCH TIỀN LƯƠNG

Phó Thủ tướng Chính phủ Trần Lưu Quang yêu cầu trước ngày 31/3/2024 các Bộ, ngành địa phương phải hoàn thành xây dựng và ban hành Đề án vị trí việc làm để làm cơ sở thực hiện cải cách chính sách tiền lương từ ngày 01/7/2024.

Xây dựng, quản lý vị trí việc làm là cơ sở để cải cách chính sách tiền lương từ ngày 01/7/2024

Văn phòng Chính phủ ban hành Thông báo 520/TB-VPCP kết luận của Phó Thủ tướng Chính phủ Trần Lưu Quang, Trưởng ban Ban chỉ đạo xây dựng và quản lý vị trí việc làm trong các cơ quan, tổ chức hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập tại Hội nghị toàn quốc triển khai xây dựng, quản lý vị trí việc làm trong các cơ quan, tổ chức hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập.

Tại Thông báo trên, Phó Thủ tướng Chính phủ đánh giá cao sự vào cuộc của tất cả các bộ, ngành, địa phương, đặc biệt là vai trò điều phối, theo dõi, đôn đốc của Bộ Nội vụ để đạt được những chuyển biến tích cực trong thời gian qua, nhất là việc hoàn thành ban hành khung pháp lý cho việc xây dựng và phê duyệt Đề án vị trí việc làm.

Theo đó, Bộ Nội vụ đã ban hành Thông tư hướng dẫn về vị trí việc làm công chức lãnh đạo, quản lý; nghiệp vụ chuyên môn dùng chung; hỗ trợ, phục vụ trong cơ quan, tổ chức hành chính và vị trí việc làm chức danh nghề nghiệp chuyên môn dùng chung; hỗ trợ, phục vụ trong đơn vị sự nghiệp và Thông tư hướng dẫn xác định cơ cấu ngạch công chức.

20/20 Bộ, ngành đã ban hành Thông tư hướng dẫn về vị trí việc làm công chức nghiệp vụ chuyên ngành và 15/15 Bộ, ngành đã ban hành Thông tư hướng dẫn về vị trí việc làm lãnh đạo, quản lý, chức danh nghề nghiệp chuyên ngành và cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp trong đơn vị sự nghiệp công lập.

Xây dựng, quản lý vị trí việc làm là việc khó khăn, nhạy cảm, phức tạp nhưng là nhiệm vụ chính trị phải thực hiện, góp phần tinh gọn bộ máy, tinh giản biên chế, cơ cấu lại và nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức, là cơ sở để thực hiện chính sách cải cách tiền lương từ ngày 01/7/2024 theo Nghị quyết Hội nghị Trung ương 8 khóa XIII, tạo động lực và phát huy tính sáng tạo, tâm huyết của đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức khi thực thi công vụ.

Hoàn thành Đề án vị trí việc làm trước ngày 31/3/2024

Để triển khai đồng bộ việc xây dựng, quản lý vị trí việc làm ở các Bộ, ngành và địa phương, Phó Thủ tướng Chính phủ yêu cầu Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương trực tiếp chỉ đạo việc xây dựng Đề án và phê duyệt vị trí việc làm của cơ quan, đơn vị mình, chủ động lựa chọn phương thức triển khai phù hợp, đẩy mạnh phân cấp trong khuôn khổ quy định của pháp luật, bảo đảm tuân thủ các chủ trương, nguyên tắc của Trung ương, đồng thời, bảo đảm tính linh hoạt, tinh thần là khó tới đâu gỡ tới đó, không cầu toàn nhưng không được chủ quan, hời hợt, mục tiêu là đạt chất lượng cao nhất, bảo đảm hoàn thành trước ngày 31/3/2024.

Các Bộ, ngành và địa phương tiếp tục thực hiện việc xây dựng Đề án vị trí việc làm. Trường hợp có vướng mắc thì khẩn trương tổng hợp, gửi đến Bộ Nội vụ, các Bộ quản lý ngành, lĩnh vực trước ngày 18/12/2023 để giải đáp, hướng dẫn.

Phó Thủ tướng Chính phủ yêu cầu các Bộ, ngành và địa phương tăng cường công tác phối hợp đa chiều, dọc - ngang, trên - dưới, giữa Trung ương với địa phương, giữa các Bộ, ngành và giữa các địa phương với nhau trong triển khai thực hiện, đặc biệt là trao đổi về kinh nghiệm, về khó khăn, vướng mắc và giải pháp xử lý.

Đối với những nội dung chưa rõ, chưa thống nhất, đồng bộ trong các Thông tư hướng dẫn về vị trí việc làm, Bộ Nội vụ, các Bộ quản lý ngành, lĩnh vực chủ động, tích cực phối hợp để có giải pháp tháo gỡ ngay trong khi chưa sửa đổi, bổ sung các Thông tư này, bảo đảm việc thực hiện được thông suốt.

Thiết lập "đường dây nóng" giải đáp vướng mắc trong xây dựng Đề án vị trí việc làm

Bộ Nội vụ - Cơ quan thường trực Ban chỉ đạo thiết lập "đường dây nóng" (hotline), sử dụng ứng dụng mạng xã hội (nếu cần) để kịp thời hướng dẫn, tiếp nhận, giải đáp vướng mắc của các bộ, ngành và địa phương.

Tiếp tục tăng cường trách nhiệm điều phối, theo dõi, đôn đốc việc thực hiện, chủ động lựa chọn phương thức triển khai phù hợp, bảo đảm hiệu quả, kịp thời.

Đồng thời, tiếp thu ý kiến góp ý của các Bộ, ngành và địa phương tại Hội nghị; phối hợp chặt chẽ với Ban Tổ chức Trung ương và Cơ quan có liên quan, hoàn thiện dự thảo Báo cáo của Ban cán sự đảng Chính phủ gửi Bộ Chính trị về triển khai xây dựng, quản lý vị trí việc làm trong các cơ quan, tổ chức hành chính và đơn vị sự nghiệp công lập, trong đó lưu ý nêu rõ những việc đã làm được, những khó khăn, vướng mắc phát sinh và đề xuất kiến nghị, giải pháp cụ thể.

Nguồn: xaydungchinhhsach.chinhphu.vn

BỘ TRƯỞNG BỘ NỘI VỤ: MỘT SỐ NƠI CÓ TÂM LÝ CHƯA QUYẾT LIỆT SẮP XẾP HUYỆN, XÃ

Bộ trưởng Bộ Nội vụ Phạm Thị Thanh Trà cho biết, đến thời điểm này, khi các địa phương triển khai thực hiện Kết luận số 48-KL/TW của Bộ Chính trị và Nghị quyết số 35/2023/UBTVQH15 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về sắp xếp đơn vị hành chính thì một số nơi có tâm lý chưa quyết liệt.

Sáng ngày 13/12, Ủy ban Thường vụ Quốc hội họp xem xét, quyết định việc thành lập thị xã Việt Yên và các phường thuộc thị xã Việt Yên, tỉnh Bắc Giang; việc nhập xã Thiệu Phú vào thị trấn Thiệu Hóa và thành lập thị trấn Hậu Hiền thuộc huyện Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hóa.

Tại phiên họp, Bộ trưởng Bộ Nội vụ Phạm Thị Thanh Trà cho biết, việc thành lập thị xã Việt Yên trên cơ sở nguyên trạng diện tích tự nhiên và quy mô dân số của huyện Việt Yên; đồng thời thành lập 9 phường trên cơ sở nguyên trạng diện tích tự nhiên và quy mô dân số của 2 thị trấn là Bích Động, Nénh và 7 xã Tăng Tiến, Hồng Thái, Quảng Minh, Ninh Sơn, Vân Trung, Quang Châu, Tự Lạn thuộc huyện Việt Yên.

Kết quả sau khi thành lập thị xã Việt Yên và các phường thuộc thị xã Việt Yên, tỉnh Bắc Giang không thay đổi về diện tích tự nhiên, quy mô dân số.

Đối với việc sắp xếp các đơn vị hành chính cấp xã trên địa bàn huyện Việt Yên, Chính phủ sẽ trình Ủy ban Thường vụ Quốc hội xem xét, quyết định trong Đề án sắp xếp đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã tỉnh Bắc Giang giai đoạn 2023 - 2025, bảo đảm theo đúng Kết luận số 48-KL/TW của Bộ Chính trị và Nghị quyết số 35/2023/UBTVQH15 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Về việc nhập xã Thiệu Phú vào thị trấn Thiệu Hóa và thành lập thị trấn Hậu Hiền thuộc huyện Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hóa, Bộ trưởng Bộ Nội vụ Phạm Thị Thanh Trà cho biết, tỉnh Thanh Hóa đề nghị: nhập toàn bộ 6,53km² diện tích tự nhiên và quy mô dân số là 9.175 người của xã Thiệu Phú vào thị trấn Thiệu Hóa; thành lập thị trấn Hậu Hiền trên cơ sở nguyên trạng 10,41km² diện tích tự nhiên và quy mô dân số là 12.061 người của xã Minh Tâm (đổi tên Minh Tâm thành Hậu Hiền).

Kết quả sau khi nhập xã Thiệu Phú vào thị trấn Thiệu Hóa và thành lập thị trấn Hậu Hiền: Tỉnh Thanh Hoá và huyện Thiệu Hóa không thay đổi về diện tích tự nhiên, quy mô dân số. Đối với việc sắp xếp đơn vị hành chính cấp xã trên địa bàn huyện Thiệu Hóa, Chính phủ sẽ trình Ủy ban Thường vụ Quốc hội xem xét, quyết định trong Đề án sắp xếp đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã của tỉnh Thanh Hóa giai đoạn 2023 - 2025.

Thẩm tra, Chủ nhiệm Ủy ban Pháp luật của Quốc hội Hoàng Thanh Tùng cho biết, Ủy ban tán thành với sự cần thiết thành lập thị xã Việt Yên và các phường thuộc thị xã Việt Yên, tỉnh Bắc Giang. Việc thành lập này bảo đảm các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định.

Cơ quan thẩm tra đề nghị Chính phủ và chính quyền tỉnh Bắc Giang tiếp tục nghiên cứu phương án sắp xếp đối với xã Vân Hà để báo cáo Ủy ban Thường vụ Quốc hội xem xét một cách tổng thể khi Chính phủ trình Đề án sắp xếp các đơn vị hành chính của tỉnh Bắc Giang giai đoạn 2023 - 2025.

Cơ quan thẩm tra cũng tán thành việc nhập xã thiệu phú vào thị trấn thiệu hóa và thành lập thị trấn Hậu Hiền thuộc huyện Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hóa. Ủy ban Pháp luật đề nghị Chính phủ, chính quyền tỉnh Thanh Hóa rà soát kỹ hơn các lý do đề nghị không thực hiện sắp xếp đối với 10/10 đơn vị hành chính thuộc diện sắp xếp giai đoạn 2023 - 2025 của huyện Thiệu Hóa.

Giải trình tại phiên họp về việc sắp xếp đơn vị hành chính trong cả nước, Bộ trưởng Phạm Thị Thanh Trà cho biết, hiện 56 tỉnh thành đã chuyển phương án. Sau khi rà soát, một số tỉnh không nằm trong diện phải sắp xếp đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã. Tuy nhiên, đến thời điểm này, khi các địa phương triển khai thực hiện Kết luận số 48-KL/TW của Bộ Chính trị và Nghị quyết số 35/2023/UBTVQH15 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội thì một số nơi có tâm lý chưa quyết liệt.

Từ kết quả tổng hợp phương án của các địa phương, Bộ trưởng Phạm Thị Thanh Trà cho hay, hiện chỉ 50% địa phương đảm bảo được việc sắp xếp, còn lại cần căn cứ theo 4 tiêu chí đặc thù để đưa vào cơ chế đặc thù nên các địa phương không sắp xếp...

Tại phiên họp, 100% Ủy viên Ủy ban Thường vụ Quốc hội tham dự biểu quyết thông qua Nghị quyết về nội dung này.

Nguồn: tienphong.vn

BỘ TÀI CHÍNH: SẼ TIẾP TỤC TẠO THUẬN LỢI, GIẢM CHI PHÍ CHO NGƯỜI DÂN, DOANH NGHIỆP

Thứ trưởng Bộ Tài chính Cao Anh Tuấn khẳng định, Bộ Tài chính sẽ tiếp tục cải cách trên mọi mặt công tác, đặc biệt là trong lĩnh vực thuế, hải quan, vốn được xem là các lĩnh vực có liên quan nhiều và trực tiếp tới doanh nghiệp, người dân nhằm tạo thuận lợi, tiết giảm chi phí cho người dân và doanh nghiệp.

Thu ngân sách đã đạt trên 97%

Phát biểu tại Hội nghị Đối thoại về chính sách và thủ tục hành chính thuế - hải quan 2023, Thứ trưởng Bộ Tài chính Cao Anh Tuấn cho biết, trong thời gian đã qua của năm 2023, kinh tế trong nước phải chịu nhiều áp lực từ những yếu tố bất lợi của thị trường nước ngoài, gây ảnh hưởng đến nhiều ngành, lĩnh vực, tác động tiêu cực tới sản xuất kinh doanh và đời sống người dân.

Theo Thứ trưởng, tiếp nối truyền thống luôn đồng hành, hỗ trợ doanh nghiệp, người dân, Bộ Tài chính đã chủ động nghiên cứu, đề xuất, trình cấp có thẩm quyền cũng như ban hành theo thẩm quyền các giải pháp trong lĩnh vực tài chính, đặc biệt là các giải pháp về gia hạn, miễn, giảm các khoản thuế, phí, lệ phí và tiền thuê đất (như gia hạn thuế giá trị gia tăng, thuế thuế thu nhập doanh nghiệp, thuế thu nhập cá nhân, thuế tiêu thụ đặc biệt) và tiền thuê đất; miễn, giảm thuế thuế thu nhập doanh nghiệp, thuế thuế thu nhập cá nhân, thuế giá trị gia tăng, thuế nhập khẩu, thuế bảo vệ môi trường, cùng nhiều khoản phí, lệ phí và tiền thuê đất để hỗ trợ doanh nghiệp, người dân và nền kinh tế.

Tổng quy mô các giải pháp hỗ trợ năm 2020 khoảng 129 nghìn tỷ đồng, năm 2021 khoảng 145 nghìn tỷ đồng, năm 2022 khoảng 233 nghìn tỷ đồng. Năm 2023 dự kiến là khoảng 196 nghìn tỷ đồng, trong đó số tiền được gia hạn khoảng 121 nghìn tỷ đồng; Số tiền thuế, phí, lệ phí và tiền thuê đất được miễn, giảm khoảng 75 nghìn tỷ đồng.

Thứ trưởng Cao Anh Tuấn khẳng định, mặc dù gặp rất nhiều khó khăn trong năm 2023 nhưng nhờ sự nỗ lực vượt khó của cộng đồng doanh nghiệp, doanh nhân và sự triển khai có hiệu quả các giải pháp hỗ trợ của các cơ quan, kết quả thu ngân sách nhà nước đã đạt những kết quả tích cực. Tính đến ngày 12/12 thu ngân sách đã đạt 97%.

Hiện đại hóa tạo thuận lợi cho doanh nghiệp

Lãnh đạo Bộ Tài chính cho biết, Bộ Tài chính đã và đang triển khai trên nhiều mặt công tác, tập trung hoàn thiện thể chế, cải cách thủ tục hành chính, hiện đại hóa tạo thuận lợi cho doanh nghiệp. Cụ thể: Từ năm 2014 đến nay (09 năm liên tiếp), Bộ Tài chính luôn xếp trong nhóm 03 Bộ đứng đầu về Chỉ số cải cách hành chính (PAR Index) do Ban Chỉ đạo cải cách hành chính của Chính phủ công bố.

Bộ Tài chính cũng luôn chú trọng công tác tổ chức thực hiện các giải pháp hỗ trợ để đưa các giải pháp nhanh chóng tới được các đối tượng cần hỗ trợ, đảm bảo công khai, minh bạch, giảm tối đa thủ tục hành chính và tạo thuận lợi nhất cho doanh nghiệp, người dân; tiếp tục kiểm soát chặt chẽ các thủ tục hành chính kết hợp hiện đại hóa trong các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý, đặc biệt là lĩnh vực thuế, hải quan nhằm tạo thuận lợi tối đa cho người dân và doanh nghiệp, cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia. Cập nhật và công bố, công khai đầy đủ danh mục điều kiện kinh doanh theo quy định.

Tính chung, 100% thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Bộ Tài chính và các đơn vị trực thuộc đã được cung cấp dịch vụ công trực tuyến. Cho đến nay, tổng số dịch vụ công trực tuyến của Bộ Tài chính thực tế triển khai là 813, trong đó: số dịch vụ công trực tuyến mức độ 1 là 84 (tỷ lệ 10,33%); số dịch vụ công trực tuyến mức độ 2 là 265 (tỷ lệ 32,6%); số dịch vụ công trực tuyến mức độ 3 là 55 (tỷ lệ 6,76%); số dịch vụ công trực tuyến

mức độ 4 là 409 (tỷ lệ 50,31%). Tổng số dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, 4 là 464 (tỷ lệ 57,07%) và hoàn thành kết nối, tích hợp 296/464 dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, 4 trên Cổng Dịch vụ công quốc gia, đạt tỷ lệ 63,79% (vượt hơn 30% so với yêu cầu của Chính phủ). Bên cạnh đó, dịch vụ công trực tuyến của Bộ Tài chính cung cấp ngày càng nhiều tiện ích, giúp giảm thời gian, chi phí, đem lại sự hài lòng cho các tổ chức và cá nhân, doanh nghiệp khi tham gia giao dịch với cơ quan tài chính và nhận được sự đánh giá cao.

Trong lĩnh vực thuế, tiếp tục mở rộng phạm vi triển khai hệ thống khai thuế, nộp thuế và hoàn thuế theo phương thức điện tử: Hệ thống khai thuế điện tử đã được triển khai tại 63/63 tỉnh, thành phố và 100% Chi cục Thuế trực thuộc với 99,9% doanh nghiệp tham gia sử dụng dịch vụ khai thuế điện tử; 98,9% doanh nghiệp thực hiện nộp thuế điện tử; 99% doanh nghiệp tham gia hoàn thuế điện tử.

Đặc biệt, hệ thống hóa đơn điện tử đã chính thức áp dụng trên phạm vi toàn quốc từ ngày 01/7/2022 với toàn bộ các tổ chức, doanh nghiệp đang hoạt động, có sử dụng hóa đơn chuyển sang sử dụng hóa đơn điện tử và toàn bộ hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh theo phương pháp kê khai đã đăng ký, chuyển đổi sử dụng hóa đơn điện tử theo quy định; Triển khai Cổng thông tin điện tử dành cho Nhà cung cấp nước ngoài từ ngày 21/3/2022 để tạo thuận lợi cho việc khai, nộp thuế và quản lý thuế cho nhà cung cấp nước ngoài...

Trong lĩnh vực hải quan, tiếp tục đẩy mạnh cải cách hành chính nhằm tạo thuận lợi cho hoạt động xuất nhập khẩu và hướng tới mục tiêu xây dựng Hải quan Việt Nam chuyên nghiệp - minh bạch - hiệu quả. Ngay từ đầu năm 2023, đã thực hiện 10 nhóm chỉ tiêu cải cách và đưa ra các giải pháp cụ thể để thực hiện, trong đó, đáng chú ý là giảm 5% tỷ lệ tờ khai luồng đỏ, giảm 10% tỷ lệ tờ khai luồng vàng; giảm 10% thời gian thông quan, giải phóng hàng; tăng 20% số lượng doanh nghiệp tự nguyện tham gia Chương trình hỗ trợ khuyến khích doanh nghiệp tự nguyện tuân thủ pháp luật hải quan so với năm 2022...

Tiếp tục triển khai hiệu quả Hệ thống quản lý hải quan tự động tại cảng, kho, bãi (VASSCM), góp phần đơn giản hóa thủ tục đưa hàng hóa khỏi kho, bãi, cảng, giảm sự tiếp xúc giữa cơ quan Hải quan và doanh nghiệp, giảm thời gian đi lại của người dân, khắc phục tình trạng ùn tắc tại cổng cảng, kho, bãi...

Thứ trưởng Bộ Tài chính nêu rõ, trong thời gian tới, Bộ Tài chính sẽ tiếp tục theo dõi sát tình hình thực tế để nghiên cứu, đề xuất các giải pháp phù hợp. Trước mắt sẽ tập trung triển khai quyết liệt và hiệu quả các giải pháp về thuế, phí, lệ phí và tiền thuê đất đã và sắp được ban hành ngay trong thời gian tới; đồng thời tổng kết, đánh giá việc thực hiện để có các giải pháp phù hợp với tình hình thực tiễn.

Đồng thời tiếp tục nghiên cứu, tham mưu việc đánh giá, rà soát và sửa đổi, bổ sung các Luật về thuế theo đúng Chiến lược Cải cách hệ thống thuế đến năm 2030 nhằm hoàn thiện đồng bộ hệ thống chính sách thuế phù hợp với các tiêu chuẩn của hệ thống thuế tốt theo thông lệ quốc tế, đáp ứng yêu cầu về nguồn lực để thực hiện Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 10 năm 2021 - 2030, hướng tới một hệ thống thuế có cơ cấu bền vững, bảo đảm huy động hợp lý các nguồn lực cho ngân sách nhà nước, đồng thời, góp phần tạo môi trường đầu tư kinh

doanh thuận lợi, công bằng, khuyến khích đầu tư, thúc đẩy cạnh tranh, điều tiết thu nhập hợp lý, phù hợp với quá trình hội nhập, phát triển bền vững của nền kinh tế.

"Bên cạnh đó, Bộ Tài chính cũng sẽ tiếp tục cải cách trên mọi mặt công tác: hoàn thiện thể chế, nâng cao hiệu lực, hiệu quả của bộ máy, cải cách thủ tục hành chính theo hướng toàn diện và hiệu quả hơn, tiếp tục đẩy mạnh hiện đại hóa các lĩnh vực của ngành tài chính, đặc biệt là trong các lĩnh vực thuế, hải quan, vốn được xem là các lĩnh vực có liên quan nhiều và trực tiếp tới doanh nghiệp, người dân nhằm tạo thuận lợi, tiết giảm chi phí cho người dân và doanh nghiệp để cải thiện môi trường kinh doanh, góp phần nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia", Thứ trưởng Cao Anh Tuấn nhấn mạnh.

Nguồn: taichinhdoanhnghiep.net.vn

KHO BẠC NHÀ NƯỚC: 95,85% ĐƠN VỊ SỬ DỤNG NGÂN SÁCH HÀI LÒNG VỚI SỰ PHỤC VỤ

Kho bạc Nhà nước cho biết, mức độ hài lòng của đơn vị sử dụng ngân sách được khảo sát, đánh giá đối với chỉ số về sự phục vụ của Kho bạc Nhà nước đợt 2 năm 2023 đạt 95,85%.

Theo Kho bạc Nhà nước, thực hiện Kế hoạch khảo sát, đánh giá mức độ hài lòng của cá nhân, tổ chức đối với sự phục vụ của Kho bạc Nhà nước năm 2023, Kho bạc Nhà nước đã triển khai khảo sát, đánh giá mức độ hài lòng của đơn vị, cá nhân đợt 2/2023 trên Ứng dụng khảo sát, đánh giá mở tại Trang dịch vụ công của Kho bạc Nhà nước từ ngày 15/9/2023 đến hết ngày 15/11/2023.

Kết quả cho thấy, mức độ hài lòng của đơn vị khảo sát, đánh giá đối với chỉ số về sự phục vụ của Kho bạc Nhà nước đạt 95,85%; chỉ số về công khai các thủ tục hành chính đạt 95,97% và chỉ số về chất lượng cung cấp dịch vụ công trực tuyến của Kho bạc Nhà nước đạt 95,24%.

Theo Kho bạc Nhà nước, qua kết quả khảo sát, đánh giá cho thấy, mức độ hài lòng của đơn vị, tổ chức, cá nhân đối với các chỉ số chung của hệ thống Kho bạc Nhà nước và từng Kho bạc Nhà nước cấp tỉnh là khá cao.

So với các kỳ khảo sát, đánh giá vào năm 2021, năm 2022 và đợt 1/2023, kết quả đánh giá về mức độ hài lòng đối với các đơn vị Kho bạc Nhà nước đợt 2 năm 2023 đã có một số thay đổi tích cực như: mức độ hài lòng tại các chỉ số đánh giá hệ thống và Kho bạc Nhà nước nơi giao dịch đều tăng; số lượng Kho bạc Nhà nước cấp huyện đạt tỷ lệ hài lòng trên 90% tăng; số lượng các đơn vị và công chức Kho bạc Nhà nước chỉ đích danh “Không hài lòng” giảm; số lượng các phản ánh về chất lượng dịch vụ công trực tuyến của Kho bạc Nhà nước và việc công khai thủ tục hành chính thuộc lĩnh vực Kho bạc Nhà nước giảm.

Bên cạnh những kết quả đã đạt được nêu trên, vẫn còn có nhiều ý kiến phản ánh về cách thức giải quyết công việc và thái độ phục vụ của công chức Kho bạc Nhà nước trong quá trình giải quyết thủ tục hành chính.

Để cải thiện chất lượng phục vụ đơn vị, tổ chức và cá nhân, Kho bạc Nhà nước đề nghị Giám đốc Kho bạc Nhà nước các tỉnh, thành phố; Giám đốc Sở Giao dịch sử dụng kết quả khảo sát, đánh giá mức độ hài lòng để công khai và phục vụ việc chấm điểm Chỉ số cải cách hành chính tại địa phương (nếu cần). Đồng thời, nắm bắt, khai thác thông tin và tiếp tục có các giải pháp nâng cao chất lượng phục vụ cá nhân, tổ chức trong thời gian tới. Trong quá trình khai thác thông tin, cần đảm bảo việc bảo mật, không làm ảnh hưởng đến quyền lợi của cá nhân, đơn vị sử dụng ngân sách.

Các đơn vị cần tiếp tục quán triệt, phổ biến đến từng phòng nghiệp vụ, các đơn vị Kho bạc Nhà nước cấp huyện trực thuộc và từng công chức của đơn vị về kết quả khảo sát, đánh giá mức độ hài lòng của đơn vị, tổ chức, cá nhân đối với sự phục vụ của hệ thống Kho bạc Nhà nước và của đơn vị mình, đặc biệt là các phản ánh, ý kiến không hài lòng về cách thức giải quyết công việc của công chức Kho bạc Nhà nước và thái độ công chức Kho bạc Nhà nước trong quá trình giải quyết thủ tục hành chính.

Cùng với đó Kho bạc Nhà nước các tỉnh, thành phố phải tiếp tục rà soát các công chức trực tiếp tiếp nhận và giải quyết thủ tục hành chính đảm bảo đáp ứng đầy đủ năng lực xử lý hồ sơ, thái độ phục vụ và đạo đức công vụ; xử lý nghiêm theo quy định các công chức, đơn vị có biểu hiện những thiếu, gây khó khăn cho đơn vị giao dịch và có thái độ, hành vi không đúng chuẩn mực đạo đức công vụ.

Kho bạc Nhà nước cũng yêu cầu các đơn vị thực hiện nghiêm túc việc nghiêm yết, công khai thủ tục hành chính và xử lý hồ sơ thủ tục hành chính theo quy định, nhất là tại Kho bạc Nhà nước cấp huyện. Song song với đó là tăng cường giáo dục, đào tạo, bồi dưỡng cho đội ngũ công chức về đạo đức nghề nghiệp, tinh thần thái độ phục vụ khách hàng và kỹ năng giao tiếp. Các đơn vị cũng sẽ phải xây dựng phương án, kế hoạch cụ thể để thường xuyên kiểm tra hoặc kiểm tra đột xuất hoạt động nghiệp vụ và quản lý nội bộ, việc chấp hành kỷ luật, kỷ cương đối với các phòng nghiệp vụ tại Kho bạc Nhà nước tỉnh, thành phố và Kho bạc Nhà nước cấp huyện.

Thời gian tới, hệ thống Kho bạc Nhà nước sẽ tiếp tục đề cao trách nhiệm người đứng đầu từng đơn vị; siết chặt kỷ cương, kỷ luật trong việc chấp hành các cơ chế chính sách và quy trình nghiệp vụ tại từng đơn vị, công chức.

Đối với một số ý kiến và đề xuất về chất lượng cung cấp dịch vụ công trực tuyến của Kho bạc Nhà nước, Kho bạc Nhà nước sẽ tiếp tục nâng cấp, hoàn thiện dịch vụ công trực tuyến để gia tăng tiện ích, tạo thuận lợi cho người sử dụng và tăng tiện ích phục vụ công tác quản lý của lãnh đạo Kho bạc Nhà nước các cấp.

Nguồn: tapchitaichinh.vn

MỘT SỐ ĐỀ XUẤT MỚI:

*** Bộ Tài chính đang lấy ý kiến góp ý của Nhân dân vào dự thảo Thông tư bãi bỏ Thông tư số 132/2016/TT-BTC hướng dẫn lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí chuẩn bị và tổ chức Hội nghị Diễn đàn Kinh tế thế giới về Mê Công tại Việt Nam.**

Theo đó, thực hiện nhiệm vụ rà soát văn bản quy phạm pháp luật do Bộ Tài chính chủ trì ban hành, căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật và các văn bản hướng dẫn, Bộ Tài chính xin ý kiến dự thảo Thông tư bãi bỏ Thông tư số 132/2016/TT-BTC ngày 18/8/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí chuẩn bị và tổ chức Hội nghị cấp cao Hợp tác chiến lược kinh tế Ayeyawady - Chao Phraya - Mê Công lần thứ bảy, Hội nghị cấp cao Hợp tác bốn nước Campuchia - Lào - Myanmar - Việt Nam lần thứ tám và Hội nghị Diễn đàn Kinh tế thế giới về Mê Công tại Việt Nam.

Thông tư ban hành từ năm 2016, đến nay, công tác chuẩn bị và tổ chức Hội nghị cấp cao ACMECS lần thứ bảy, Hội nghị cấp cao Hợp tác bốn nước Campuchia - Lào - Myanmar - Việt Nam lần thứ tám và Hội nghị WEF - Mê Công tại Việt Nam đã kết thúc, đối tượng điều chỉnh của Thông tư không còn. Ngoài ra, Bộ Tài chính cũng không nhận được phản ánh vướng mắc của các Bộ, cơ quan trung ương, địa phương trong quá trình thực hiện Thông tư số 132/2016/TT-BTC nói chung và quá trình thanh, quyết toán nói riêng.

Tại Khoản 3 Điều 154 Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015 quy định: Văn bản quy phạm pháp luật hết hiệu lực toàn bộ hoặc một phần trong các trường hợp sau: "3. Bị bãi bỏ bằng một văn bản của cơ quan nhà nước có thẩm quyền".

Do vậy, Bộ Tài chính dự thảo Thông tư bãi bỏ Thông tư số 132/2016/TT-BTC ngày 18/8/2016 theo quy định tại Khoản 3 Điều 154 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật.

*** Bộ Công Thương đang lấy ý kiến của Nhân dân vào dự thảo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ ban hành Danh mục sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ phải đăng ký hợp đồng theo mẫu, điều kiện giao dịch chung.**

Bộ Công Thương đề xuất, danh mục sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ phải đăng ký hợp đồng theo mẫu, điều kiện giao dịch chung bao gồm:

TT	Sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ	Chú thích
1	Cung cấp điện sinh hoạt	Giữ nguyên theo Quyết định số 02/2012/QĐ-TTg
2	Cung cấp nước sinh hoạt	Giữ nguyên theo Quyết định số 35/2015/QĐ-TTg
3	Truyền hình trả tiền	Giữ nguyên theo Quyết định số 02/2012/QĐ-TTg
4	Thông tin di động mặt đất (hình thức thanh toán: trả sau); thông tin	Giữ nguyên theo Quyết định số 35/2015/QĐ-TTg

	di động mặt đất (hình thức thanh toán: trả trước)	
5	Truy nhập internet trên mạng viễn thông cố định mặt đất	Sửa tên gọi "dịch vụ truy nhập internet" (tại Quyết định số 35/2015/QĐ-TTg) thành "dịch vụ truy nhập internet trên mạng viễn thông cố định mặt đất" để đảm bảo tính thống nhất trong hệ thống pháp luật (ví dụ như Thông tư 39/2016/TT-BTTTT ngày 26 tháng 12 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Thông tin truyền thông về HĐTM, ĐKGDC trong lĩnh vực viễn thông và các văn bản có liên quan).
6	Vận chuyển hành khách đường hàng không	Giữ nguyên theo Quyết định số 02/2012/QĐ-TTg
7	Vận chuyển hành khách đường sắt	Giữ nguyên theo Quyết định số 02/2012/QĐ-TTg
8	Mua bán căn hộ chung cư, dịch vụ quản lý vận hành nhà chung cư	"Mua bán căn hộ chung cư": giữ nguyên theo Quyết định số 02/2012/QĐ-TTg. "Dịch vụ quản lý vận hành nhà chung cư": sửa tên gọi "các dịch vụ sinh hoạt do đơn vị quản lý khu chung cư cung cấp" (tại Quyết định số 02/2012/QĐ-TTg) thành "dịch vụ quản lý vận hành nhà chung cư" để đảm bảo tính thống nhất trong hệ thống pháp luật (ví dụ như Thông tư số 02/2016/TT-BXD ngày 15 tháng 02 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng về việc ban hành Quy chế quản lý, sử dụng nhà chung cư và các văn bản có liên quan).
9	Nền tảng số trung gian quy mô lớn hoặc rất lớn cung cấp dịch vụ thương mại điện tử	Đề xuất bổ sung và thay thế cho "dịch vụ điện thoại cố định mặt đất" tại Quyết định số 35/2015/QĐ-TTg. Việc xác định "nền tảng số trung gian quy mô lớn" và "nền tảng số trung gian quy mô rất lớn" được thực hiện theo quy định tại Luật Giao dịch điện tử 2023 (Điều 45, Điều 47) và văn bản hướng dẫn thi hành.

Theo Bộ Công Thương, so với Quyết định số 02/2012/QĐ-TTg và các Quyết định sửa đổi, bổ sung, dự thảo Quyết định giữ 08/09 sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ; bỏ 01 dịch vụ (điện thoại cố định mặt đất) và bổ sung 01 dịch vụ (nền tảng số trung gian quy mô lớn hoặc rất lớn cung cấp dịch vụ thương mại điện tử).

Trong thời hạn 180 ngày kể từ ngày trở thành nền tảng số trung gian quy mô lớn hoặc rất lớn theo quy định của Luật Giao dịch điện tử, tổ chức thiết lập, vận hành nền tảng số trung gian quy mô lớn hoặc rất lớn đang áp dụng hợp đồng theo mẫu, điều kiện giao dịch chung

trong giao dịch với người tiêu dùng phải hoàn thành việc đăng ký theo quy định của pháp luật về bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng.

*** Bộ Kế hoạch và Đầu tư đang lấy ý kiến góp ý của Nhân dân vào dự thảo Thông tư quy định chi tiết đối với hoạt động đào tạo, bồi dưỡng kiến thức và thi, cấp chứng chỉ nghiệp vụ chuyên môn về đấu thầu.**

Để bảo đảm thực hiện Luật Đấu thầu số 22/2023/QH15 (có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2024), Bộ Kế hoạch và Đầu tư xây dựng dự thảo Thông tư quy định chi tiết đối với hoạt động đào tạo, bồi dưỡng kiến thức và thi, cấp chứng chỉ nghiệp vụ chuyên môn về đấu thầu, thay thế Thông tư số 04/2019/TT-BKHĐT ngày 25/01/2019.

Theo dự thảo, đối tượng bắt buộc tham gia đào tạo, bồi dưỡng, cập nhật kiến thức, nghiệp vụ chuyên môn về đấu thầu bao gồm: cá nhân tham gia tổ chuyên gia, tổ thẩm định đối với lựa chọn nhà thầu và lựa chọn nhà đầu tư.

Thời lượng của mỗi khóa đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ chuyên môn về đấu thầu cho đối tượng nêu trên tối thiểu là 05 ngày, tương đương 40 tiết học (mỗi tiết học là 45 phút).

Chương trình đào tạo, bồi dưỡng chi tiết tại Phụ lục 1 dự thảo Thông tư này.

Cơ quan, đơn vị được cấp chứng chỉ nghiệp vụ chuyên môn về đấu thầu bao gồm: Đơn vị sự nghiệp công lập thuộc phạm vi quản lý của Bộ Kế hoạch và Đầu tư tổ chức thi và cấp chứng chỉ nghiệp vụ chuyên môn về đấu thầu cho các cá nhân trên phạm vi cả nước; Sở Kế hoạch và Đầu tư các tỉnh, thành phố tổ chức thi và cấp chứng chỉ nghiệp vụ chuyên môn về đấu thầu cho các cá nhân trên phạm vi cả nước.

Mẫu cam kết tuân thủ đạo đức nghề nghiệp và tính liêm chính trong đấu thầu của tổ chuyên gia, tổ thẩm định, chi tiết theo Phụ lục 4 dự thảo Thông tư này.

Điều khoản chuyển tiếp đối với các chứng chỉ đấu thầu được cấp trước ngày Luật Đấu thầu có hiệu lực thi hành như sau:

Chứng chỉ đấu thầu cơ bản được cấp cho các cá nhân từ năm 2019 đến trước thời điểm Thông tư này có hiệu lực thi hành có giá trị tương đương chứng chỉ nghiệp vụ chuyên môn về đấu thầu quy định tại Thông tư này và chứng chỉ tiếp tục có hiệu lực sử dụng đến ngày 31/12/2026. Kể từ ngày 01/01/2027, chứng chỉ đấu thầu cơ bản sẽ hết hiệu lực, cá nhân có nhu cầu sẽ phải tham dự thi để được cấp chứng chỉ nghiệp vụ chuyên môn về đấu thầu.

Chứng chỉ hành nghề hoạt động đấu thầu đã được cấp, cấp lại theo quy định của Luật Đấu thầu số 43/2013/QH13 có giá trị tương đương chứng chỉ nghiệp vụ chuyên môn về đấu thầu quy định tại Thông tư này. Chứng chỉ hành nghề hoạt động đấu thầu hết hiệu lực trong năm 2024 sẽ mặc định được gia hạn hiệu lực đến hết ngày 31/12/2024. Kể từ ngày 01/01/2025, cá nhân có nhu cầu gia hạn hiệu lực chứng chỉ thực hiện gia hạn theo quy định tại điểm c Khoản 2 Điều 8 và Khoản 5 Điều 19 Thông tư này để được cấp chứng chỉ nghiệp vụ chuyên môn về đấu thầu. Trong trường hợp này, cá nhân không phải nộp chi phí để gia hạn hiệu lực chứng chỉ.

Các cá nhân nêu trên phải cập nhật kiến thức, nghiệp vụ chuyên môn về đấu thầu đảm bảo hoàn thành trách nhiệm được quy định tại Luật Đấu thầu số 22/2023/QH15.

*** Bộ Kế hoạch và Đầu tư đang lấy ý kiến góp ý với dự thảo Nghị định về đăng ký tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã.**

Bộ Kế hoạch và Đầu tư cho biết, ngày 20/6/2023, tại Kỳ họp thứ 5, Quốc hội Khóa XV đã thông qua Luật Hợp tác xã số 17/2023/QH15 (Luật Hợp tác xã năm 2023). Luật này có hiệu lực thi hành từ ngày 01/7/2024.

Luật Hợp tác xã năm 2023 đã có những bước cải cách đáng kể theo hướng tạo điều kiện thuận lợi cho hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã gia nhập, hoạt động và rút lui khỏi thị trường bằng việc cắt giảm chi phí, thời gian thực hiện thủ tục hành chính, tăng cường "hậu kiểm", tạo sân chơi bình đẳng với doanh nghiệp. Bên cạnh đó, nhằm xác định địa vị pháp lý của tổ hợp tác, đảm bảo sự bình đẳng như các tổ chức kinh tế khác, Luật đã bổ sung 01 chương riêng quy định về tổ hợp tác, trong đó quy định về nghĩa vụ đăng ký kinh doanh của tổ hợp tác để thống nhất quản lý. Luật Hợp tác xã 2023 giao Chính phủ quy định chi tiết một số quy định về đăng ký tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã gồm:

Khoản 3 Điều 41 Luật Hợp tác xã năm 2023 giao Chính phủ quy định về cơ quan đăng ký kinh doanh, trình tự, thủ tục, liên thông trong đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã.

Khoản 2 Điều 44 Luật Hợp tác xã năm 2023 giao Chính phủ quy định về việc cấp lại, cấp đổi Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã cho hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã.

Khoản 3 Điều 47 Luật Hợp tác xã năm 2023 giao Chính phủ quy định hồ sơ đăng ký thay đổi nội dung Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã.

Khoản 7 Điều 50 Luật Hợp tác xã năm 2023 giao Chính phủ quy định chi tiết tên của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, chi nhánh, văn phòng đại diện và địa điểm kinh doanh.

Khoản 5 Điều 104 Luật Hợp tác xã năm 2023 giao Chính phủ quy định chi tiết việc chấm dứt hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã...

Thực hiện nhiệm vụ được giao tại Luật Hợp tác xã năm 2023, Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010 đồng thời khắc phục bất cập trong quy định pháp luật và hoàn thiện khung khổ pháp lý về đăng ký tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, tạo tiền đề cho kinh tế tập thể phát triển thì việc xây dựng Nghị định về đăng ký tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã là hết sức cần thiết.

Việc xây dựng Nghị định nhằm mục đích hướng dẫn, quy định chi tiết, đầy đủ các nội dung về đăng ký tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, quỹ hỗ trợ phát triển hợp tác xã được giao tại Luật Hợp tác xã năm 2023 nhằm nhanh chóng đưa các quy định của Luật vào cuộc sống.

Bên cạnh đó, quy định về thủ tục đăng ký kinh doanh đối với các đối tượng đặc thù quy định tại các văn bản quy phạm pháp luật chuyên ngành như Luật Các tổ chức tín dụng, Nghị định số 45/2021/NĐ-CP.

Đồng thời, tiếp tục cải cách thủ tục hành chính trong lĩnh vực đăng ký hợp tác xã theo hướng cắt giảm chi phí, thời gian thực hiện thủ tục, ứng dụng công nghệ thông tin, chia sẻ dữ liệu giữa các cơ quan quản lý nhà nước.

Bổ sung quy định sử dụng số định danh cá nhân khi thực hiện thủ tục đăng ký hợp tác xã

Dự thảo hướng dẫn cụ thể Khoản 3 Điều 41 Luật Hợp tác xã về cơ quan đăng ký kinh doanh, trình tự, thủ tục, liên thông trong đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã; bao gồm các nội dung sửa đổi, bổ sung chính như sau:

Một là, thực hiện Quyết định số 1015/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Phương án phân cấp trong giải quyết thủ tục hành chính thuộc phạm vi quản lý của các bộ, cơ quan ngang bộ, Dự thảo Nghị định đã sửa đổi quy định về cơ quan đăng ký kinh doanh cho đối tượng là liên hiệp hợp tác xã. Theo đó, liên hiệp hợp tác xã, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của liên hiệp hợp tác xã đăng ký tại Phòng Tài chính - Kế hoạch thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện.

Hai là, thực hiện Nghị quyết số 136/NQ-CP của Chính phủ về việc đơn giản hóa thủ tục hành chính, giấy tờ công dân liên quan đến quản lý dân cư thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Kế hoạch và Đầu tư và quy định tại khoản 4 Điều 114 Luật Hợp tác xã năm 2023, Dự thảo Nghị định đã bổ sung quy định về việc sử dụng số định danh cá nhân khi thực hiện thủ tục đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã. Theo đó, trường hợp người thực hiện thủ tục đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã kê khai số định danh cá nhân thì có thể cắt giảm được phần lớn thông tin cá nhân phải kê khai trên cơ sở khai thác thông tin công dân trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư mà không yêu cầu phải kê khai lại, tạo điều kiện thuận lợi, tiết kiệm thời gian thực hiện thủ tục hành chính.

Ba là, bổ sung quy định về việc thực hiện thủ tục đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã qua dịch vụ bưu chính nhằm hướng dẫn quy định tại điểm b khoản 2 Điều 41 Luật Hợp tác xã năm 2023.

Bốn là, sửa đổi quy định về đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã qua mạng điện tử theo hướng người nộp hồ sơ sử dụng tài khoản định danh điện tử và chữ ký số theo quy định của pháp luật về giao dịch điện tử để đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã trên môi trường điện tử nhằm tương thích với quy định tại Nghị định số 45/2020/NĐ-CP ngày 08/4/2020 của Chính phủ về thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử.

Năm là, bổ sung quy định về việc cho phép người thành lập hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã hoặc hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã được đề nghị dừng thực hiện thủ tục đăng ký để đảm bảo quyền lợi của mình cũng như xử lý tình trạng hồ sơ bị treo trên Hệ thống thông tin về đăng ký hợp tác xã do hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã không hoàn thiện được hồ sơ theo yêu cầu.

Dự thảo có các nội dung sửa đổi, bổ sung chính như sau:

Bãi bỏ quy định về việc yêu cầu hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã nộp lại bản gốc/bản chính giấy chứng nhận đăng ký đã được cấp trước đó khi được cấp giấy chứng nhận đăng ký mới trong trường hợp giấy chứng nhận đăng ký cũ bị hư hỏng và trường hợp hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã có nhu cầu cấp đổi sang Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã theo quy định tại Nghị định này nhưng không thay đổi nội dung đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế.

Quy định nêu trên không còn cần thiết bởi Dự thảo Nghị định đã bổ sung quy định về giá trị pháp lý của thông tin trong hồ sơ đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã lưu giữ tại Cơ sở dữ liệu về đăng ký hợp tác xã là thông tin gốc về đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã. Do đó, khi được cấp giấy chứng nhận đăng ký mới, giấy chứng nhận đăng ký cũ tự động chấm dứt hiệu lực pháp lý. Việc bãi bỏ quy định này giúp cắt giảm thủ tục hành chính, tiết kiệm thời gian, chi phí cho hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã.

Dự thảo hướng dẫn về việc tạm ngừng, đình chỉ hoạt động, chấm dứt kinh doanh của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, bao gồm các nội dung sửa đổi, bổ sung chính như sau:

Quy định rút ngắn thời gian hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã phải thực hiện thủ tục thông báo tạm ngừng kinh doanh từ 15 ngày xuống còn 03 ngày làm việc, đảm bảo phù hợp với quy định tại Luật Hợp tác xã năm 2023, tạo điều kiện thuận lợi cho hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã có thể nhanh chóng tạm thời rút lui khỏi thị trường, hạn chế phát sinh thêm chi phí.

Bổ sung quy định về việc cơ quan đăng ký kinh doanh cập nhật tình trạng pháp lý tạm ngừng kinh doanh cho chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã đồng thời với tình trạng pháp lý tạm ngừng kinh doanh của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã nhằm đảm bảo cung cấp thông tin chính xác về tình trạng pháp lý của chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã tạm ngừng kinh doanh trên Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp.

*** Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch đang dự thảo Thông tư sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 06/2017/TT-BVHTTDL quy định chi tiết một số điều của Luật Du lịch được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 13/2019/TT-BVHTTDL.**

Dự thảo đề xuất sửa đổi, bổ sung điểm d Khoản 1 Điều 13 Thông tư số 06/2017/TT-BVHTTDL được sửa đổi, bổ sung bởi Khoản 10 Điều 1 Thông tư số 13/2019/TT-BVHTTDL và sửa đổi, bổ sung Khoản 2 Điều 13 Thông tư số 06/2017/TT-BVHTTDL về tiêu chuẩn thành thạo ngoại ngữ của hướng dẫn viên du lịch quốc tế như sau:

Có chứng chỉ ngoại ngữ từ bậc 4 trở lên theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam hoặc chứng chỉ năng lực ngoại ngữ của nước ngoài từ B2 trở lên Khung tham chiếu chung Châu Âu được cấp theo quy định tại Thông tư số 11/2022/TT-BGDĐT ngày 26/07/2022 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định về liên kết tổ chức thi cấp chứng chỉ năng lực ngoại ngữ của nước ngoài còn thời hạn hoặc được cấp trong thời hạn không quá 24 tháng tính đến thời điểm nộp hồ sơ đối với chứng chỉ năng lực ngoại ngữ của nước ngoài không quy định thời hạn.

Văn bằng do cơ sở đào tạo nước ngoài cấp phải được công nhận theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.

Bên cạnh đó, dự thảo cũng đề xuất sửa đổi, bổ sung Khoản 3 Điều 17 Thông tư số 06/2017/TT-BVHTTDL được sửa đổi, bổ sung tại điểm a Khoản 5 Điều 2 Thông tư số 13/2019/TT-BVHTTDL về Khóa cập nhật kiến thức cho hướng dẫn viên du lịch nội địa và hướng dẫn viên du lịch quốc tế.

Theo đó, căn cứ Kế hoạch tổ chức các khóa cập nhật kiến thức do Sở Du lịch, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch công bố, hướng dẫn viên gửi đăng ký đến Sở Du lịch, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

Trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày kết thúc khóa cập nhật kiến thức, Sở Du lịch, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch có trách nhiệm cấp Giấy chứng nhận khóa cập nhật kiến thức cho hướng dẫn viên du lịch nội địa và hướng dẫn viên du lịch quốc tế. Giấy chứng nhận khóa cập nhật kiến thức có giá trị 01 năm kể từ ngày cấp.

*** Bộ Giao thông vận tải đang dự thảo Thông tư quy định về mức giá dịch vụ lập hồ sơ phương tiện đối với những phương tiện được miễn kiểm định lần đầu và dịch vụ in lại Giấy chứng nhận kiểm định và Tem kiểm định.**

Theo đó, Bộ Giao thông vận tải đề xuất mức giá lập hồ sơ phương tiện đối với những phương tiện được miễn kiểm định lần đầu là: 50.000 đồng/phương tiện. Đối với dịch vụ in lại Tem kiểm định và Giấy chứng nhận kiểm định mức thu bằng 50% mức giá lập hồ sơ phương tiện.

Giá dịch vụ nêu trên đã gồm thuế giá trị gia tăng nhưng không bao gồm Lệ phí cấp Giấy chứng nhận kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường đối với xe cơ giới, xe máy chuyên dùng theo quy định của Bộ Tài chính. Đối với trường hợp in lại Tem kiểm định và Giấy chứng nhận kiểm định thì không thu thêm Lệ phí cấp Giấy chứng nhận kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường đối với xe cơ giới, xe máy chuyên dùng.

Dự thảo nêu rõ, khi thu tiền dịch vụ, đơn vị đăng kiểm sử dụng hóa đơn cung ứng dịch vụ theo quy định tại Nghị định số 51/2010/NĐ-CP ngày 15/4/2010 của Chính phủ về hóa đơn bán hàng và cung cấp dịch vụ; Nghị định số 04/2014/NĐ-CP ngày 17/01/2014 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 51/2010/NĐ-CP ngày 15/4/2010 của Chính phủ về hóa đơn bán hàng và cung cấp dịch vụ; Thông tư số 38/2014/TT-BTC ngày 31/3/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành Nghị định số 51/2010/NĐ-CP ngày 15/4/2010 và Nghị định số 04/2014/NĐ-CP ngày 17/01/2014 của Chính phủ quy định về hóa đơn bán hàng hóa, cung ứng dịch vụ và văn bản thay thế hoặc văn bản sửa đổi, bổ sung (nếu có).

Đơn vị đăng kiểm có nghĩa vụ công khai thông tin và niêm yết giá dịch vụ, nộp thuế đối với số tiền thu được và có quyền quản lý, sử dụng số tiền còn lại sau khi đã nộp thuế theo quy định của pháp luật.

*** Thanh tra Chính phủ đang dự thảo Thông tư quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng đối với ngành Thanh tra.**

Danh hiệu "Lao động tiên tiến" được xét tặng hàng năm cho cá nhân cơ quan Thanh tra Chính phủ đạt các tiêu chuẩn theo quy định tại Khoản 1 Điều 24 của Luật Thi đua, khen thưởng năm 2022.

Cá nhân được cấp có thẩm quyền cử tham gia các khóa học tập, đào tạo, bồi dưỡng thì thời gian này được tính để bình xét danh hiệu "Lao động tiên tiến".

Thời gian nghỉ chế độ thai sản theo quy định được tính để bình xét danh hiệu "Lao động tiên tiến".

Đối với cá nhân chuyển công tác về Thanh tra Chính phủ trong năm xét khen thưởng, cơ quan đề xuất bình xét khen thưởng cho cá nhân đó có trách nhiệm xin ý kiến nhận xét của cơ quan nơi công tác trước khi chuyển về Thanh tra Chính phủ nếu người đó có thời gian công tác ở cơ quan đó từ 06 tháng trở lên.

Trường hợp cá nhân được điều động, biệt phái đến làm việc tại cơ quan, tổ chức, đơn vị khác trong một thời gian nhất định thì việc bình xét danh hiệu "Lao động tiên tiến" do cơ quan, đơn vị điều động, biệt phái thực hiện. Cơ quan, tổ chức, đơn vị tiếp nhận cá nhân được điều động, biệt phái có trách nhiệm cho ý kiến nhận xét về việc chấp hành đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước; nội quy, quy chế của cơ quan, đơn vị và thực hiện các nhiệm vụ được giao trong thời gian điều động, biệt phái tại cơ quan, tổ chức, đơn vị tiếp nhận.

Không bình xét danh hiệu "Lao động tiên tiến" đối với một trong các trường hợp sau đây: a) Có thời gian tuyền dụng hoặc đang làm hợp đồng lao động dưới 06 tháng. b) Nghi không tham gia công tác theo quy định của pháp luật trong năm từ 03 tháng đến dưới 06 tháng (trừ trường hợp quy định tại Khoản 3 Điều này). c) Cá nhân đang trong thời gian xem xét thi hành kỷ luật hoặc bị điều tra, thanh tra, kiểm tra khi có dấu hiệu vi phạm hoặc có đơn khiếu nại, tố cáo đang được xác minh làm rõ.

Trường hợp hành vi vi phạm chưa có quyết định xử lý kỷ luật nhưng đã được dùng làm căn cứ để đánh giá, xếp loại và bình xét ở trong năm đánh giá thì quyết định xử lý kỷ luật ban hành năm sau với hành vi vi phạm đó (nếu có) không được tính để đánh giá, xếp loại và bình xét danh hiệu "Lao động tiên tiến" ở năm có quyết định xử lý kỷ luật.

Trường hợp cá nhân là đảng viên, đã bị xử lý kỷ luật đảng và kỷ luật hành chính về cùng một hành vi vi phạm nhưng quyết định kỷ luật đảng và quyết định kỷ luật hành chính không có hiệu lực trong cùng năm đánh giá thì chỉ tính là căn cứ xếp loại, đánh giá, bình xét ở một năm đánh giá. Quyết định kỷ luật ban hành trước được lấy làm căn cứ đánh giá.

Dự thảo quy định, Danh hiệu "Cờ thi đua của Thanh tra Chính phủ" được xét tặng cho tập thể các cục, vụ, đơn vị thuộc Thanh tra Chính phủ, Thanh tra bộ, Thanh tra tỉnh đạt các tiêu chuẩn theo quy định tại Khoản 1, Khoản 2 Điều 26 Luật Thi đua, khen thưởng năm 2022.

Đối tượng được xét tặng danh hiệu "Cờ thi đua của Thanh tra Chính phủ" là các tập thể tiêu biểu, dẫn đầu phong trào thi đua của cụm, khối thi đua do Tổng Thanh tra Chính phủ tổ chức, bao gồm: Các cục, vụ, đơn vị thuộc Thanh tra Chính phủ; Thanh tra bộ; Thanh tra tỉnh.

Đối với các cục, vụ, đơn vị thuộc Thanh tra Chính phủ được xét tặng danh hiệu "Cờ thi đua của Thanh tra Chính phủ", mà được lựa chọn tiếp tục trình Thủ tướng Chính phủ xét tặng danh hiệu "Cờ thi đua của Chính phủ" thì Thanh tra Chính phủ sẽ không ra quyết định tặng danh hiệu "Cờ thi đua của Thanh tra Chính phủ" và làm thủ tục để trình Thủ tướng Chính phủ xét tặng danh hiệu "Cờ thi đua của Chính phủ".

Trường hợp cục, vụ, đơn vị không được xét tặng danh hiệu "Cờ thi đua của Chính phủ" thì Thanh tra Chính phủ sẽ ra quyết định tặng danh hiệu "Cờ thi đua của Thanh tra Chính phủ".

Dự thảo cũng quy định: tiêu chuẩn, đối tượng xét tặng danh hiệu "Tập thể lao động xuất sắc", "Tập thể lao động tiên tiến"; Tiêu chuẩn xét tặng hoặc truy tặng Bằng khen của Tổng Thanh tra Chính phủ...

*** Ủy ban Dân tộc đang lấy ý kiến góp ý của Nhân dân vào dự thảo Thông tư quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng trong hệ thống cơ quan công tác dân tộc.**

Theo dự thảo, đối tượng thi đua gồm: Thi đua thường xuyên, là các tập thể, cá nhân tại các đơn vị thuộc Ủy ban Dân tộc.

Thi đua theo chuyên đề, là các tập thể, cá nhân quy định trên và Ban Dân tộc các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (gọi tắt là cơ quan công tác dân tộc cấp tỉnh).

Đối tượng khen thưởng gồm các tổ chức, cá nhân có nhiều đóng góp trong sự nghiệp xây dựng và phát triển các dân tộc Việt Nam, các đối tượng khác theo quyết định của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban Dân tộc.

Danh hiệu "Cờ thi đua của Ủy ban Dân tộc" được xét tặng hằng năm cho tập thể tiêu biểu xuất sắc trong phong trào thi đua của Khối thi đua do Ủy ban Dân tộc tổ chức và đạt các tiêu chuẩn sau:

Hoàn thành vượt các chỉ tiêu thi đua và nhiệm vụ được giao trong năm; là tập thể tiêu biểu xuất sắc trong hệ thống cơ quan công tác dân tộc. Nội bộ đoàn kết, tổ chức đảng, đoàn thể trong sạch, vững mạnh; tích cực thực hành tiết kiệm, chống lãng phí, phòng, chống tham nhũng, tiêu cực và các tệ nạn xã hội khác.

Tập thể tiêu biểu xuất sắc để tặng Cờ thi đua của Ủy ban Dân tộc được bình xét, đánh giá, so sánh giữa các đơn vị trong Khối thi đua do Ủy ban Dân tộc tổ chức.

Số lượng bình xét: Khối thi đua bình xét 01 "Cờ thi đua của Ủy ban Dân tộc"; khối thi đua có trên 10 đơn vị thì bình xét 02 "Cờ thi đua của Ủy ban Dân tộc".

Hằng năm, căn cứ kết quả thực hiện các nhiệm vụ được giao và đề nghị của Hội đồng Thi đua - Khen thưởng, Bộ trưởng, Chủ nhiệm xem xét, quyết định số lượng "Cờ thi đua của Ủy ban Dân tộc".

Đối với phong trào thi đua theo chuyên đề do Ủy ban Dân tộc phát động, khi tổng kết Bộ trưởng, Chủ nhiệm xem xét, quyết định về đối tượng, tiêu chuẩn, số lượng "Cờ thi đua của Ủy ban Dân tộc".

Kỷ niệm chương "Vì sự nghiệp phát triển các dân tộc" (gọi tắt là Kỷ niệm chương) là hình thức khen thưởng của Ủy ban Dân tộc để tặng cho cá nhân đã có công lao, thành tích đóng góp vào sự nghiệp Phát triển các Dân tộc thiểu số Việt Nam.

Ủy ban Dân tộc xét tặng Kỷ niệm chương vào dịp Kỷ niệm "Ngày truyền thống cơ quan quản lý nhà nước về lĩnh vực công tác dân tộc" (ngày 03 tháng 5 hàng năm) và xét tặng đối với các trường hợp khác theo quyết định của Bộ trưởng, Chủ nhiệm.

Kỷ niệm chương chỉ tặng một lần cho mỗi cá nhân, không truy tặng.

Kỷ niệm chương được xét tặng cho các cá nhân đạt một trong các tiêu chuẩn sau: a) Đối với cá nhân công tác trong hệ thống cơ quan công tác dân tộc: Bộ trưởng, Chủ nhiệm; các Thứ trưởng, Phó Chủ nhiệm. Cán bộ công chức, viên chức, người lao động có thời gian công tác liên tục từ 10 năm trở lên đối với nam, 08 năm trở lên đối với nữ tính đến thời điểm xét tặng Kỷ niệm chương; b) Đối với cá nhân ngoài hệ thống cơ quan công tác dân tộc: Là người dân tộc thiểu số được Nhà nước phong tặng danh hiệu Anh hùng lực lượng vũ trang, Anh hùng lao động trong thời kỳ đổi mới, Chiến sỹ thi đua toàn quốc, Nhà giáo nhân dân, Nghệ sỹ nhân dân, Nghệ nhân nhân dân.

Người có uy tín trong cộng đồng các dân tộc thiểu số do cơ quan có thẩm quyền công nhận, doanh nhân, nghệ sỹ, nghệ nhân có thành tích xuất sắc đóng góp vào sự phát triển kinh tế xóa đói, giảm nghèo, bảo tồn, phát triển văn hóa dân tộc, đảm bảo an ninh quốc phòng, trật tự xã hội trong cộng đồng dân cư.

Anh Cao - Cổng thông tin điện tử Bộ Nội vụ

HÀ NỘI: 'CHỮA BỆNH' THỜ Ơ, THIẾU TRÁCH NHIỆM CỦA MỘT BỘ PHẬN CÔNG CHỨC

Sáng ngày 13/12, Ủy ban nhân dân TP. Hà Nội tổ chức Hội thảo khoa học với chủ đề “Cải thiện, nâng cao sự hài lòng của người dân, tổ chức đối với sự phục vụ của các cơ quan hành chính TP. Hà Nội”.

Phát biểu khai mạc Hội thảo, Giám đốc Sở Nội vụ Trần Đình Cảnh cho biết, những năm qua, công tác cải cách hành chính tiếp tục được thành phố xác định là một trong các nhiệm vụ trọng tâm.

Từ năm 2019 đến nay, việc triển khai khảo sát, đo lường sự hài lòng của người dân, tổ chức đối với sự phục vụ hành chính của các cơ quan, đơn vị thuộc thành phố (30 quận, huyện và 22 sở, ngành) được Hà Nội triển khai thường xuyên, liên tục. Thông qua đó, các cơ quan hành chính Nhà nước thuộc thành phố nắm bắt được nhu cầu, kỳ vọng của người dân để có những giải pháp cải thiện chất lượng phục vụ, cung cấp dịch vụ của mình nhằm nâng cao hơn nữa sự hài lòng của người dân và tổ chức.

Giám đốc Sở Nội vụ cho biết, thông qua các tham luận tại Hội thảo, Ban Tổ chức sẽ xây dựng báo cáo, kiến nghị, đề xuất những giải pháp cụ thể nhằm cải thiện và nâng cao sự hài lòng của người dân, tổ chức đối với sự phục vụ của các cơ quan, đơn vị thuộc thành phố Hà Nội, báo cáo Thành ủy, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân TP. Hà Nội để chỉ đạo, điều hành.

Đánh giá về Chỉ số hài lòng về sự phục vụ hành chính, Viện trưởng Viện Nghiên cứu phát triển Kinh tế xã hội Hà Nội Lê Ngọc Anh cho rằng, chỉ số này của thành phố đạt khá cao, được cải thiện qua từng năm 2020-2022, trong đó năm 2022 tại khối sở và khối huyện đều đạt trên 90%.

Tuy nhiên, dù Chỉ số hài lòng về sự phục vụ hành chính của TP. Hà Nội đạt cao nhưng chưa có sự ổn định, đồng đều giữa các cơ quan, đơn vị. Kết quả khảo sát chỉ số này hàng năm tại một số đơn vị vẫn chưa phản ánh đầy đủ, sát thực trạng, chất lượng giải quyết thủ tục hành chính của cơ quan hành chính Nhà nước cũng như sự mong đợi của người dân, tổ chức đối với việc giải quyết thủ tục hành chính.

“Có nơi, có lúc người dân còn khó tiếp cận dịch vụ; thái độ làm việc của cán bộ trực tiếp giải quyết hồ sơ còn thờ ơ, thiếu trách nhiệm; tình trạng phải bổ sung hồ sơ nhiều lần để được tiếp nhận, giải quyết vẫn còn. Người dân còn gặp khó khăn trong quá trình góp ý, phản ánh, kiến nghị” - ông Lê Ngọc Anh thông tin.

Trước thực tế đó, Viện Nghiên cứu phát triển Kinh tế xã hội Hà Nội đề xuất một số nhóm giải pháp liên quan đến tiếp cận dịch vụ, thủ tục hành chính, công chức giải quyết thủ tục hành chính, kết quả cung ứng dịch vụ hành chính công và tiếp nhận, xử lý ý kiến góp ý, phản ánh, kiến nghị. Đặc biệt, các cơ quan đơn vị rất cần cung cấp đầy đủ, kịp thời thông tin và mở

rộng hình thức thông tin để người dân, tổ chức biết về cơ quan tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính một cách dễ dàng tại trụ sở cơ quan, trên Cổng/Trang thông tin điện tử.

“Cùng với đó, nghiêm túc rà soát, kiến nghị đơn giản hóa những thủ tục hành chính rườm rà, phức tạp, tránh tình trạng công chức giải quyết tự ý đòi bổ sung những giấy tờ khác ngoài quy định. Tăng tần suất kiểm tra công vụ, kiểm tra cải cách hành chính, nhất là tại cấp xã, nhằm chấn chỉnh kỷ cương hành chính và xử lý ngay những trường hợp vi phạm về thái độ giao tiếp ứng xử. Đặc biệt cần xử lý nghiêm trường hợp cán bộ công chức đòi hỏi giấy tờ sai quy định, tự đặt thêm khâu công việc, những nhiễu, tiêu cực” - ông Lê Ngọc Anh đề nghị.

Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân TP. Hà Nội Hà Minh Hải đề nghị, các cấp, ngành toàn thành phố tiếp tục triển khai quyết liệt, có trọng tâm, trọng điểm, giải pháp đột phá, hiệu quả, trong đó ưu tiên những nội dung người dân, tổ chức quan tâm, kỳ vọng sự đổi mới, nâng cao chất lượng phục vụ của các cấp chính quyền. Đặc biệt, đảm bảo sự tham gia của cả hệ thống chính trị, người dân vào hoạt động quản lý của các cấp chính quyền. Tập trung rà soát, đề xuất đưa một số nội dung chính sách thiết yếu, đặc thù vào dự thảo Luật Thủ đô sửa đổi. Phát triển mạnh hạ tầng số, hạ tầng công nghệ thông tin, hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính, kênh phản ánh, kiến nghị để nâng cao sự hài lòng của người dân.

Đặc biệt, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân TP. Hà Nội cho rằng, việc quan trọng nhất đối với thành phố để nâng cao sự hài lòng của người dân hiện nay là phải đẩy mạnh xây dựng chính quyền số, khi đó các điểm nghẽn sẽ được xử lý. Đồng thời, chú trọng hơn tới yếu tố con người, bởi người dân Thủ đô đang kỳ vọng rất cao vào đội ngũ cán bộ, công chức. Cán bộ, công chức thành phố cần hiểu rõ sứ mệnh của mình để thực hiện tốt 3 nguyên tắc là tự tôn pháp luật, luôn lắng nghe và có thái độ cầu thị, phục vụ tốt; đồng thời hướng tới các mục tiêu gồm nhận thức đầy đủ, tầm nhìn dài hạn, tư duy sáng tạo, giải pháp thông minh, sản phẩm cụ thể...

*** '30 phút vì dân': Mô hình hay của phường Thụy Khuê cần nhân rộng**

Nhằm nâng cao chất lượng dịch vụ công, tạo thuận lợi cho người dân khi đến giải quyết các thủ tục hành chính, Ủy ban nhân dân phường Thụy Khuê (quận Tây Hồ) đã triển khai mô hình '30 phút vì dân'. Đến nay mô hình đã phát huy hiệu quả, mang lại sự hài lòng cho người dân, doanh nghiệp.

Tạo sự phục vụ tốt nhất cho người dân

Từ nhu cầu thực tế của công nhân, người lao động, sinh viên, học sinh và doanh nghiệp... trên địa bàn không thể đi làm thủ tục, hồ sơ trong giờ giải quyết hành chính tại địa phương, Ủy ban nhân dân phường Thụy Khuê đã triển khai thực hiện mô hình “30 phút vì dân”. Điều đặn, cứ 7h, thứ 2 và thứ 6 hàng tuần, tại Bộ phận Một cửa phường đã có cán bộ công chức đến làm việc, trước 30 phút so với thời gian quy định của nhà nước nhằm giải quyết hồ sơ còn tồn đọng và thực hiện tiếp nhận hồ sơ, trả kết quả cho người dân.

Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường Thụy Khuê Lê Văn Thủy cho biết, mô hình “30 phút vì dân” nhằm hỗ trợ những cá nhân, đơn vị, tổ chức có nhu cầu thực hiện các thủ tục hành chính tại Ủy ban nhân dân phường nhưng không có điều kiện về thời gian, không thể thực hiện thủ tục trong khung giờ tiếp dân tại Bộ phận Một cửa theo quy định. Để mô hình đạt hiệu quả, Ủy ban

nhân dân và Đoàn Thanh niên phường xây dựng lịch, bố trí cán bộ, công chức, đoàn viên trực và làm việc tại Bộ phận Một cửa nhằm phục vụ tốt nhất cho tổ chức, cá nhân khi đến làm việc.

“Từ khi triển khai mô hình, khi đến làm các thủ tục hành chính người dân rất hồ hởi, tạo sự gần gũi, thân thiện. Thông qua mô hình, chúng tôi hướng đến mục đích chính là tạo sự phục vụ tốt nhất cho người dân, lấy sự hài lòng của người dân làm tiêu chí hàng đầu”, ông Lê Văn Thủy - Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường Thụy Khuê khẳng định.

Mô hình “30 phút vì dân” được bắt đầu triển khai từ ngày 23/10, sau hơn một tháng thực hiện, đến nay, mô hình được đông đảo các tổ chức, cá nhân ghi nhận, đánh giá cao. Chỉ số hài lòng về sự phục vụ hành chính đã được nâng cao.

Bà Võ Thị Minh (Tổ dân phố số 5) cho biết, trước đây muốn làm thủ tục hành chính, người dân phải ra phường xin mẫu, viết rồi nộp tờ khai, đợi tới ngày hẹn ra nhận kết quả, đặc biệt phải ra đúng giờ làm việc tuy nhiên giờ hành chính nhiều người dân bận đi làm không thể sắp xếp được.

“Từ khi phường triển khai mô hình “30 phút vì dân”, khi cần giải quyết thủ tục hành chính, tôi ra sớm hơn vào ngày thứ 2 hoặc thứ 6 mà không phải xin nghỉ làm. Tôi được cán bộ và đoàn viên phường nhiệt tình hỗ trợ hướng dẫn mọi trình tự thủ tục liên quan. Việc giải quyết thủ tục diễn ra nhanh chóng, trôi chảy, cán bộ làm việc chuyên nghiệp, tạo sự gần gũi đối với chúng tôi”, bà Minh bày tỏ sự hài lòng.

Cùng chung sự hài lòng, bà Hoàng Thị Đào (Tổ dân phố số 6) cho biết: “Mô hình này rất tiện lợi, thực sự là vì người dân, đã tạo nhiều thuận lợi cho người dân mỗi khi cần giải quyết thủ tục hành chính. Tôi rất hài lòng với việc giải quyết thủ tục hành chính của Bộ phận Một cửa. Mô hình được duy trì sẽ không ai phải chờ đợi, chúng tôi tiết kiệm được nhiều thời gian để làm các công việc khác”.

Nâng cao hiệu quả cải cách hành chính

Không chỉ đem đến sự hài lòng cho nhân dân, mô hình còn giúp cho cán bộ, công chức thấy rõ trách nhiệm của mình trong việc giải quyết các thủ tục hành chính, giúp nâng cao kỷ luật, kỷ cương hành chính. Thông qua đó cũng đề cao văn hóa ứng xử của cán bộ, công chức trong thực hiện hiệu quả cơ chế “Một cửa, Một cửa liên thông” theo hướng văn minh, hiện đại.

Mô hình tạo phong trào thi đua sôi nổi trong cán bộ, công chức, người lao động qua đó phát huy, biểu dương và nhân rộng những mô hình, sáng kiến, giải pháp cải cách hành chính mới hữu ích, thiết thực, nâng cao hiệu quả, chất lượng hoạt động, quản lý nhà nước, phục vụ Nhân dân.

Chị Trần Thị Tuyết Phương (công chức Tư pháp - Hộ tịch phường Thụy Khuê) chia sẻ: “Thực hiện mô hình cải cách hành chính, mọi người dân, tổ chức khi đến làm thủ tục vào thứ 2, thứ 6 đều rất phấn khởi, khi làm việc, chúng tôi cũng thấy vui hơn, có trách nhiệm hơn với công việc”.

Theo chị Phương khi triển khai mô hình cán bộ, công chức phường cũng gặp một số khó khăn, tuy nhiên từ những lợi ích thiết thực mà mô hình đem lại, mỗi cán bộ, công chức tại đây

đều sắp xếp thời gian, chủ động nghiên cứu cách làm khoa học và luôn cập nhật thông tin, văn bản mới để trao đổi, giải quyết thủ tục cho công dân một cách nhanh nhất.

Bên cạnh mô hình “30 phút vì dân”, Ủy ban nhân dân phường Thụy Khuê vẫn tiếp tục duy trì mô hình “Thứ 2 - Ngày không giấy hẹn” nhằm góp phần rút ngắn thời gian giải quyết thủ tục hành chính tại bộ phận một cửa. Từ đó, công tác giải quyết hồ sơ hành chính được thực hiện nhanh chóng, kịp thời, tạo thuận lợi cho tổ chức và cá nhân khi đến quan hệ công việc.

Song song với đó, phường Thụy Khuê triển khai mô hình quét mã QR để thực hiện các dịch vụ công. Theo đó công dân chỉ cần dùng điện thoại quét mã QR ở dịch vụ công mình cần thực hiện, sau đó điền thông tin, thực hiện các bước giải quyết thủ tục hành chính theo hướng dẫn. Quét mã QR đã tạo sự thuận lợi cho nhân dân, tránh việc phải tìm đường link truy cập... Bộ phận Một cửa của phường đều công khai, minh bạch và niêm yết tất cả các thủ tục hành chính có liên quan và các thủ tục đều được giải quyết đúng hạn.

Đánh giá về mô hình, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận Tây Hồ Nguyễn Thanh Tịnh cho biết, mô hình “30 phút vì dân” trong tiếp nhận, giải quyết và hỗ trợ tổ chức, công dân thực hiện thủ tục hành chính tại phường Thụy Khuê là một trong 6 mô hình cải cách hành chính đang được triển khai trên địa bàn quận.

Mô hình là kết quả của việc cụ thể hóa kế hoạch số 201/KH-UBND ngày 16/5/2023 của Ủy ban nhân dân quận Tây Hồ về việc phát động phong trào thi đua “Sáng kiến, sáng tạo trong công tác cải cách hành chính” trên địa bàn quận năm 2023.

Nguồn: kinhtedothi.vn/laodongthudo.vn

BẮC GIANG: KHẢO SÁT, ĐÁNH GIÁ XÁC ĐỊNH CHỈ SỐ NĂNG LỰC CẠNH TRANH CẤP SỞ, BAN, NGÀNH VÀ CẤP HUYỆN TRÊN NỀN TẢNG ONLINE

Theo Quyết định số 2862/QĐ-UBND của Ủy ban nhân dân tỉnh, Bộ Chỉ số năng lực cạnh tranh cấp sở, ban, ngành và huyện, thành phố năm 2023 được xác định dựa trên 9 chỉ số thành phần gồm: Tính minh bạch và tiếp cận thông tin; khả năng tiếp cận đất đai và mặt bằng kinh doanh; chi phí không chính thức; chi phí thời gian; cạnh tranh bình đẳng; hỗ trợ doanh nghiệp; thiết chế pháp lý và an ninh trật tự; tính năng động, sáng tạo và hiệu quả hoạt động của chính quyền huyện, thành phố; vai trò người đứng đầu Ủy ban nhân dân huyện, thành phố. Các sở, ngành tỉnh có 8 chỉ số thành phần như trên (không có chỉ số khả năng tiếp cận đất đai và mặt bằng kinh doanh).

Để đánh giá Chỉ số năng lực cạnh tranh cấp sở, ban, ngành và huyện, thành phố thuộc tỉnh Bắc Giang (DDCI), năm nay, Hiệp hội Doanh nghiệp tỉnh phát 4.000 phiếu khảo sát tới các doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh trên địa bàn tỉnh.

Việc khảo sát, đánh giá được thực hiện hoàn toàn trên không gian mạng thông qua cổng thông tin điều tra Chỉ số năng lực cạnh tranh cấp sở, ban, ngành và huyện, thành phố tại địa chỉ www.ddcibacgiang.vn. Việc sử dụng nền tảng online là một trong những hoạt động đầy mạnh ứng dụng chuyển đổi số mang tới nhiều ưu điểm vượt trội. Doanh nghiệp có thể tham gia khảo sát, đánh giá Chỉ số năng lực cạnh tranh cấp sở, ban, ngành và huyện, thành phố không giới hạn thời gian, không gian, giúp tiết kiệm chi phí và thời gian cho doanh nghiệp.

Các bước tham gia điều tra, khảo sát Chỉ số năng lực cạnh tranh cấp sở, ban, ngành và huyện, thành phố sẽ được thực hiện chi tiết như sau:

Bước 1:
Truy cập cổng thông tin điều tra DDCI tại www.ddcibacgiang.vn
Sau đó lựa chọn đối tượng đánh giá (Sở ngành hoặc Huyện, TP)

Bước 2:
Nhập mã số thuế

Bước 3:
Nhập mã OTP

Bước 4:
Chọn loại đơn vị khảo sát

Bước 5:
Xác nhận gửi phiếu khảo sát

Bước 6:
Hoàn thành khảo sát

Bước 7:
Kết quả khảo sát sẽ được hệ thống mã hóa và sao lưu 1 bản trên Server của hệ thống 1 bản sẽ được gửi về cho Quý Doanh Nghiệp thông qua tin nhắn SMS. Doanh nghiệp có thể tải về dưới dạng file PDF để lưu trữ.

Lưu ý: Vui lòng đánh máy với các yêu cầu cần lấy ý kiến, để xuất và tương tự các bước cho đến khi trả lời xong tất cả các câu hỏi theo yêu cầu

Lưu ý: Thay đổi câu trả lời bấm "kiểm tra lại"
Vui lòng kiểm tra kỹ lại nội dung trả lời trước khi bấm "xác nhận hoàn thành"

Lưu ý: Đọc kỹ các câu hỏi trước khi lựa chọn để đảm bảo tính khách quan khi điều tra khảo sát

Ngày 07/12/2023, Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Giang tổ chức Hội nghị công bố xếp hạng Chỉ số năng lực cạnh tranh cấp sở, ban, ngành và huyện, thành phố. Chỉ số năng lực cạnh tranh cấp sở, ban, ngành và huyện, thành phố được tỉnh Bắc Giang tổ chức công bố hàng năm nhằm đánh giá chất lượng điều hành của chính quyền 10 huyện, thành phố và 20 sở, ban, ngành. Điểm số xếp hạng được tổng hợp trên cơ sở cộng đồng doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh trong tỉnh chăm, đánh giá thông qua công tác giải quyết công việc, thủ tục hành chính trong năm.

Theo kết quả được công bố, ở khối sở, ngành, Sở Kế hoạch và Đầu tư tiếp tục dẫn đầu với 89,29 điểm, xếp thứ hai là Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đạt 82,17 điểm, thứ ba là Công an tỉnh 77,87 điểm (năm 2022 xếp thứ 6).

Ở khối huyện, thành phố, huyện Việt Yên dẫn đầu với 89,56 điểm, thứ hai là TP Bắc Giang 72,64 điểm, tiếp đến là Lục Nam 66,3 điểm.

Tại Hội nghị công bố Chỉ số năng lực cạnh tranh cấp sở, ban, ngành và huyện, thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Giang Lê Ánh Dương yêu cầu các cơ quan, đơn vị tiếp tục phát động phong trào thi đua, có giải pháp quyết liệt để nâng điểm các chỉ số. Riêng đơn vị xếp ở vị trí cuối bảng xếp hạng phải phân tích, làm rõ nguyên nhân, nhất là đối với những chỉ tiêu thấp điểm để có biện pháp khắc phục và cải thiện. Để làm được điều này đòi hỏi các cấp chính quyền, ngành chức năng tiếp tục vào cuộc quyết liệt hơn để nâng điểm các chỉ số thành phần đạt thấp. Cùng đó, thay đổi nhận thức của cán bộ, công chức, viên chức trong phục vụ người dân và doanh nghiệp. Đặc biệt, người đứng đầu các đơn vị nêu cao vai trò, trách nhiệm, đổi mới phương pháp lãnh đạo, chỉ đạo điều hành, tạo niềm tin đối với doanh nghiệp.

Phòng Cải cách hành chính, Sở Nội vụ tỉnh Bắc Giang

HẢI DƯƠNG: NHỮNG SÁNG KIẾN, KINH NGHIỆM QUÝ TRONG CẢI CÁCH THỦ TỤC HÀNH CHÍNH

Nhiều sáng kiến, kinh nghiệm trong cải cách thủ tục hành chính đã góp phần giảm chi phí, tiết kiệm thời gian, mang lại sự hài lòng cho người dân.

Ngày thứ 5 không hẹn, ngày thứ 7 vì dân, giải pháp tạo mã QR chứa thông tin thủ tục hành chính... là những sáng kiến, giải pháp thiết thực trong cải cách thủ tục hành chính đang được áp dụng triển khai tại nhiều địa phương trong tỉnh Hải Dương.

Tạo thuận lợi cho dân

Anh Nguyễn Văn Thuyết, xã Đồng Cẩm (Kim Thành) hiện đang là công nhân tại TP. Hải Phòng. Tháng 11 vừa qua, anh có nhu cầu chứng thực căn cước công dân để làm thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Biết thông tin xã Đồng Cẩm làm việc cả ngày thứ 7 để hỗ trợ những công nhân, người lao động không thể nghỉ trong ngày hành chính, anh đã đến Bộ phận “Một cửa” xã và được hỗ trợ giải quyết kịp thời.

Chị Nguyễn Thị Loan, công chức Văn phòng xã Đồng Cẩm cho biết tháng 6/2023, xã đã triển khai giải pháp “Ngày thứ 7 vì dân” trong giải quyết thủ tục hành chính. Ngoài hỗ trợ công nhân, người lao động có nhu cầu giải quyết thủ tục hành chính ngoài giờ hành chính, Tổ hỗ trợ của xã còn đến tận nhà hỗ trợ người già, người khuyết tật giải quyết thủ tục vào ngày thứ 7. Từ khi triển khai giải pháp đến nay, xã đã hỗ trợ lưu động, giúp nhân dân trong xã giải quyết trên 200 hồ sơ thủ tục hành chính trong ngày thứ 7.

Đầu năm 2023, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Nam Sách Hồ Ngọc Lâm có sáng kiến “Giải pháp tạo mã QR chứa thông tin thủ tục hành chính phục vụ, niêm yết, tra cứu thông tin và đăng ký dịch vụ công trực tuyến của Ủy ban nhân dân các xã, thị trấn trong huyện”. Theo đó, mỗi bộ QR sẽ gồm danh mục các thủ tục hành chính thuộc từng lĩnh vực chứa các nội dung như thông tin chung về thủ tục hành chính; quy trình các bước thực hiện; thành phần hồ sơ; thời gian giải quyết hồ sơ... Hiện sáng kiến đang được áp dụng tại tất cả bộ phận “một cửa” cấp xã trong huyện, tạo thuận lợi trong giải quyết thủ tục hành chính.

Là đơn vị có lượng hồ sơ giải quyết thủ tục hành chính lớn, song tỷ lệ kết quả hồ sơ trả qua dịch vụ bưu chính công ích chưa đạt như kỳ vọng. Năm 2023, Sở Giao thông vận tải đã áp dụng giải pháp “Nâng cao tỷ lệ trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính qua dịch vụ bưu chính công ích”. Sở đã phối hợp Bưu điện tỉnh ký kết, thực hiện quy chế phối hợp về nội dung này. Cùng với đó, sở cũng triển khai sáng kiến, thành lập Tổ triển khai thực hiện dịch vụ công trực tuyến toàn trình đổi giấy phép lái xe trên Cổng dịch vụ công quốc gia; phối hợp chặt chẽ với các sở, ngành, cơ quan, tổ chức liên quan khắc phục, tháo gỡ các vướng mắc, khó khăn... Đến nay, sở này đã cấp đổi được gần 3.000 hồ sơ mức độ toàn trình. Số hồ sơ, kết quả hồ sơ trả qua dịch vụ bưu chính công ích đạt gần 26.000 hồ sơ, chiếm 77 % tổng số hồ sơ tiếp nhận, trả kết quả.

Thúc đẩy thi đua

Hàng năm, Sở Giao thông vận tải duy trì kế hoạch phát động thi đua từ đầu năm, trong đó phát động phong trào thi đua phát huy sáng kiến, cải tiến kỹ thuật trong công tác, lao động, sản xuất. Đến nay, nhiều sáng kiến cải cách hành chính đã và đang áp dụng tại sở được thực hiện có hiệu quả như: Xây dựng hệ thống trả lời tự động Chatbot xử lý công việc; xây dựng hệ thống quản lý thông tin xe vào đường cấm; ứng dụng trực tuyến trong việc trả kết quả thi sát hạch cấp giấy phép lái xe...

Năm 2023, Sở Công Thương đề nghị và có cơ chế khuyến khích toàn thể cán bộ, công chức, viên chức, người lao động và đoàn viên công đoàn toàn ngành phát huy tinh thần đổi mới, sáng tạo đề xuất các ý tưởng, viết sáng kiến, kinh nghiệm. Kết quả, đến nay toàn sở đã có 3 sáng kiến, giải pháp đổi mới trong lĩnh vực cải cách hành chính của cán bộ, công chức, đều áp dụng được ngay vào thực tiễn.

Theo Sở Nội vụ, để nâng cao chất lượng cải cách hành chính và cải cách thủ tục hành chính, thời gian qua, các địa phương, đơn vị đã tích cực nghiên cứu, xây dựng các sáng kiến, giải pháp, kinh nghiệm, cách làm hay trong cải cách hành chính. Việc xây dựng, áp dụng các sáng kiến, giải pháp trong thực hiện cải cách hành chính đã trở thành phong trào thi đua. Nhiều sáng kiến, kinh nghiệm, giải pháp có tính ứng dụng cao, được áp dụng đã góp phần giảm chi phí đầu tư, tiết kiệm thời gian, mang lại sự hài lòng cho doanh nghiệp, người dân.

Nguồn: baohaiduong.vn

LÀO CAI: CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH 837 HỒ SƠ ĐĂNG KÝ DOANH NGHIỆP ĐƯỢC GIẢI QUYẾT TRỰC TUYẾN TOÀN TRÌNH

Trong năm 2023, Sở Kế hoạch và Đầu tư tiếp nhận 837 hồ sơ đăng kí doanh nghiệp trên Cổng dịch vụ công. Toàn bộ hồ sơ được tiếp nhận và giải quyết trực tuyến theo hình thức dịch vụ công trực tuyến toàn trình (việc thực hiện và giải quyết thủ tục hành chính đều được thực hiện trên môi trường mạng).

Ngay từ đầu năm 2023, Sở Kế hoạch và Đầu tư thực hiện đẩy mạnh công tác cải cách hành chính, chuyển đổi số trên các lĩnh vực theo chương trình cải cách hành chính của Chính phủ, của tỉnh.

Sở Kế hoạch và Đầu tư hiện đang cung cấp 115 thủ tục hành chính. Đến nay, 100% thủ tục hành chính đã được cung cấp thành dịch vụ công trực tuyến toàn trình theo Quyết định số 2801/QĐ-UBND ngày 09/11/2023 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Lào Cai phê duyệt Danh mục thủ tục hành chính cung cấp dịch vụ công trực tuyến toàn trình và một phần trên địa bàn tỉnh Lào Cai.

Năm 2023, có 48 thủ tục hành chính phát sinh hồ sơ giải quyết với tổng số hồ sơ tiếp nhận là 3.554 hồ sơ. Sau khi tiếp nhận hồ sơ trực tuyến, tỷ lệ hồ sơ giải quyết trực tuyến toàn trình là 3.361/3.554 hồ sơ, tỷ lệ 94,57%.

Trong đó, nổi bật có 837/837 hồ sơ nộp trực tuyến toàn trình qua Cổng thông tin quốc gia về Đăng ký doanh nghiệp, chiếm tỷ lệ 100% được giải quyết toàn trình. Qua đó, góp phần tiết kiệm thời gian, chi phí, tạo điều kiện thuận lợi để người dân, doanh nghiệp thực hiện thủ tục hành chính.

Bên cạnh tiếp nhận và giải quyết hồ sơ trực tuyến, tỷ lệ thủ tục hành chính có yêu cầu nghĩa vụ tài chính được triển khai thanh toán trực tuyến tại Sở Kế hoạch và Đầu tư hiện đạt 100% (50/50 thủ tục hành chính). Tỷ lệ hồ sơ thanh toán đối với các thủ tục này hiện cũng đạt con số ấn tượng với 100%.

Ngoài ra, Sở Kế hoạch và Đầu tư cũng là đơn vị có tỷ lệ hồ sơ thanh toán trực tuyến trên tổng số hồ sơ giải quyết đạt cao với tỷ lệ 1.143/1.593 hồ sơ, đạt 71,75%.

Việc đẩy mạnh thực hiện dịch vụ công toàn trình góp phần thực hiện hiệu quả công tác cải cách hành chính, chuyển đổi số, nâng cao hiệu quả thực hiện nhiệm vụ của cán bộ, công chức, đồng thời cải thiện, nâng cao các Chỉ số: Chỉ số cải cách hành chính, Chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh, Chỉ số hiệu quả quản trị và hành chính công cấp tỉnh, Chỉ số hài lòng về sự phục vụ hành chính, Chỉ số đánh giá chuyển đổi số, Chỉ số đánh giá năng lực cạnh tranh cấp sở, ngành và địa phương tại tỉnh Lào Cai.

Nguồn: baolaocai.vn

VĨNH PHÚC: TRIỂN KHAI NHIỀU MÔ HÌNH CHUYỂN ĐỔI SỐ HIỆU QUẢ

Nhằm kịp thời triển khai các nhiệm vụ của Đề án 06, Ủy ban nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc ban hành kế hoạch xây dựng mô hình 'Phát triển ứng dụng dữ liệu về dân cư, định danh và xác thực điện tử, phục vụ chuyển đổi số quốc gia, giai đoạn 2022 - 2025, tầm nhìn đến năm 2030' trên địa bàn tỉnh nhằm hướng tới Chính phủ số, kinh tế số và xã hội số, phục vụ sự phát triển toàn diện của địa phương.

Theo đó, các mô hình được tập trung thực hiện trong 5 nhóm lĩnh vực chính. Cụ thể, nhóm tiện ích phục vụ giải quyết thủ tục hành chính và cung cấp dịch vụ công trực tuyến gồm 5 mô hình; nhóm tiện ích phát triển kinh tế - xã hội gồm 18 mô hình; nhóm tiện ích phục vụ công dân số có 11 mô hình; nhóm số hóa, tạo lập dữ liệu dùng chung trên hệ thống Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư phục vụ cải cách thủ tục hành chính gồm 3 mô hình và nhóm phục vụ chỉ đạo điều hành của lãnh đạo các cấp bao gồm 7 mô hình.

Toàn bộ 44 mô hình này đều hoạt động trên nền tảng cơ sở dữ liệu dân cư, tài khoản định danh điện tử VNeID và thẻ căn cước công dân có gắn chip điện tử, mang lại nhiều tiện ích cho người dân, doanh nghiệp.

Để kế hoạch được thực hiện theo đúng lộ trình đề ra, Ủy ban nhân dân tỉnh giao nhiệm vụ cụ thể cho từng sở, ban, ngành và các cơ quan chuyên môn. Trong đó, với vai trò là cơ quan thường trực, Công an tỉnh Vĩnh Phúc tiếp tục đẩy mạnh thu nhận hồ sơ cấp căn cước công dân gắn chip và đăng ký, kích hoạt tài khoản định danh điện tử. Phối hợp với Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh giúp Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh theo dõi, kiểm tra, chỉ đạo, hướng dẫn, đôn đốc việc triển khai thực hiện trên địa bàn toàn tỉnh.

Qua tổng hợp thông tin, đến nay, một số mô hình đang được các cơ quan, đơn vị, địa phương triển khai rất hiệu quả, mang lại nhiều tiện ích cho người dân, nhất là việc khám, chữa bệnh sử dụng thẻ căn cước công dân và phần mềm VNeID (Mô hình 6) thuộc nhóm phát triển kinh tế, xã hội.

Tại Bệnh viện Đa khoa tỉnh Vĩnh Phúc, đơn vị đã và đang áp dụng khám, chữa bệnh qua thẻ căn cước công dân với 100% bệnh nhân xuất trình thẻ căn cước công dân có gắn chip điện tử. Trong đó, có khoảng 80% bệnh nhân được tích hợp thông tin bảo hiểm y tế vào căn cước công dân.

Với phương thức này, người bệnh không cần phải mang nhiều loại giấy tờ; việc kiểm soát thông tin tiến hành nhanh, gọn, chính xác, rút ngắn thời gian đăng ký khám bệnh, không phải chờ đợi như trước đây. Đối với những bệnh nhân không mang theo căn cước công dân và thẻ bảo hiểm y tế, khi đến khám bệnh sẽ được nhân viên y tế thực hiện đăng ký qua phần mềm VNeID.

Bác sĩ CKII Nguyễn Thị Thu Hương, Phó Giám đốc, Trưởng khoa Khám bệnh (Bệnh viện Đa khoa tỉnh) cho biết: Để tiếp tục tạo điều kiện thuận lợi tối đa cho người dân, từ đầu năm 2023, bệnh viện triển khai mô hình khám, chữa bệnh sử dụng sinh trắc học, Kiosk tự phục vụ (Mô hình 7).

Mô hình này sử dụng vân tay của người bệnh để xác nhận thông tin, phục vụ công tác khám, chữa bệnh và thanh toán viện phí. Đây là giải pháp thiết thực để giải quyết vấn đề quá tải tại bệnh viện, giúp bệnh nhân hoàn thiện thủ tục nhanh chóng, thuận lợi, tiết kiệm thời gian, chi phí đi lại.

Cùng với các mô hình trong lĩnh vực y tế, hiện nay, cơ quan công an đang triển khai hiệu quả nền tảng quản lý lưu trú (ASM) tại khách sạn, căn hộ, biệt thự, nhà nghỉ (Mô hình 9). Với mô hình này, khách chỉ cần xuất trình căn cước công dân gắn chip, sau đó, nhân viên lễ tân sẽ quét mã QR và dữ liệu được điền tự động vào hệ thống. Từ đó, giúp việc nhận phòng và

thông báo lưu trú cho khách được tiến hành nhanh gọn, tránh sai sót trong quá trình cập nhật thông tin lưu trú.

Theo cơ quan công an, đây là ứng dụng mang tính đột phá trong cải cách hành chính, tạo điều kiện thuận lợi cho cơ quan chức năng trong việc quản lý cơ sở dịch vụ lưu trú; phòng ngừa, phát hiện dấu hiệu tội phạm, đảm bảo an ninh trật tự trên địa bàn.

Bên cạnh đó, hiện nay các mô hình như: Trung tâm giám sát an ninh mạng SOC tỉnh; phân tích tình hình trật tự, an toàn xã hội trên địa bàn tỉnh; phân tích tình hình du lịch thông qua lưu trú cũng như mô hình phân tích tình hình lao động, dân cư; quản lý chương trình an sinh xã hội thông qua VNeID... cũng đang được các cơ quan, đơn vị, địa phương gấp rút triển khai với kế hoạch, lộ trình và thời gian cụ thể nhằm tạo điều kiện thuận lợi để người dân trực tiếp thực hiện các dịch vụ công trực tuyến, thụ hưởng các tiện ích, lợi ích thiết thực từ Đề án 06 mang lại.

Các mô hình sẽ khai thác tối đa ứng dụng cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, định danh, xác thực điện tử phục vụ phát triển kinh tế - xã hội và chuyển đổi số quốc gia.

Nguồn: baophapluat.vn

THANH HÓA: KẾT QUẢ ẤN TƯỢNG TRONG THỰC HIỆN CHUYỂN ĐỔI SỐ NĂM 2023

Tỉnh Thanh Hóa xác định chuyển đổi số là một trong những nhiệm vụ trọng tâm, khâu đột phá trong giai đoạn hiện nay. Với tinh thần thực hiện chuyển đổi số trên tất cả các lĩnh vực, nhưng có trọng tâm, trọng điểm; ưu tiên trong quản lý hành chính, cung cấp dịch vụ công, trước hết là trong lĩnh vực liên quan tới người dân, doanh nghiệp; lấy người dân, doanh nghiệp là trung tâm, là chủ thể và là mục tiêu, là động lực của chuyển đổi số đã mang lại nhiều kết quả quan trọng, tạo đột phá trong phát triển kinh tế - xã hội trong năm 2023.

Để đạt mục tiêu Nghị quyết số 06-NQ/TU ngày 10/11/2021 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về chuyển đổi số tỉnh Thanh Hóa đến năm 2025, định hướng đến năm 2030 đặt ra là phấn đấu đến năm 2025 trong nhóm 10 tỉnh, thành phố dẫn đầu cả nước về chuyển đổi số; đến năm 2030 tiếp tục trong nhóm 10 tỉnh, thành phố dẫn đầu cả nước về chuyển đổi số và trong nhóm 5 tỉnh, thành phố dẫn đầu về chính quyền số, năm 2023, Thanh Hóa đã triển khai đồng bộ các giải pháp cả về thể chế, cơ chế chính sách và huy động các nguồn lực cho chuyển đổi số và đạt kết quả cao trên tất cả các mặt.

Nâng cao nhận thức số

Công tác truyền thông thúc đẩy quá trình chuyển đổi số luôn được các cấp ủy, chính quyền các cấp quan tâm thực hiện, triển khai đồng bộ từ đầu tư hạ tầng, đổi mới nội dung, hình thức, tần suất tuyên truyền, đa dạng các phương thức truyền thông, từ hệ thống truyền thanh cơ sở đến trang, cổng thông tin điện tử và sử dụng các nền tảng mạng xã hội để thực hiện việc phổ biến, tuyên truyền.

Trang thông tin chuyển đổi số của tỉnh Thanh Hóa thu hút được trên 1.861.000 lượt người theo dõi; đây là kênh chính thống cập nhật thông tin các chính sách pháp luật, sáng kiến, cách làm về chuyển đổi số phục vụ cán bộ, công chức, viên chức, tổ công nghệ số cộng đồng, người dân và doanh nghiệp. Trang thông tin điện tử hệ thống đài truyền thanh của các cơ quan, đơn vị đã tích cực tuyên truyền nâng cao nhận thức về chuyển đổi số. Chuyên mục “Chuyển đổi số” trên sóng truyền hình của tỉnh và các cơ quan báo chí cũng đã tích cực tuyên truyền đậm nét về chuyển đổi số.

Bên cạnh đó, tổ chức các khóa học, chương trình đề trao đổi về chuyển đổi số, xu thế và tính tất yếu của chuyển đổi số hiện nay trong doanh nghiệp và ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động sản xuất kinh doanh; về sử dụng dữ liệu mở để khai thác các giá trị nhằm phát triển doanh nghiệp trong thời đại số; chia sẻ các kinh nghiệm của những doanh nghiệp thành công trong chuyển đổi số, như: Hội nghị tuyên truyền về chuyển đổi số, hội nghị tư vấn tiếp cận các nền tảng chuyển đổi số như nền tảng hỗ trợ vay vốn tín chấp, các nền tảng chuyển đổi số cho 6.500 doanh nghiệp. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Thanh Hóa đã ban hành Kế hoạch số 210/KH-UBND ngày 22/8/2023 về việc tổ chức các sự kiện hưởng ứng Ngày Chuyển đổi số quốc gia năm 2023 trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa, đã tổ chức 5 sự kiện tập trung vào các hoạt động mang lại lợi ích thiết thực cho người dân, doanh nghiệp và thúc đẩy, quảng bá để toàn dân sử dụng sản phẩm, dịch vụ số Việt Nam. Việc đẩy mạnh tuyên truyền, tổ chức hội nghị, hội thảo đã góp phần quan trọng nâng cao nhận thức về chuyển đổi số cho các cấp, các ngành, người dân và doanh nghiệp.

Hoàn thiện chính sách, quy định cho chuyển đổi số

Với quyết tâm đẩy nhanh quá trình chuyển đổi số trên địa bàn tỉnh, thực hiện chỉ đạo của Chính phủ, Ủy ban Quốc gia về chuyển đổi số, Bộ Thông tin và Truyền thông, với quyết tâm đẩy nhanh quá trình chuyển đổi số trên địa bàn tỉnh; Tỉnh ủy, Hội đồng nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân tỉnh, Ban Chỉ đạo chuyển đổi số tỉnh Thanh Hóa đã tập trung chỉ đạo cơ quan chuyên môn rà soát, cập nhật, sửa đổi, bổ sung khung pháp lý của tỉnh trong xây dựng, phát triển chính quyền số và chỉ đạo việc đẩy mạnh thực hiện quá trình chuyển đổi số đối với tất cả các lĩnh vực, ngành nghề; Ủy ban nhân dân tỉnh, Ban Chỉ đạo chuyển đổi số tỉnh đã ban hành nhiều văn bản chỉ đạo để đẩy mạnh quá trình thực hiện chuyển đổi số. Năm 2023, Ủy ban nhân dân tỉnh Thanh Hóa, Ban Chỉ đạo chuyển đổi số tỉnh đã ban hành 1 Chỉ thị, 15 Quyết định, 6 Kế hoạch và nhiều văn bản chỉ đạo khác về chuyển đổi số.

Phát triển hạ tầng số

Hạ tầng, trang thiết bị, công nghệ thông tin trong các cơ quan, đơn vị tiếp tục được quan tâm đầu tư đồng bộ, hiện đại từ cấp tỉnh đến cấp xã nhằm phục vụ tốt công tác chuyên môn, chuyển đổi số; 100% cán bộ, công chức được trang bị thiết bị công nghệ thông tin; 100% các cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh có hạ tầng mạng nội bộ (LAN), kết nối internet đảm bảo thông suốt, an toàn để thực hiện nhiệm vụ chuyên môn. 100% các hệ thống thông tin của cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh thực hiện chuyển đổi sang IPv6; người dùng thực hiện truy cập song song địa chỉ IPv4 và IPv6 trên môi trường mạng.

Các Trung tâm tích hợp dữ liệu của tỉnh Thanh Hóa tiếp tục được đầu tư đảm bảo cho việc duy trì, khai thác hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu, các phần mềm ứng dụng cho các cơ quan Đảng và cơ quan nhà nước trên địa bàn tỉnh hoạt động ổn định, bảo đảm an ninh, an toàn thông tin; hệ thống điều hành, giám sát an ninh mạng (SOC) được đầu tư, bảo đảm an toàn thông tin cho các hệ thống thông tin dùng chung của tỉnh và luôn hoạt động ổn định, thông suốt, an toàn 24/7.

Duy trì, vận hành gần 700 phòng họp trực tuyến từ cấp tỉnh đến cấp xã; tổ chức vận hành trên 100 hội nghị giao ban trực tuyến của Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân tỉnh Thanh Hóa và với các Chính phủ và Bộ, ngành, trung ương; hơn 410 cuộc họp trực tuyến giữa cấp huyện với cấp xã nhằm tiết kiệm thời gian và chi phí hành chính khác.

Hạ tầng viễn thông tiếp tục được các doanh nghiệp đầu tư mở rộng vùng phục vụ, đáp ứng nhu cầu cung cấp, sử dụng dịch vụ viễn thông, Internet băng thông rộng cố định, di động và dịch vụ truyền hình qua mạng viễn thông. Tổng số trạm trên toàn mạng là 9.399 trạm BTS (2.789 trạm 2G, 2.713 trạm 3G, 3.897 trạm 4G) lắp đặt tại 3.920 vị trí (cột A1 chiếm 3.3%, cột A2 chiếm 96.7%); có 14 thiết bị chuyển mạch cố định; 2.785 thiết bị truy nhập Internet băng thông rộng; tỷ lệ sử dụng chung cột ăng ten giữa các doanh nghiệp viễn thông đạt 7.6%. Các doanh nghiệp cũng đầu tư xây dựng mới gần 800km cáp mạng ngoại vi; cải tạo chỉnh trang gần 150km cáp; phối hợp với các cơ quan Nhà nước để di dời, giải phóng mặt bằng để triển khai thực hiện các dự án đầu tư trên địa bàn tỉnh.

Tổng số thuê bao điện thoại trên toàn tỉnh ước đạt 2.973.300 thuê bao (trong đó 25.300 thuê bao cố định; 2.948.000 thuê bao di động), đạt mật độ 80,50 máy/100 dân; tổng số thuê bao Internet trên toàn tỉnh ước đạt 2.400.000 thuê bao, đạt mật độ 65,4 thuê bao/100 dân.

100% số thôn/bản trên địa bàn tỉnh đã được phủ sóng thông tin di động 3G/4G; Số thôn/bản trên địa bàn tỉnh đã có hạ tầng băng rộng cố định là 4.342/4.357 (tỷ lệ 99.65%), số thôn/bản chưa được đầu tư hạ tầng băng rộng cố định là 15 bản.

Phát triển dữ liệu số

Dữ liệu số đóng vai trò rất quan trọng trong quá trình thực hiện chuyển đổi số; do đó, các ngành, các đơn vị đã thực hiện số hóa, phát triển, xây dựng cơ sở dữ liệu của các cơ quan, đơn vị và tăng cường kết nối, chia sẻ, khai thác dữ liệu phục vụ cải cách hành chính, cung cấp dịch vụ công, nâng cao năng lực chỉ đạo điều hành của các cơ quan, đơn vị và hỗ trợ trong công tác ra quyết định của các cơ quan giúp nâng cao năng lực chỉ đạo điều hành của các cơ quan, đơn vị.

Việc tạo lập, kết nối, chia sẻ dữ liệu giúp người dân, doanh nghiệp không phải kê khai, cung cấp thông tin nhiều lần; cán bộ, công chức, viên chức của cơ quan nhà nước không phải nhập lại thông tin khi thao tác nghiệp vụ trên nhiều phần mềm; việc khai thác các dữ liệu dùng chung sẽ làm giảm việc đầu tư trùng lặp, gây lãng phí và cho phép cung cấp dữ liệu mở ra bên ngoài phục vụ khu vực tư để xây dựng, phát triển hệ sinh thái ứng dụng, dịch vụ mới cho xã hội; vì thế, trong thời gian qua các đơn vị trên địa bàn tỉnh đã tạo lập, duy trì được một số các dữ liệu số như sau: Công dữ liệu mở của tỉnh (<https://opendata.thanhhoa.gov.vn>) đã

được đưa vào triển khai, sử dụng với 234 cơ sở dữ liệu mở của 15 lĩnh vực nhằm chia sẻ, công khai các dữ liệu mở phục vụ công tác chỉ đạo điều hành và công khai, minh bạch thông tin của các cơ quan chính quyền cho người dân, doanh nghiệp. Hoàn thành việc kết nối chính thức giữa Cổng dịch vụ công; hệ thống một cửa điện tử tỉnh Thanh Hóa với Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư và hệ thống Đăng ký, giải quyết chính sách trợ giúp xã hội trực tuyến của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội; việc kết nối với Cơ sở dữ liệu quốc gia dân cư bắt đầu được đưa vào khai thác sử dụng từ ngày 20/02/2023 giúp người dân khi thực hiện các dịch vụ công không phải khai báo lại thông tin cá nhân và thời gian thực hiện các dịch vụ công được nhanh chóng, chính xác, thuận lợi.

Ngành, lĩnh vực, chính quyền số

Với quyết tâm thực hiện xây dựng chính quyền điện tử hướng tới chính quyền số; đổi mới phương thức làm việc; quy trình xử lý văn bản, hồ sơ công việc, giải quyết thủ tục hành chính từ môi trường làm việc trên giấy sang làm việc trên môi trường điện tử trong các cơ quan nhà nước từ cấp tỉnh đến cấp xã; trong thời gian qua, toàn tỉnh đã có nhiều sự thay đổi, đổi mới và hiện đại hóa nền hành chính; vì vậy, kết quả hoạt động của các cơ quan nhà nước trên môi trường điện tử được thể hiện bằng những con số, phương pháp cụ thể: Nền tảng tích hợp và chia sẻ dữ liệu cấp tỉnh (LGSP) (tại địa chỉ <https://lgsp.thanhhoa.gov.vn>) được duy trì, hoạt động một cách thường xuyên, ổn định; hiện đang cung cấp 10 dịch vụ kết nối các phần mềm nội tỉnh và 11 dịch vụ kết nối bên ngoài; đã thực hiện khai báo mã định danh điện tử cho 2.588 đơn vị và đồng bộ lên hệ thống danh mục điện tử dùng chung của các cơ quan nhà nước (do Bộ Thông tin và Truyền thông quản lý). Việc trao đổi và xử lý văn bản hồ sơ liên thông trên môi trường mạng giữa các quan khối đảng, chính quyền, đoàn thể ở cả 3 cấp trên nền tảng tích hợp dữ liệu của tỉnh; thực hiện việc kết nối, chia sẻ, trao đổi văn bản điện tử giữa chính quyền và doanh nghiệp. Tổng số lượt trao đổi, xử lý văn bản trên hệ thống là 2.939.433 lượt văn bản; tỷ lệ ký số cơ quan đạt 98,5%; hệ thống phần mềm Phản hồi Thanh Hóa đã tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị của tổ chức, cá nhân với tỷ lệ xử lý đúng hạn đạt trên 93%; việc này nhằm đảm bảo công khai, minh bạch, nhanh chóng, tiết kiệm thời gian, tiết kiệm chi phí, nâng cao hiệu quả công tác quản lý, chỉ đạo, điều hành của các cấp ủy, chính quyền; nâng cao hiệu quả trong công tác phục vụ người dân và doanh nghiệp.

Cổng dịch vụ công và Hệ thống một cửa điện tử của tỉnh cung cấp 842 dịch vụ công trực tuyến một phần và 868 dịch vụ công trực tuyến toàn trình; đã tích hợp lên Cổng dịch vụ công quốc gia 1.710 dịch vụ; tỷ lệ hồ sơ thủ tục hành chính được giải quyết trước và đúng hạn đạt 98%. Cổng dịch vụ công tỉnh và hệ thống Một cửa điện tử của tỉnh Thanh Hóa hoạt động ổn định, hiệu quả, thực hiện công khai, minh bạch trong giải quyết thủ tục hành chính của các cơ quan nhà nước, tạo điều kiện thuận lợi cho người dân, doanh nghiệp thực hiện thủ tục hành chính mọi lúc, mọi nơi, tiết kiệm thời gian, chi phí, góp phần đẩy mạnh cải cách hành chính, cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh.

Chuyển đổi số cấp huyện, cấp xã: Hoàn thành việc đánh giá, xếp hạng mức độ chuyển đổi số của các sở, ban, ngành cấp tỉnh và Ủy ban nhân dân cấp huyện năm 2022 theo Quyết định số 3853/QĐ-UBND ngày 09/11/2022 về việc ban hành Bộ chỉ số đánh giá, xếp hạng của các

sở, ban, ngành cấp tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp xã trên địa bàn tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Thanh Hóa đã công nhận hoàn thành các tiêu chí chuyển đổi số cấp xã năm 2022 đối với 37 đơn vị cấp xã, đang tiếp tục thẩm định công nhận cho các đơn vị còn lại.

Ngoài việc triển khai các ứng dụng dùng chung đối với tất cả các cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh; các ngành, đơn vị đã triển khai thực hiện chuyển đổi số, mang lại hiệu quả trong phát triển mỗi ngành, đơn vị.

Phát triển kinh tế số và xã hội số

Kinh tế số đã bước đầu đóng góp vào sự phát triển kinh tế của tỉnh, tỷ trọng đóng góp kinh tế số của tỉnh trong tổng quy mô nền kinh tế đạt 8,28%. Việc phát triển kinh tế số đã thay đổi hoàn toàn nhận thức, cách làm truyền thống của doanh nghiệp, người dân, hộ gia đình về tiêu thụ sản phẩm trên không gian số, sàn thương mại điện tử, mở rộng không gian tiêu thụ sản phẩm từ bó hẹp trong địa bàn, trong huyện, trong tỉnh ra ngoài tỉnh.

Ủy ban nhân dân tỉnh Thanh Hóa ban hành các kế hoạch, nhiệm vụ, cơ chế, chính sách, hỗ trợ doanh nghiệp phát triển về vốn, nguồn nhân lực, đặc biệt là Kế hoạch số 77/KH-UBND ngày 28/3/2023 về phát triển doanh nghiệp công nghệ số trên địa bàn tỉnh đến năm 2025 và định hướng đến năm 2030 làm cơ sở hỗ trợ, phát triển doanh nghiệp công nghệ số trên địa bàn tỉnh; trong đó xác định đến năm 2025, toàn tỉnh có ít nhất 100 doanh nghiệp số; đến năm 2030, có ít nhất 150 doanh nghiệp số; và xác định rõ lộ trình, nhiệm vụ cần phải thực hiện để đạt được mục tiêu đề ra.

Xã hội số, xác định chuyển đổi số lấy người dân và doanh nghiệp làm trung tâm và là đối tượng thụ hưởng kết quả mà chuyển đổi số mang lại; thời gian qua các cấp ủy, chính quyền đã chỉ đạo thực hiện đồng bộ nhiều giải pháp để thúc đẩy phát triển xã hội số và hình thành công dân số. Đã thực hiện tuyên truyền và hướng dẫn người dân cài đặt phần mềm VNeID trên thiết bị di động thông minh để thuận tiện trong các giao dịch cơ bản như: thẻ bảo hiểm y tế, bảo hiểm xã hội, dịch vụ công, dịch vụ y tế số, giáo dục số, sử dụng các mạng xã hội, mua bán trực tuyến, thanh toán điện tử và khai thác tiện ích, tài nguyên số trên Internet... đồng thời hướng dẫn người dân về các kỹ năng an toàn, bảo mật thông tin cơ bản để có thể tự bảo vệ tài khoản, dữ liệu của mình trên không gian số. Khuyến khích người dân thực hiện thương mại điện tử trong nông nghiệp, tập trung vào các sản phẩm OCOP chủ lực của tỉnh, sản phẩm nông nghiệp đặc sản, những sản phẩm đã ứng dụng các quy trình sản xuất theo tiêu chuẩn VietGAP, GlobalGAP của tỉnh giúp tăng tỷ trọng của nông nghiệp số. Tiếp tục duy trì, triển khai có hiệu quả Đề án xây dựng mô hình: "Camera Nhân dân với an ninh, trật tự" để thực hiện việc quản lý an ninh, trật tự; duy trì hiệu quả kênh giao tiếp với người dân thông qua hệ thống Zalo OA để trao đổi giữa các cơ quan chính quyền với người dân để tháo gỡ khó khăn và trao đổi thông tin một cách thuận lợi và nhanh chóng. 100% nhà văn hóa, thôn khu phố, các điểm du lịch được lắp đặt Wifi miễn phí.

Bảo đảm an toàn, an ninh mạng

Công tác đảm bảo an toàn thông tin mạng được duy trì vận hành, trực đảm bảo hệ thống Trung tâm An ninh mạng và An toàn dữ liệu tỉnh Thanh Hóa hoạt động tốt 24/7; thực hiện

thường xuyên công tác sao lưu dữ liệu website, phần mềm ứng dụng, dùng chung cho các cơ quan, đơn vị tại Trung tâm; tổ chức quản lý, hỗ trợ vận hành, tổng hợp theo dõi tình hình sử dụng phần mềm Quản lý văn bản và hồ sơ công việc; hỗ trợ khắc phục các lỗi trên phần mềm: Chữ ký số; hệ thống một cửa điện tử, phần mềm quản lý văn bản và hồ sơ công việc....; quản lý vận hành nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu dùng chung (LGSP).

Hệ thống giám sát của Trung tâm điều hành an toàn, an ninh mạng tỉnh phát hiện 16 cơ quan nhà nước trên địa bàn tỉnh đang bị lây nhiễm mã độc, kết nối vào mạng máy tính ma (botnet) do tin tặc điều khiển; 434 máy tính nhiễm mã độc đã được xử lý, 954 máy tính có kết nối đến các tên miền độc hại ngoài internet, 940 máy tính tồn tại các lỗ hổng bảo mật; Đội ứng cứu sự cố an toàn thông tin mạng của tỉnh đã triển khai thực hiện ứng cứu 464 lượt sự cố liên quan đến phần mềm dùng chung.

Phát triển nguồn nhân lực chuyển đổi số

Nhân lực chuyển đổi số là một trong những yếu tố quyết định đến thành công của quá trình chuyển đổi số trên địa bàn tỉnh; trong thời gian qua, Ủy ban nhân dân tỉnh Thanh Hóa đã ban hành các chương trình, kế hoạch tổ chức đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn kiến thức, kỹ năng về chuyển đổi số, về bảo đảm an toàn thông tin trong chuyển đổi số cho các cán bộ lãnh đạo, công chức trên địa bàn tỉnh. Đã phối hợp với các đơn vị có liên quan tổ chức cho hơn 3.500 học viên là cán bộ công chức của các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân các huyện, các xã trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa.

Với những nỗ lực của cả hệ thống chính trị, hoạt động chuyển đổi số trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa đã đạt được nhiều thành tựu, tạo đột phá trong phát triển kinh tế - xã hội trong năm 2023. Để đạt mục tiêu đến năm 2025, tỉnh Thanh Hóa trong nhóm 10 tỉnh, thành phố dẫn đầu cả nước về chuyển đổi số; đến năm 2030 tiếp tục trong nhóm 10 tỉnh, thành phố dẫn đầu cả nước về chuyển đổi số và trong nhóm 5 tỉnh, thành phố dẫn đầu về chính quyền số, tỉnh Thanh Hóa tiếp tục tập trung thực hiện đồng bộ ba đột phá chiến lược về thể chế, hạ tầng và nguồn nhân lực.

Nguồn: xaydungdang.org.vn

QUẢNG TRỊ: TRIỂN KHAI MÔ HÌNH 'NGÀY THỨ HAI KHÔNG CHỜ' ĐỐI VỚI MỘT SỐ THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC LĨNH VỰC ĐĂNG KÝ KINH DOANH TỪ NGÀY 01/01/2024

Phó Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư Lê Thị Thương cho biết: Thực hiện các văn bản chỉ đạo của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Trị về việc cải cách thủ tục hành chính, cải thiện môi trường kinh doanh, ngày 12/12, Sở Kế hoạch và Đầu tư ban hành kế hoạch triển khai thực

hiện mô hình 'Ngày thứ Hai không chờ' đối với một số thủ tục hành chính thuộc lĩnh vực đăng ký kinh doanh trên địa bàn tỉnh.

Theo đó, mục đích của mô hình nhằm giảm thời gian giải quyết thủ tục hành chính đăng ký kinh doanh, tạo điều kiện thuận lợi cho người dân, tổ chức, doanh nghiệp, giảm thời gian đi lại trong quá trình giải quyết giấy tờ. Mô hình thực hiện nhiệm vụ của Sở Kế hoạch và Đầu tư gắn với công tác cải cách hành chính, trong đó xác định cụ thể các nhiệm vụ triển khai thực hiện mô hình “Ngày thứ Hai không chờ”.

Đây là mô hình thực hiện giải quyết hồ sơ ngay trong ngày, thời gian giải quyết từ 30 - 60 phút hoặc nửa buổi với điều kiện hồ sơ hợp lệ và thời gian nộp hồ sơ từ 7 giờ đến trước 15 giờ trong ngày, gồm 3 thủ tục hành chính: cập nhật bổ sung thông tin trong hồ sơ đăng ký doanh nghiệp; cấp lại giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, giấy xác nhận về việc thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp do bị mất, cháy, rách, nát hoặc bị tiêu hủy dưới hình thức khác; thông báo tạm ngừng kinh doanh, tiếp tục kinh doanh trước thời hạn đã thông báo (doanh nghiệp, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh).

Thời gian thực hiện vào ngày thứ Hai hằng tuần, bắt đầu từ ngày 01/01/2024, tại Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả của sở tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Quảng Trị.

Nguồn: baoquangtri.vn

THỪA THIÊN - HUẾ: QUẢN TRỊ, KHAI THÁC DỮ LIỆU SỐ NGÀNH Y TẾ

Trong khuôn khổ Tuần lễ chuyển đổi số Huế 2023, chiều ngày 14/12 diễn ra chuyên đề Thảo luận - Tư vấn - Kết nối Quản trị và khai thác dữ liệu số ngành Y tế.

Tại buổi tọa đàm, PGS. TS. Trần Kiên Hào, Giám đốc Sở Y tế đánh giá thực trạng và các bài toán dữ liệu số ngành Y tế tỉnh Thừa Thiên - Huế.

Hiện, trên 95% người dân đã có mã hồ sơ sức khỏe điện tử. 100% bệnh viện hạng III trở lên kể cả các trung tâm y tế trực thuộc đã triển khai kê đơn thuốc điện tử. Tất cả đơn vị khám chữa bệnh thực hiện bước đầu hoạt động tư vấn khám chữa bệnh từ xa, tuyến y tế cơ sở sử dụng phần mềm “Bác sỹ cho mọi nhà”. 100% bệnh viện, nhà thuốc triển khai thanh toán không dùng tiền mặt trong viện phí, chấp nhận thanh toán trên Hue-S...

Đại biểu dự tọa đàm đã nghe chia sẻ về ứng dụng công nghệ AI trong khám chữa bệnh tại Trung tâm y tế huyện Phú Vang và huyện Hương Thủy. Các nhà quản lý, các chuyên gia phát biểu nhiều ý kiến về hồ sơ sức khỏe điện tử công dân; Liên thông dữ liệu công dân; Quản trị dữ liệu dược, an toàn thực phẩm, Khai thác dữ liệu số - tối ưu nguồn lực, cung cấp các dịch vụ chăm sóc sức khỏe công dân. Tại buổi tọa đàm, một số giải pháp mới cũng được giới thiệu phục vụ công tác đào tạo nhân lực, nâng cao chất lượng khám chữa bệnh cho người dân.

Chuyển đổi số ngành Y tế sẽ góp phần vào công tác cải cách hành chính, giảm chi phí trong hoạt động cung cấp dịch vụ y tế cho người dân. Đồng thời, giúp tăng cường công tác

quản lý nhà nước theo hướng khoa học, chính xác, kịp thời, hướng tới hoàn thiện Chính phủ điện tử, Chính phủ số.

Nguồn: baothuathienhue.vn

NINH THUẬN: THỨC ĐẨY CHUYỂN ĐỔI SỐ ĐỔI MỚI SÁNG TẠO NĂM 2023

Ngày 14/12, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh Ninh Thuận tổ chức Hội nghị về việc tổ chức tọa đàm chuyên đổi số thúc đẩy đổi mới sáng tạo năm 2023.

Phát biểu khai mạc tọa đàm, Chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh Ninh Thuận Lê Văn Bình cho biết, chuyển đổi số là quá trình thay đổi tổng thể và toàn diện của cá nhân, tổ chức về cách sống, cách làm việc và phương thức sản xuất dựa trên các công nghệ số. Việc thực hiện Nghị quyết số 09-NQ/TU của Ban Thường vụ về chuyển đổi số được hệ thống Mặt trận trong tỉnh Ninh Thuận triển khai thực hiện với tinh thần chủ động, đột phá, đổi mới tư duy.

“Đặc biệt là chú trọng thực hiện chuyển đổi số, ứng dụng công nghệ thông tin nhằm nâng cao chất lượng công tác tuyên truyền, vận động; đồng thời đổi mới tác phong công tác, dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm, dám đổi mới sáng tạo, nhất là khi triển khai những nội dung mới, chưa có tiền lệ trong quá trình thực hiện chuyển đổi số”.

Được biết, qua triển khai thực hiện chuyển đổi số, bước đầu đã mang lại hiệu quả thiết thực, có nhiều chuyển biến tích cực, nhận thức về chuyển đổi số trong đội ngũ cán bộ Mặt trận các cấp được nâng lên, đồng thời khơi dậy mạnh mẽ tinh thần học tập, tìm hiểu, nâng cao kỹ năng về chuyển đổi số trong cán bộ, các tầng lớp Nhân dân trong toàn tỉnh.

Chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh Ninh Thuận Lê Văn Bình nhấn mạnh, để tiếp tục đẩy mạnh hoạt động chuyển đổi số đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ công tác Mặt trận trong giai đoạn mới, yêu cầu các cấp Mặt trận tiếp tục phát huy vai trò, trách nhiệm của đội ngũ cán bộ Mặt trận, tạo sự thống nhất, quyết tâm thực hiện công cuộc chuyển đổi số.

Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, vận động các tầng lớp Nhân dân, doanh nghiệp tích cực chuyển đổi số. Tiếp tục tăng cường phối hợp tập huấn, bồi dưỡng kiến thức và nâng cao kỹ năng số trong thực hiện nhiệm vụ, công tác cho đội ngũ cán bộ Mặt trận các cấp tại địa phương.

Mặt trận và các tổ chức thành viên phải quyết liệt thực hiện chuyển đổi số trong các hoạt động, phù hợp với vai trò, chức năng, nhiệm vụ của mỗi đơn vị, đồng thời đẩy mạnh tuyên truyền các tầng lớp Nhân dân tích cực hưởng ứng tham gia vào công cuộc chuyển đổi số của địa phương.

Nguồn: daidoanket.vn

THỜI GIAN CÔNG VỤ PHẢN ẢNH NĂNG LỰC, PHẨM CHẤT, HIỆU QUẢ CỦA CÁN BỘ, CÔNG CHỨC

Thời gian công vụ được hiểu cơ bản là quá trình lao động thực thi nhiệm vụ của công chức, viên chức, được tính (đo lường) do pháp luật quy định (như số giờ trong ngày; số ngày trong tuần...), hoặc tính chi phí thời gian cho một công việc cụ thể giao cho cán bộ, công chức.

Quan niệm về thời gian

Theo quan điểm duy vật biện chứng, thời gian là thuộc tính của vận động vật chất. Không có vật chất ngoài thời gian (và không gian), cũng như không có thời gian trống rỗng, tách rời vật chất đang vận động. Chính thuộc tính vận động của vật chất phản ánh thời gian trong đó. Trong quan hệ với các hình thái vận động vật chất, thời gian là chỉ số đo lường bản chất, tính chất, mức độ của vận động vật chất. Toàn bộ vận động xã hội của con người chẳng qua cũng là hình thái của vận động vật chất, được định vị các yếu tố vận động bằng chỉ số thời gian... Không có khái niệm dài, ngắn, nhanh, chậm, phung phí hay tiết kiệm... mà không gắn với một dạng của vật chất đang vận động. Thời gian vật chất vận động theo hướng tịnh tiến, một chiều. Những gì con người nhận thức được thời gian gắn với sự kiện vật chất đã diễn ra, chúng thuộc về quá khứ. Những gì đang diễn ra là hiện tại; các vận động vật chất sẽ diễn ra theo nhận thức con người, thuộc về tương lai... Những trạng thái đó của vận động vật chất không thay thế nhau, nhưng chúng có liên hệ tác động và yếu tố nhân quả. Mỗi trạng thái vận động vật chất theo thời gian có giá trị khác nhau.

Thời gian về mặt định tính, có thể đo lường các liên hệ xã hội ở tất mọi phạm vi (loài người, khu vực, quốc gia, địa phương...). Theo đó, thời gian cũng có giá trị như chỉ số đánh giá mặt xã hội của con người, nhất là hoạt động kinh tế, chính trị, văn hóa, xã hội. Thông qua các số liệu thời gian, có thể đo lường được tình cảm, tâm lý, thái độ ứng xử của con người với con người và với công việc, gắn với một trật tự xã hội nhất định. Thời gian đo lường các giá trị hoạt động các cá nhân, tổ chức. Đó là các yếu tố quan hệ lẫn nhau, thể hiện phẩm chất về năng lực, kinh nghiệm hay nhân cách. Với nhận thức khái quát, các thuộc tính thời gian vật chất, có thể vận dụng nghiên cứu một cấu trúc xã hội nhất định, cụ thể. Con người hay tổ chức, thể chế nghiên cứu thời gian để chiêm nghiệm mọi giá trị thông qua lao động và các ứng xử tinh thần, xã hội khác.

Theo quan điểm duy vật biện chứng, lao động thông qua chỉ số thời gian là chỉ số quan trọng nhất. Thời gian không những phản ánh trình độ của lực lượng sản xuất (quan từng thời kỳ) mà còn phản ánh trình độ của quản trị con người và tổ chức. Hạt nhân của tiến bộ xã hội là hoạt động của các cá nhân. Vì thế, khác biệt về chi phí thời gian lao động (nhiều hay ít) để hoàn thành công việc là yêu cầu quan trọng của quản lý xã hội theo hướng tiến bộ. Chính định lượng thời gian cho lao động cá nhân trở thành một trong những động lực trực tiếp hay gián tiếp cho sự phân công lao động xã hội và chuyên môn hóa ngành nghề của các nhóm nhân lực. Mục tiêu phổ quát là: chi phí thời gian càng ít cho một hoạt động thì xã hội phát

triển càng cao. Qua chỉ số thời gian lao động cho thấy được tính chất, trình độ, nhịp độ của phát triển theo các tương quan so sánh: giữa các quốc gia, khu vực; giữa các ngành, các địa phương; giữa các cơ quan, tổ chức, bộ phận; cuối cùng là giữa các cá nhân.

Đặc thù lao động của nhân lực trong quản lý nhà nước, gọi là lao động công vụ, cũng phải được đo lường bằng thời gian mới xác định sự khác biệt về năng lực, kỹ năng và phẩm chất các cá nhân, sứ mệnh và vai trò của tổ chức. Một số nội dung phân tích dưới đây nhằm vào khu vực công, liên quan đến đội ngũ công chức hành chính và viên chức sự nghiệp công. Qua đó có thể thấy và làm rõ hơn vai trò, sứ mệnh, trách nhiệm xã hội của mỗi cá nhân, tổ chức trong thực thi công vụ của họ.

Thời gian công vụ

Công vụ là lao động hành chính nhà nước theo quan hệ phổ quát của các nền hành chính hiện đại (đối với Việt Nam, công vụ được hiểu rộng, bao quát hơn). Nghiên cứu lao động công vụ là sự tiếp cận nguồn lực khu vực thể chế chính trị. Đương nhiên chúng liên hệ mật thiết với các quan hệ xã hội khác, như phân công lao động, nguồn lực chuyên môn... Lao động công vụ có yếu tố đặc thù.

Một là, sản phẩm của lao động công vụ không vì mục tiêu kinh tế hay lợi nhuận, mà vì sự an toàn, trật tự xã hội và tạo động lực cho các khu vực hoạt động xã hội.

Hai là, lao động công vụ mang tính công quyền (quyền lực công, nhân danh nhà nước), tính công pháp (điều chỉnh chung, khác với tập tục, tập quán).

Ba là, lao động công vụ có tính cạnh tranh thấp, bởi chúng mang tính cơ bản, khung sườn cứng (về vị trí, chế độ, đặc điểm, phương thức thụ hưởng...).

Bốn là, có thể bị làm sai lệch chức năng công quyền khi có sự can thiệp tiêu cực cá nhân trong những quan hệ, tình huống, hoàn cảnh cụ thể.

Từ sự phân tích thời gian vật chất với các đặc điểm thuộc tính của lao động xã hội, trong đó vai trò định giá giá trị lao động, từ phân tích lao động khu vực công, có thể phân tích thời gian công vụ theo một số quan hệ là rất quan trọng trong bối cảnh hiện nay. Khi phân tích các mối quan hệ, đã có sự tách biệt tương đối để nghiên cứu bản chất nhất của một loại quan hệ. Nghĩa là những yếu tố biểu hiện trong quan hệ này, sẽ có biểu hiện trong quan hệ khác. Theo đó, thể hiện ra các định giá hiệu quả của của nền hành chính, tổ chức, đơn vị, cá nhân cán bộ, công chức.

Những nội dung trên khá phong phú và đa dạng. Trong phạm vi bài viết này, chỉ tập trung phân tích các yếu tố quan hệ công vụ và phẩm chất của nguồn lực trong hệ thống công vụ.

Thứ nhất, thời gian công vụ phản ánh năng lực thiết lập mối quan hệ quản lý. Quan hệ trong quản lý là sự tương tác, phối hợp giữa các chủ thể quản lý theo quy trình, cơ chế, giải pháp phù hợp quy định pháp luật và chức năng của các bên tham gia nhằm đạt mục đích, mục tiêu của quản lý nhà nước. Quan hệ trong quản lý là tất yếu. Bởi quản hành chính mang tính hệ thống theo phân quyền, phân chức năng và phân nhiệm vụ. Quan hệ tự nó đặt ra sự phụ thuộc lẫn nhau theo trình tự (xong việc này mới làm việc khác, có việc kia mới xử lý được việc này), theo tương quan năng lực (nhanh phải cùng nhanh), theo hiệu quả (việc trước đúng,

thì việc sau mới có thể đúng được)... Thời gian sẽ chỉ ra các thông số quản trị xã hội liên quan đến quan hệ quản lý:

Một là quan hệ công vụ lấy chất lượng đầu ra, phục vụ xã hội của quản lý trên yếu tố thời gian để định giá trị. Thực hiện quan hệ tốt về mặt hình thức, nhưng không mang tới hiệu quả xã hội cao thì phải có phân tích, đánh giá để tìm ra điểm yếu nằm ở đâu. Nếu dịch vụ xã hội do Nhà nước cung cấp có dấu hiệu thua kém chất lượng từ quan hệ hợp tác giữa các bên như phát sinh việc kéo dài thời gian, xuất hiện phiền hà, tạo ra những quy định không đáng có thì không thể đổ lỗi khách quan được. Bởi chúng rõ ràng xảy ra do kết quả hợp tác quản lý. Ví dụ, vì bị điều tra đối với ngành Đăng kiểm, mà ngành này tạo phiền hà cho người dân do nhiều nhân viên vi phạm, dẫn tới sự ứ ứ bất thường dịch vụ. Nguyên tắc của Nhà nước pháp quyền dân chủ là hiệu quả quản lý nhà nước lấy phục vụ cho người dân là hiệu quả cuối cùng, chứ không phải hiệu quả chỉ trong một khâu của quản lý (như đã phát hiện nhiều sai sót của ngành đăng kiểm (1)). Qua đó cho thấy hiệu quả của ngành Ngân hàng là rất chủ động khi ngân hàng SCB có vướng mắc pháp lý. Bởi họ xử lý rắc rối nội bộ ngành nhưng không ảnh hưởng đến khách hàng bằng sự cam kết của bộ chủ quản (2). Các tình huống quản lý nếu tạo ảnh hưởng không tích cực, sớm muộn sẽ được khắc phục tùy thuộc năng lực ứng phó tình huống của cơ quan, tổ chức. Như sự thay đổi chế độ kiểm tra phương tiện mới xuất xưởng, kéo dài chu kỳ kiểm tra đối với một số loại có thể được (nghĩa là phải ứng xử bằng một chính sách (3)).

Hai là, chỉ ra tính thống nhất hay tính bị chia cắt hệ thống trong quản lý. Nền công vụ có hệ thống thống nhất, liên hệ hữu cơ (theo trách nhiệm thẩm quyền), liên thông (ràng buộc quy trình công vụ), liên ngành (trung ương, địa phương, khu vực công và tư...). Nếu không bảo đảm những đặc trưng trên của hoạt động công vụ, tính hiệu quả sẽ thể hiện ra theo cách khác nhau. Mọi ý chí đều sử dụng tiêu chí thời gian làm căn cứ cùng với các tiêu chí quản lý khác. Công vụ có thể thăng hoa, có lợi cho xã hội, thể hiện năng lực của đội ngũ trong quản trị. Nhưng thời gian cũng thể hiện ra những thay đổi không mong muốn khi một dự án, một bản quy hoạch hay một thể hiện các kết cục không như mong đợi (4).

Trong hệ thống các bước của quản lý nhà nước, những khác biệt về quy trình thường thể hiện rõ rệt nhất. Đó là hoạch định chính sách và thực thi, tổ chức thực hiện. Không thiếu những chính sách thể hiện ý chí chính trị, quyết sách công quyền, nhưng khi tổ chức thực hiện, kết quả rườm rà như chống lại sự mong đợi. Một trong những minh chứng thể hiện khâu tổ chức thực hiện đã bị làm sai lệch bản chất của chính sách chỉ vì yếu tố phẩm chất, che mờ năng lực và trình độ của nhóm công chức thực thi, như trong “chuyến bay giải cứu”. Ý tưởng của thể chế hướng tới trách nhiệm và tính nhân văn trong quản trị quốc gia, nhưng một số cá nhân thiếu nhân cách đã phá hỏng nó.

Ba là, thời gian công vụ, ngoài những thành tựu, những điểm sáng của quản trị hay cải cách quy trình, còn bộc lộ sức ỳ của bộ máy thực thi qua nhiều tình huống, vụ việc hay hình ảnh sống động. Chẳng hạn như có dự án xây dựng bệnh viện hoành tráng mà bỏ hoang hơn 20 năm, hiện đang thành bãi hoang phế (5). Trong quản trị quốc gia, Nhà nước dân chủ tạo cho cơ quan công quyền nhiều thẩm quyền có tính “không có đối trọng” nhưng đã không ít chính

sách mang tính cấp bách, nhân đạo đối với đa số người lao động thuộc nhóm yếu thế trong quá trình triển khai không ít chặt vật. Ví dụ, chính sách xây dựng nhà ở xã hội.

Thứ hai, thời gian công vụ thể hiện (hay đo lường) các yếu tố phẩm chất nguồn lực trong hệ thống hành chính nhà nước. Phẩm chất của nguồn lực công vụ thể hiện ra thành phẩm chất các cá nhân trong hệ thống. Đó là tổng hợp các tố chất của người công chức mang tính chủ quan về trình độ, năng lực, các yếu tố ý thức trách nhiệm và nhân cách cán bộ, công chức. Về trình độ của cán bộ, công chức, đó là kết quả nhận thức kiến thức trong quá trình học tập, tham gia vào hoạt động công vụ. Công chức được tuyển dụng thì trình độ là tiêu chuẩn “cứng” trong lựa chọn. Trình độ là chứng chỉ xác nhận sự hiểu biết trí thức về một lĩnh vực của đời sống xã hội. Trình độ rất cần cho hoạt động công vụ. Khi ở vị trí việc làm có tính độc lập, trách nhiệm tổ chức chưa cao, kiến thức trực tiếp giúp họ hoàn thành công việc. Người học tập không đến nơi đến chốn khó có thể giải quyết được những vấn đề của quản lý, khi cần tới chuyên môn nào đó. Khi công chức được giao trọng trách, hay người đứng đầu, kiến thức rất cần thiết để họ ra các quyết định hoặc sử dụng cán bộ. Tuy nhiên, sẽ là sai lầm nếu lựa chọn cán bộ tuyệt đối hóa trình độ. Khái niệm trình độ ở công chức là tổng hợp kiến thức chuyên môn (hay chuyên ngành), năng lực ứng xử hay xử lý tình huống của quản lý.

Năng lực của cán bộ, công chức là tổng hợp các yếu tố về trình độ, sự trải nghiệm, thái độ và tâm lý lao động tích tụ trong sản phẩm họ hoàn thành. Sản phẩm của họ chính là đầu ra của lao động được tính bằng hiệu quả xã hội và thời gian thực thi. Hai yếu tố này phản ánh các phẩm chất cá nhân mà cán bộ, công chức có và vận dụng trong công tác. Thời gian hoàn thành nhiệm vụ được đánh giá bằng thời lượng bỏ ra và chất lượng công việc. Qua đó cho thấy, giá trị đo lường các thuộc tính phẩm chất công vụ có vai trò quan trọng trong tuyển chọn, sử dụng cán bộ (bổ trí vào vị trí việc làm, thử thách, bồi dưỡng, quy hoạch, trọng dụng...).

Nếu thời gian công vụ phản ánh các yếu tố phẩm chất cán bộ, công chức, cần lưu ý những yếu tố chủ quan của cá nhân, tổ chức, các hoạt động kinh tế - xã hội hay của hệ thống công quyền. Có mấy nội dung sau: Một là, ứng xử với thời gian với thái độ tích cực. Mọi công việc đều được đo lường bằng thời gian, hay khoảng thời gian (từ khởi sự đến hoàn thành). Nếu ứng xử tích cực, mọi hoạt động đều tính tới làm sao, làm thế nào để hiệu quả công tác tốt nhất có thể. Khi đó thời gian công vụ như chất xúc tác cho các yếu tố tích cực như nguồn vốn sẵn có được khai thác: nâng cao trình độ, cải tiến phương pháp, tiếp cận khoa học... Khi chúng ta đề cao sự ứng xử tích cực với thời gian công vụ cũng có nghĩa là ta đang phản đối, chấn chỉnh, nhận thức lại những ứng xử tiêu cực, như bàng quan với công việc, coi nhẹ kết quả, coi nhẹ cách thức tổ chức lao động khoa học... Hai là, hoàn thiện và nâng cao trình độ, nghiệp vụ để tạo ra giá trị thời gian chi phí cho lao động công vụ. Quản lý nhà nước là tác động của công quyền vào các lĩnh vực của đời sống. Chúng liên quan đến nhận thức đối tượng và cần tới kiến thức mới giải quyết được. Chuyên môn là cơ sở cho hoạt động quản lý. Tùy từng vị trí việc làm trong hệ thống công vụ mà huy động kiến thức ở mức độ cần thiết khác nhau. Nghiệp vụ gắn liền với chuyên môn, thể hiện ở sự thành thạo trong công tác. Nhưng trong khoa học quản lý công, chuyên môn có những mặt không được trang bị trong nhà trường, mà qua sự trải nghiệm, trưởng thành trong tổ chức. Chuyên môn của nhà quản lý ngoài kiến thức

học đường còn các kiến thức xã hội hình thành từ trải nghiệm thực tiễn công tác. Họ cần có kiến thức gì để làm lãnh đạo nếu cán bộ, công chức không được bồi dưỡng kiến thức cần thiết cho từng vị trí trong hệ thống chức nghiệp? Ba là, thời gian đo lường những yếu tố phẩm chất cá nhân cán bộ, công chức. Năng lực và phẩm chất cá nhân là hai mặt thống nhất như tài và đức. Thời gian sẽ là trọng tài để nói rõ mặt tài, mặt đức. Những sản phẩm công vụ rất đa dạng, tùy theo vị trí việc làm mà thể hiện tương xứng với kết quả. Nếu người lao động thiếu những phẩm chất cần thiết để thực thi nhiệm vụ như sự động não, ý thức trách nhiệm, mong muốn hợp tác, đầu tư trí tuệ thì chất lượng sản phẩm kém, thời gian bị vi phạm (theo định lượng hay định tính) nhất định sẽ bộc lộ. Quy định (6), thể chế hành chính (7) rất cần thiết để điều chỉnh tác phong, thái độ và trách nhiệm công vụ ở mọi ngạch, bậc vị trí trong hệ thống. Nhưng thật khó để điều chỉnh được sự thiếu tự giác của con người, trong đó bao gồm lực lượng cán bộ, công chức...

Thứ ba, thời gian công vụ là căn cứ đo lường khả năng tiếp cận và ứng dụng khoa học công nghệ vào hoạt động quản lý nhà nước, quản trị quốc gia. Thực thi công vụ là sự kết hợp yếu tố con người (thể lực và trí tuệ) với phương tiện vật chất, đóng vai trò như công cụ lao động. Phương tiện càng hiện đại thì thời gian làm việc càng được rút ngắn. Những hỗ trợ kỹ thuật rút ngắn thời gian công tác có thể cảm nhận trực quan và gián tiếp. Trực quan, như rút ngắn các quy trình của một cuộc họp, hội nghị, nhờ thông tin đã được kết nối tới mọi thành viên. Ngày càng nhiều hoạt động của con người nay được thay thế bằng phương tiện khoa học. Không những giảm thiểu nhân lực, công nghệ còn rút ngắn đáng kể thời gian cho một hoạt động (tiếp nhận, phân tích, đánh giá và xử lý thông tin cho quản lý). Thành tựu của công nghệ là trọng tài đánh giá việc nền hành chính từ quản lý điện tử trở thành quản lý số. Khoa học công nghệ cùng tham gia vào phát triển lực lượng sản xuất xã hội, làm cho hạ tầng xã hội phát triển, như phương tiện giao thông, máy móc thiết bị đã giảm thiểu chi phí thời gian ngoài công vụ (như chi phí đi lại, công tác chuẩn bị) đã tác động trực tiếp tới hiệu quả công tác của công chức, viên chức trong nền công vụ.

Định hướng cải cách và hoàn thiện chi tiêu thời gian công vụ

Chi tiêu, chi phí thời gian là yếu tố cấu trúc vật chất của lao động kinh tế - xã hội nói chung, trong đó có hoạt động hành chính công và dịch vụ công. Thời gian công vụ được hiểu cơ bản là quá trình lao động thực thi nhiệm vụ của công chức, viên chức, được tính (đo lường) do pháp luật quy định hoặc tính chi phí thời gian cho một công việc cụ thể giao cho cán bộ, công chức. Thời gian công vụ gắn với một kiểu lao động đặc thù ở chỗ: lao động công vụ lấy việc nhà nước tạo động lực của quản lý công, mở đường cho các hình thái lao động kinh tế - xã hội khác một cách thuận lợi bằng các sản phẩm chính sách, cơ chế, các hoạt động điều hành, điều phối của chính quyền thông qua nguồn lực công. Bên cạnh tác động tới hoạt động kinh tế - xã hội, lao động công vụ còn mang đến cho con người, tổ chức, cộng đồng sự an ninh, an toàn, trật tự xã hội, mang lại lối sống văn minh trong tổ chức, cộng đồng. Giá trị của thời gian công vụ thấm thấu vào giá trị phát triển xã hội. Nếu xét lao động công vụ theo cách tiếp cận chi phí thời gian cho vụ việc, thì giá trị thời gian công vụ thể hiện qua năng suất lao động, hiệu quả công việc mà công chức, viên chức thực hiện. Vậy nên, kỹ năng càng cao

thì năng suất càng cao. Tư duy quản trị càng khoa học, chính xác thì thời gian lao động càng giá trị. Từ đó, xin đưa ra một số đề xuất có tính khuyến nghị sau:

Một là, nhận thức và tạo cơ chế sớm nhất có thể đưa khoa học, công nghệ vào các khâu của lao động công chức, viên chức. Khoa học, công nghệ nâng cao năng suất lao động theo cấp số nhân, hơn hẳn những cố gắng mang tính cơ học thuần túy của con người. Thành tựu khoa học cần nhanh chóng đưa vào thao tác công tác, liên kết hoạt động, kết nối hệ thống.

Hai là, thực hiện nghiêm túc tính liên hệ hệ thống. Thiếu sự liên hệ tổ chức (tạo nên hệ thống) chính là yếu tố cản trở. Hiệu quả của bất kỳ cải cách, đổi mới nào trong hành chính nhà nước cũng phải lấy đầu ra của quản lý làm tiêu chuẩn đánh giá. Đánh giá công vụ phải căn cứ cơ bản là đầu ra phục vụ cho xã hội. Thoát ly kết quả, mọi phân tích trở nên giáo điều, xa rời cuộc sống.

Ba là, nâng cao ý thức chủ quan của đội ngũ nhân lực trong hệ thống công vụ trên các mặt trình độ, kỹ năng và các yếu tố nhân cách. Trong mọi hoạt động, ý thức chủ quan can thiệp vào kết quả của con người rất quan trọng đối với thành bại trong công vụ. Ý thức chủ quan có vai trò định hướng hành vi ngay từ khi con người nhận thức đối tượng và đề xuất các ý tưởng thực thi. Những phản ứng ý thức rất đa dạng theo động lực lợi ích, ý thức trách nhiệm và tình cảm lao động công vụ.

Ý thức chủ quan tác động tới thái độ trách nhiệm về chuyên môn, nghiệp vụ; nâng cao kỹ năng bằng trải nghiệm thực tiễn và những tri thức liên quan tới vị trí cá nhân trong xã hội. Yếu tố ý thức được hoàn thiện chủ yếu thông qua trách nhiệm bản thân và tác động của tổ chức. Mỗi vị trí công vụ cần sự biểu hiện khác nhau trong yếu tố chủ quan. Mỗi công chức theo thời gian sẽ thay đổi tương quan đến sự thăng tiến về trình độ, kinh nghiệm và trách nhiệm trong tổ chức. Họ sẽ được cập nhật các tình huống ý thức thích ứng. Những yêu cầu chủ quan của cán bộ, công chức có được do nỗ lực chủ quan và qua các khóa huấn luyện, bồi dưỡng kiến thức cho cán bộ, công chức về thể chế, nền tảng chính trị, trách nhiệm xã hội và đạo đức công vụ trong thực thi quyền lực nhà nước.

Thời gian công vụ là yếu tố thuộc tính của hoạt động công quyền và dịch vụ công tới toàn bộ các sinh hoạt xã hội. Thông qua thời gian để đào thải lao động trì trệ, tích tụ sáng kiến và sáng tạo. Thời gian vì vậy là mệnh lệnh thể chế và sự tự chủ, là “quan tòa” phán xét các yếu tố chủ quan có hại cho sự phát triển.

GS. TS. Nguyễn Hữu Khiển, nguyên Phó Giám đốc Học viện Hành chính Quốc gia, Bộ Nội vụ

Nguồn: tcnn.vn

Ghi chú:

(1) <https://vietnamnet.vn>, Đăng kiểm trước thách thức về con người và các quy định, ngày 27/3/2023.

(2) <https://nhandan.vn>, Bảo đảm quyền lợi của người gửi tiền tại SCB, ngày 08/10/2022.

(3) <https://xaydungchinhhsach.chinhphu.vn>, Quy định mới: miễn đăng kiểm lần đầu, kéo dài chu kỳ kiểm định nhiều loại xe, ngày 24/3/2023.

(4) <https://laodong.vn>, Thu hồi dự án chậm tiến độ: Hết thời của những chủ đầu tư ô m đất, ngày 14/10/2022.

(5) <https://laodong.vn>, Bệnh viện nghìn tỉ bị bỏ hoang lạnh hơn 23 năm, ngày 24/3/2020.

(6) Quy định số 214-QĐ/TW ngày 02/01/2020 của Bộ Chính trị về khung tiêu chuẩn chức danh, tiêu chí đánh giá cán bộ thuộc diện Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư quản lý (Khoản 1.3 Mục II).

(7) Nghị định số 90/2020/NĐ-CP ngày 13/8/2020 về đánh giá, xếp loại chất lượng cán bộ, công chức, viên chức (Khoản 3 Điều 3).

Tài liệu tham khảo

1. Duncan Banatyne, Quản lý thời gian thông minh của người thành đạt: Nxb Hồng Đức 2020 (tài liệu dịch).

2. Trường Kinh doanh Harvard (2005), Quản lý thời gian, Nxb Tổng hợp TP. Hồ Chí Minh.

3. Văn Tất Thu, Các giải pháp chủ yếu nâng cao hiệu quả sử dụng thời giờ làm việc của cán bộ, công chức, viên chức nhà nước, Tạp chí Tổ chức nhà nước, số 4/2008.

4. Trần Hữu Trần Huy (chủ biên), Kỹ năng quản lý thời gian, TP. Hồ Chí Minh 2021.

CẦN THƯỜNG XUYÊN NÂNG CAO SỰ HÀI LÒNG CỦA NGƯỜI DÂN

Tại Hội thảo 'Cải thiện, nâng cao sự hài lòng của người dân, tổ chức đối với sự phục vụ của các cơ quan hành chính TP. Hà Nội' do Ủy ban nhân dân TP. Hà Nội tổ chức sáng ngày 13/12/2023, nhiều đại biểu khẳng định, việc nâng cao sự hài lòng của tổ chức, người dân cần được tiến hành thường xuyên, liên tục.

Ông Phạm Minh Hùng, Vụ trưởng Vụ Cải cách hành chính (Bộ Nội vụ): Cần xử lý tốt những phản ánh, kiến nghị

Nâng cao chất lượng xây dựng và tổ chức thực hiện chính sách tác động đến người dân, doanh nghiệp theo hướng tăng cường sự tham gia của người dân; hướng đến lợi ích của người dân.

Bên cạnh đó, nâng cao chất lượng cung ứng dịch vụ hành chính công, bởi đây là yếu tố biểu lộ rõ nét sự tương tác giữa người dân và chính quyền. Tăng cường thông tin tuyên truyền đối với đội ngũ cán bộ, công chức để chuyển biến về tinh thần phục vụ, tuyên truyền cho người dân để họ hiểu được vai trò, trách nhiệm của mình trong tham gia xây dựng chính quyền. Việc này cần có sự vào cuộc của các cơ quan hành chính và các tổ chức chính trị - xã hội tham gia vào quá trình truyền truyền, vận động người dân để họ nhận thức đúng, đánh giá khách quan, công bằng.

Khi có kết quả về các chỉ số, các cấp chính quyền cần coi đó là thông tin phục vụ cho việc chỉ đạo, điều hành. Từ đó có giải pháp khắc phục hạn chế mà người dân chỉ ra cũng như giải pháp duy trì những nội dung được người dân đánh giá cao.

Đặc biệt, Hà Nội cần xử lý tốt những phản ánh, kiến nghị của người dân và coi đây là kênh thông tin hết sức thực tế, thực tiễn để điều chỉnh chính sách.

TS. Bùi Thị Ngọc Hiền (Học viện Hành chính quốc gia): Huy động sự tham gia của người dân

Từ nghiên cứu kinh nghiệm của một số địa phương trên thế giới và một số địa phương ở Việt Nam, theo tôi, để nâng cao sự hài lòng của người dân, tổ chức với việc cung ứng dịch vụ công trên địa bàn Hà Nội, cần huy động sự tham gia của người dân, tổ chức trong quá trình xây dựng chính sách và cung cấp các dịch vụ công.

Cùng với việc mở rộng các kênh cung cấp thông tin về chủ trương, chính sách, cần phát huy sự tham gia của người dân vào quá trình xây dựng, tổ chức thực hiện chính sách.

Các cơ quan cũng nên cho người dân, tổ chức biết rằng họ đang được lắng nghe và vấn đề đó đã, đang được giải quyết một cách kịp thời với sự trợ giúp của thông tin khách hàng cung cấp.

Đối với các thủ tục hành chính, cần phải hợp lý hóa quy trình giải quyết, bảo đảm được thực hiện đúng quy định với ít thời gian, chi phí nhất có thể. Trong đó, tăng cường ứng dụng

công nghệ thông tin cũng là biện pháp quan trọng để hợp lý hóa quy trình làm việc do rút ngắn được thời gian, sử dụng nguồn dữ liệu dùng chung, liên thông các thủ tục hành chính...

TS. Hoàng Thị Thúy Hằng, đại biểu Hội đồng nhân dân TP. Hà Nội: Đề cao vai trò người đứng đầu

Tôi cho rằng, thời gian tới, thành phố cần tập trung hơn nữa vào một số nhiệm vụ: Quan tâm hơn nữa đến nhân tố con người trong việc nâng cao sự hài lòng của tổ chức, người dân.

Trong đó, cần xác định vai trò người đứng đầu, thủ trưởng cơ quan, đơn vị có tính dẫn dắt, tác động hết sức lớn đến toàn bộ sự vận hành, hiệu quả hoạt động của cơ quan hành chính cụ thể hơn nữa. Đồng thời, tiếp tục đầu tư, tạo môi trường, không gian điều kiện làm việc thuận lợi, giảm căng thẳng, áp lực cho công chức, viên chức, người lao động trực tiếp tiếp xúc với tổ chức, người dân, nhất là ở bộ phận “một cửa”.

Cùng với đó, tiếp tục nâng cao tính minh bạch trong giải quyết thủ tục hành chính; cải thiện môi trường giao dịch với công dân, tổ chức hướng đến sự thuận tiện, văn minh, hiện đại.

Đặc biệt, cần nghiên cứu xây dựng và hoàn thiện cơ chế và chế tài xử lý các vi phạm trong quy trình tiếp nhận và giải quyết thủ tục hành chính, giải quyết công vụ.

Bà Đỗ Thanh Huyền, Chuyên gia phân tích chính sách công, Chương trình Phát triển Liên hợp quốc tại Việt Nam (UNDP): Xác định những điểm còn yếu và lựa chọn lĩnh vực ưu tiên

Ở góc độ nhiều năm nghiên cứu và phân tích chính sách công, tôi có một số khuyến nghị về giải pháp cải thiện sự hài lòng của người dân TP. Hà Nội.

Đó là, cần xác định những điểm còn yếu kém và lựa chọn một số lĩnh vực ưu tiên trong năm: Huy động sự tham gia tự nguyện của người dân vào thực hiện dự án công trình công cộng ở địa phương và nghiêm túc thực hiện việc lấy ý kiến công dân trước trong quá trình thực hiện các dự án này.

Tuân thủ việc thực hiện công khai, minh bạch thông tin, đặc biệt là thông tin liên quan đến quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất và bảng giá đất, để người dân biết, bàn, giám sát và yêu cầu các cấp chính quyền địa phương giải trình. Tạo các kênh tương tác hữu hiệu giữa chính quyền và người dân để không chỉ chia sẻ thông tin mà còn giải trình cụ thể những vướng mắc còn tồn tại. Nghiêm túc thực hiện các biện pháp phòng, chống tham nhũng trong khu vực công.

Bên cạnh đó, cần thực hiện cung ứng dịch vụ công trực tuyến với sự tham gia chủ động và tích cực của người dân thông qua việc đưa dịch vụ đến với người dân, nhất là người dân ở nơi xa so với trung tâm xã, thị trấn ở khu vực nông thôn; đầu tư xây mới trường tiểu học công lập, chấn chỉnh đạo đức công vụ của đội ngũ giáo viên...

Nguồn: hanoimoi.vn

CHUYỂN ĐỔI SỐ

CẦN SỰ CHUNG TAY CỦA TOÀN XÃ HỘI

Theo nhiều chuyên gia, Luật Thủ đô (sửa đổi) nhấn mạnh đến vấn đề chuyển đổi số là lĩnh vực cần chú trọng đẩy mạnh, trong mọi mặt kinh tế - xã hội. Tuy nhiên, để TP. Hà Nội có thể đẩy nhanh quá trình chuyển đổi số thì cần có sự chung tay của toàn xã hội.

Cần sự vào cuộc của cả hệ thống chính trị

Tại Hội nghị lần thứ chín, Ban Chấp hành Đảng bộ TP. Hà Nội khóa XVII đã đồng ý thông qua và giao Ủy ban nhân dân TP. Hà Nội hoàn chỉnh dự thảo Nghị quyết về chuyển đổi số, xây dựng thành phố thông minh đến năm 2025, định hướng đến năm 2030.

Trong đó, TP. Hà Nội đã đặt ra mục tiêu: Đến năm 2025, thành phố sẽ thực hiện chuyển đổi số, phát triển Thủ đô theo hướng đô thị xanh, thành phố thông minh, hiện đại, phấn đấu thuộc nhóm các địa phương dẫn đầu cả nước về chuyển đổi số. Đến năm 2030, Thủ đô Hà Nội sẽ trở thành thành phố thông minh, hiện đại, từng bước kết nối với mạng lưới đô thị thông minh trong khu vực và thế giới...

Luật Thủ đô (sửa đổi) (dự kiến ban hành năm 2024) cũng đã đưa ra nhiều nội dung cụ thể nhằm phát triển khoa học và công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số. Điều 25 nhấn mạnh: Tập trung phát triển đồng bộ các lĩnh vực khoa học và công nghệ; thực hiện chuyển đổi số trên mọi mặt đời sống kinh tế - xã hội.

Để quá trình chuyển đổi số diễn ra nhanh chóng cần thiết phải xây dựng hệ thống cơ sở vật chất đảm bảo cả về quy mô và chất lượng. Chính vì thế, điều 26 Luật Thủ đô (sửa đổi) có nói về phát triển các khu công nghệ cao.

Cụ thể: Xây dựng và phát triển đồng bộ các khu công nghệ cao trên địa bàn Thủ đô bao gồm khu công nghệ cao, khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao. Đặc biệt tại khoản 2 điều này nhấn mạnh: Khu Công nghệ cao Hòa Lạc là khu vực nghiên cứu, phát triển công nghệ cao và đổi mới sáng tạo trọng điểm của Thủ đô và cả nước.

TP. Hà Nội với vai trò là Thủ đô của cả nước, với sự tập trung của nhiều trường đại học lớn, viện nghiên cứu trên địa bàn Thủ đô với "hạt nhân" là Khu công nghệ cao Hòa Lạc, tập trung nguồn nhân lực có chất lượng cao của cả nước về công nghệ - kỹ thuật. Có thể nói Hà Nội là nơi tập trung tầng lớp "tinh hoa" trong lĩnh vực khoa học - công nghệ - thông tin, đây là điều kiện hết sức thuận lợi để Hà Nội thực hiện chuyển đổi số.

TP. Hà Nội đã sẵn sàng với hạ tầng viễn thông, mạng lưới internet và mạng di động phủ rộng trên toàn địa bàn tất cả các quận huyện, giúp cho các doanh nghiệp và người dân có thể dễ dàng truy cập vào các dịch vụ và ứng dụng kỹ thuật số.

Tuy nhiên, bên cạnh các thuận lợi nêu trên, TP. Hà Nội cũng gặp một số khó khăn trong triển khai Chuyển đổi số đó là: Vốn đầu tư vào các hệ thống nền tảng của công nghệ số còn hạn chế; Hệ thống chính sách, hướng dẫn của bộ chủ quản về chuyển đổi số còn chưa đầy đủ, hoặc

chưa phù hợp với một đô thị lớn như TP. Hà Nội; Dân số lớn và địa bàn TP. Hà Nội rộng là một thách thức cho việc triển khai các hệ thống nền tảng làm độ khó, độ phức tạp hệ thống cao hơn nhiều so với các địa phương khác. Các dự án triển khai chuyển đổi số tại TP. Hà Nội là các dự án lớn cần có phương pháp quản lý dự án khoa học mới đảm bảo thành công.

Thành ủy Hà Nội xác định, chuyển đổi số, xây dựng TP. Hà Nội thông minh là trách nhiệm của cả hệ thống chính trị, các cấp, các ngành và của toàn xã hội. Thành ủy yêu cầu các cấp ủy, người đứng đầu các cấp ủy đảng trực tiếp chủ trì, lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện chuyển đổi số trên địa bàn, lĩnh vực quản lý; Đổi mới mạnh mẽ tư duy và nhận thức về chuyển đổi số, xây dựng thành phố thông minh; Phát huy mạnh mẽ vai trò của Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội các cấp, các hiệp hội ngành nghề trong công tác tuyên truyền, vận động doanh nghiệp, người dân tích cực hưởng ứng tham gia chuyển đổi số.

Người dân, doanh nghiệp là trung tâm, chủ thể, mục tiêu, động lực để chuyển đổi số, xây dựng TP. Hà Nội thông minh; Tham gia đầu tư, xây dựng, quản lý, giám sát và vận hành thành phố thông minh.

Người đứng đầu có vai trò quan trọng

Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông Nguyễn Mạnh Hùng cho rằng: “Chuyển đổi số thì phải chuyển đổi cách làm, thay đổi cách vận hành tổ chức là chính nên người đứng đầu đóng vai trò quyết định.

Người đứng đầu mà không muốn thay đổi cách làm thì sẽ không có chuyển đổi số. Người đứng đầu muốn thay đổi cách làm mà ủy quyền cho cấp phó làm chuyển đổi số thì cũng không có chuyển đổi số”.

Phó Bí thư Quận ủy, Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận Hoàn Kiếm Phạm Tuấn Long chia sẻ: để thực hiện tốt công tác cải cách hành chính trong đó có chuyển đổi số, trong nhiệm kỳ 2020 - 2025, Ban Chấp hành Đảng bộ quận đã xây dựng Chương trình số 07-CTr/QU ngày 06/8/2021 về "tiếp tục đẩy mạnh cải cách hành chính, sắp xếp tinh gọn bộ máy, nâng cao ý thức trách nhiệm, kỷ cương của đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức, phát huy hiệu lực, hiệu quả hoạt động của chính quyền đô thị"; Thành lập Ban Chỉ đạo chương trình, tổ chức chỉ đạo, triển khai thực hiện nhiệm vụ cải cách hành chính trên địa bàn quận; Đặc biệt đề cao vai trò người đứng đầu trong chỉ đạo, điều hành.

Theo đó, Ủy ban nhân dân quận Hoàn Kiếm cũng đã kịp thời ban hành các văn bản chỉ đạo, điều hành để triển khai công tác cải cách hành chính, năm 2023, tổ chức tuyên truyền, quán triệt đến toàn thể đội ngũ cán bộ của các đơn vị để tổ chức thực hiện. Đồng thời, công tác kiểm tra công vụ, duy trì kỷ luật kỷ cương hành chính các đơn vị cũng được quận triển khai ngay từ đầu năm 2023.

Cũng theo Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận Hoàn Kiếm, thời gian tới, Hoàn Kiếm sẽ tiếp tục đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý, điều hành nội bộ của Ủy ban nhân dân quận, phường; Triển khai sử dụng tốt phần mềm quản lý do thành phố cung cấp (Hệ thống quản lý văn bản điều hành; Hệ thống thông tin báo cáo liên thông; Hệ thống tiếp nhận thông tin, phản ánh kiến nghị của công dân, tổ chức); Tiếp tục tổ chức thực hiện dự án số hóa tài liệu lưu trữ

của Ủy ban nhân dân quận. Đặc biệt, quận tiếp tục duy trì sử dụng hệ thống ISO điện tử quận để quản lý các quy trình theo tiêu chuẩn ISO 9001:2015 trong hoạt động của các cơ quan chuyên môn thuộc quận...

Chủ tịch Hội Tin học Viễn thông Hà Nội Đặng Đức Mai cho rằng: “Người đứng đầu và cấp ủy đóng vai trò rất quan trọng trong việc huy động nguồn lực xã hội để thực hiện thành công chuyển đổi số của TP. Hà Nội. Người đứng đầu và cấp ủy đảm bảo sự lãnh đạo mạnh mẽ và hiệu quả trong suốt quá trình chuyển đổi số, là một quá trình liên tục, lâu dài, không điểm dừng.

Người đứng đầu và cấp ủy là cấp ra chính sách, ra thể chế, hình thành môi trường thân thiện với công nghệ và kinh tế số, bằng cách đưa ra các chính sách và quy định phù hợp, tạo điều kiện thuận lợi cho các doanh nghiệp, tổ chức và cá nhân tham gia vào hoạt động kinh tế số.

Việc xây dựng môi trường kinh doanh thuận lợi, tạo ra nhiều doanh nghiệp mới, doanh nghiệp số, doanh nghiệp kỳ lân cho TP. Hà Nội, tạo thêm nhiều nguồn lực tài chính là chức năng của người đứng đầu và cấp ủy; Hỗ trợ và động viên các doanh nghiệp, tổ chức và cá nhân tham gia vào hoạt động kinh tế số, hỗ trợ và động viên các doanh nghiệp, tổ chức và cá nhân tham gia vào hoạt động kinh tế số, đồng thời tạo ra cơ hội và sự thúc đẩy để họ có thể tăng cường hoạt động kinh doanh của mình thông qua công nghệ và kinh tế số”.

Như vậy, nếu có sự chung tay của toàn xã hội nhất là những người đứng đầu trong việc thực hiện, kiểm tra các hoạt động lĩnh vực khi tích hợp chuyển đổi số thì sẽ là cơ hội để thúc đẩy tăng trưởng nền kinh tế.

Nguồn: kinhtedothi.vn

CHÍNH PHỦ, THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ, CÁC BỘ, NGÀNH: BAN HÀNH QUY ĐỊNH MỚI

*** Ngày 12/12/2023, Chính phủ ban hành Nghị định số 89/2023/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 72/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ về hoạt động nhiếp ảnh và Nghị định số 126/2018/NĐ-CP ngày 20/9/2018 của Chính phủ quy định về thành lập và hoạt động của cơ sở văn hóa nước ngoài tại Việt Nam.**

1. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 72/2016/NĐ-CP. Cụ thể:

Sửa đổi, bổ sung Khoản 2, Khoản 3 Điều 10 đưa tác phẩm nhiếp ảnh từ Việt Nam ra nước ngoài dự thi, liên hoan như sau:

Tổ chức (Bộ, ban, ngành, đoàn thể trung ương) đưa tác phẩm nhiếp ảnh từ Việt Nam ra nước ngoài dự thi, liên hoan với danh nghĩa đại diện cho quốc gia Việt Nam nộp trực tiếp hoặc qua bưu chính hoặc qua môi trường điện tử 01 văn bản thông báo đến cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

Văn bản thông báo nêu rõ thông tin của tổ chức, cá nhân tổ chức thi, liên hoan tác phẩm nhiếp ảnh, tên gọi, chủ đề, nội dung, thời gian, địa điểm của cuộc thi, liên hoan tác phẩm nhiếp ảnh.

Văn bản thông báo kèm theo: Danh sách tác phẩm bằng tiếng Việt (ghi rõ số thứ tự tác phẩm, tên tác phẩm, tên tác giả); Ảnh sẽ dự thi, liên hoan có chú thích: Ảnh in trên giấy kích thước nhỏ nhất 13 x 18 cm hoặc ghi vào đĩa CD (đối với trường hợp nộp trực tiếp/nộp qua bưu chính), ảnh định dạng JPG hoặc PDF (đối với trường hợp nộp qua môi trường điện tử); Thư mời, thể lệ của cuộc thi, liên hoan đã được dịch ra tiếng Việt.

Nghị định cũng sửa đổi, bổ sung Khoản 3 Điều 12 đưa tác phẩm nhiếp ảnh từ Việt Nam ra nước ngoài triển lãm như sau:

Tổ chức, cá nhân đưa tác phẩm nhiếp ảnh từ Việt Nam ra nước ngoài triển lãm nộp trực tiếp hoặc qua bưu chính hoặc qua môi trường điện tử 01 bộ hồ sơ đề nghị cấp giấy phép đến cơ quan nhà nước có thẩm quyền. Hồ sơ đề nghị cấp giấy phép gồm: Đơn đề nghị cấp giấy phép đưa tác phẩm nhiếp ảnh từ Việt Nam ra nước ngoài triển lãm; Danh sách tác phẩm bằng tiếng Việt (ghi rõ số thứ tự tác phẩm, tên tác phẩm, tên tác giả, chất liệu, kích thước, số lượng); Ảnh sẽ triển lãm có chú thích: Ảnh in trên giấy kích thước nhỏ nhất 13 x 18 cm hoặc ghi vào đĩa CD (đối với trường hợp nộp trực tiếp/nộp qua bưu chính), ảnh định dạng JPG hoặc PDF (đối với trường hợp nộp qua môi trường điện tử); Thư mời, thông báo, sách ảnh (nếu có), văn bản thỏa thuận hoặc hợp đồng với đối tác nước ngoài đã được dịch ra tiếng Việt; Đối với các tác phẩm nhiếp ảnh khỏa thân lộ rõ danh tính phải có văn bản thỏa thuận giữa người chụp ảnh và người được chụp về nội dung chụp, thời gian và phạm vi công bố tác phẩm.

2. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 126/2018/NĐ-CP. Cụ thể:

Sửa đổi, bổ sung Khoản 3 Điều 13 như sau: “3. Trình tự, cách thức, thời hạn giải quyết và thẩm quyền: a) Cơ sở văn hóa nước ngoài tại Việt Nam đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận nộp

trực tiếp hoặc qua bưu chính hoặc qua môi trường điện tử 01 bộ hồ sơ đến Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương nơi đã cấp Giấy chứng nhận; b) Trường hợp hồ sơ không hợp lệ, trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương thông báo bằng văn bản gửi trực tiếp hoặc qua bưu chính hoặc thư điện tử cho cơ sở văn hóa nước ngoài tại Việt Nam để bổ sung hồ sơ; c) Trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương cấp lại Giấy chứng nhận theo Mẫu số 07 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này và gửi bản sao Giấy chứng nhận đến Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch. Trường hợp từ chối phải trả lời bằng văn bản, nêu rõ lý do.”

Sửa đổi, bổ sung Khoản 2 Điều 14 như sau: “2. Trình tự, cách thức, thời hạn giải quyết và thẩm quyền: a) Ít nhất 45 ngày làm việc trước ngày Giấy chứng nhận hết thời hạn, cơ sở văn hóa nước ngoài tại Việt Nam có nhu cầu gia hạn Giấy chứng nhận nộp trực tiếp hoặc qua bưu chính hoặc qua môi trường điện tử 01 bộ hồ sơ đến Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương nơi đã cấp Giấy chứng nhận; b) Trường hợp hồ sơ không hợp lệ, trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương thông báo bằng văn bản gửi trực tiếp hoặc qua bưu chính hoặc thư điện tử cho cơ sở văn hóa nước ngoài tại Việt Nam để bổ sung hồ sơ; c) Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương gia hạn Giấy chứng nhận và gửi bản sao Giấy chứng nhận đến Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch. Trường hợp từ chối phải trả lời bằng văn bản, nêu rõ lý do.”

Nghị định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành.

*** Ngày 11/12/2023, Chính phủ ban hành Nghị định số 88/2023/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 54/2017/NĐ-CP ngày 08/5/2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Dược và Nghị định số 155/2018/NĐ-CP ngày 12/11/2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số quy định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Y tế.**

1. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 54/2017/NĐ-CP. Cụ thể:

Sửa đổi, bổ sung Khoản 1 Điều 91 như sau: “1. Nguyên liệu làm thuốc là dược chất, tá dược, vỏ nang, bán thành phẩm thuốc, bán thành phẩm dược liệu chưa có Giấy đăng ký lưu hành để sản xuất thuốc theo hồ sơ đăng ký thuốc đã có Giấy đăng ký lưu hành thuốc tại Việt Nam được công bố trên Trang thông tin điện tử của Cơ quan cấp phép theo Mẫu số 46 tại Phụ lục III ban hành kèm theo Nghị định này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày cấp, gia hạn Giấy đăng ký lưu hành thuốc tại Việt Nam. Nguyên liệu làm thuốc thuộc Danh mục đã được công bố được nhập khẩu không phải thực hiện cấp phép nhập khẩu, trừ nguyên liệu làm thuốc phải kiểm soát đặc biệt.”

Ngoài ra, Nghị định nêu rõ, cơ quan quản lý nhà nước về giá thuốc có quyền có văn bản yêu cầu các cơ sở kinh doanh dược thực hiện kê khai giá báo cáo về mức giá kê khai, kê khai lại phù hợp với mặt bằng giá kê khai của mặt hàng tương tự trên thị trường, phù hợp với biến động của yếu tố hình thành giá để phục vụ công tác bình ổn giá, quản lý nhà nước về giá,

kiểm tra, thanh tra theo quy định của pháp luật; thực hiện kiểm tra, thanh tra các cơ sở kinh doanh dược về giá thuốc theo quy định của pháp luật.

Bên cạnh đó, cơ quan quản lý nhà nước về giá thuốc có quyền chuyển cơ quan có thẩm quyền xử lý vi phạm theo quy định của pháp luật nếu phát hiện cơ sở kinh doanh thuốc vi phạm các quy định về quản lý giá thuốc trong các trường hợp: không thực hiện kê khai, kê khai lại; kê khai không đầy đủ giá thuốc theo quy định hoặc không điều chỉnh giá nhưng không báo cáo theo văn bản yêu cầu của cơ quan quản lý nhà nước về giá thuốc đối với hồ sơ kê khai, kê khai lại của doanh nghiệp; báo cáo không trung thực các yếu tố hình thành giá hoặc bán thuốc cao hơn giá đã kê khai hoặc kê khai lại đang có hiệu lực.

Đồng thời, xem xét áp dụng các biện pháp trong trường hợp cơ sở kinh doanh dược đã vi phạm từ 02 lần trở lên trong thời gian 01 năm: tạm ngừng tiếp nhận hồ sơ đề nghị xác nhận nội dung thông tin, quảng cáo thuốc; tạm ngừng tiếp nhận hồ sơ đề nghị nhập khẩu thuốc chưa có Giấy đăng ký lưu hành thuốc tại Việt Nam; tạm ngừng tiếp nhận hồ sơ cấp, gia hạn Giấy đăng ký lưu hành thuốc, nguyên liệu làm thuốc.

Thời hạn tạm ngừng tiếp nhận hồ sơ quy định tại điểm này từ 03 tháng đến 12 tháng kể từ ngày ban hành văn bản thông báo hành vi vi phạm của cơ quan có thẩm quyền.

Cũng theo Nghị định, cơ quan quản lý nhà nước về giá thuốc có trách nhiệm thực hiện đúng quy định về tiếp nhận hồ sơ kê khai, kê khai lại giá thuốc quy định tại Điều 131 Nghị định này; rà soát hồ sơ kê khai, kê khai lại giá thuốc do các cơ sở kinh doanh dược kê khai theo đúng Biểu mẫu quy định tại khoản 1, khoản 2, khoản 4 Điều 130 Nghị định này và bảo mật mức giá kê khai, kê khai lại của tổ chức, cá nhân trong thời gian mức giá kê khai, kê khai lại chưa có hiệu lực thực hiện theo quy định của pháp luật."

Nghị định nêu rõ, cơ sở kinh doanh dược có quyền mua, bán thuốc theo giá đã kê khai, kê khai lại kể từ ngày cơ sở sản xuất hoặc cơ sở đặt gia công, cơ sở nhập khẩu thuốc nộp đủ hồ sơ kê khai, kê khai lại giá thuốc theo quy định và được cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền tiếp nhận. Trường hợp cơ sở nhập khẩu, cơ sở sản xuất hoặc cơ sở đặt gia công thuốc có điều chỉnh giảm giá kê khai so với kê khai liền kề thì cơ sở được quyền mua, bán ngay theo mức giá điều chỉnh giảm đồng thời với việc thực hiện kê khai giảm giá phù hợp với biến động giảm của yếu tố hình thành giá.

Cơ sở kinh doanh dược có trách nhiệm thực hiện đầy đủ các quy định về kê khai, kê khai lại giá thuốc, thông báo mức giá theo quy định của pháp luật và quy định tại Nghị định này; chịu trách nhiệm hoàn toàn trước pháp luật về tính chính xác, trung thực của hồ sơ kê khai, kê khai lại giá thuốc; chấp hành báo cáo về mức giá kê khai, kê khai lại theo yêu cầu của quản lý nhà nước về giá thuốc để phục vụ công tác bình ổn giá, quản lý nhà nước về giá, kiểm tra, thanh tra; chấp hành việc kiểm tra, thanh tra của cơ quan nhà nước có thẩm quyền (nếu có).

Nghị định nêu rõ, cơ sở kinh doanh dược không được bán buôn, bán lẻ thuốc cao hơn mức giá kê khai, kê khai lại do chính cơ sở sản xuất hoặc cơ sở đặt gia công, cơ sở nhập khẩu thuốc đó đã kê khai, kê khai lại.

Trường hợp cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền có văn bản yêu cầu cơ sở kinh doanh được báo cáo về mức giá của mặt hàng thuốc do cơ sở đã kê khai, kê khai lại, trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày có văn bản của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền, cơ sở phải có văn bản phản hồi báo cáo về mức giá kê khai phù hợp với mặt bằng giá kê khai của mặt hàng tương tự trên thị trường hoặc phù hợp với biến động của yếu tố hình thành giá hoặc điều chỉnh giá kê khai, kê khai lại phù hợp theo ý kiến của cơ quan quản lý nhà nước về giá thuốc. Sau thời hạn trên, nếu cơ sở kinh doanh được không có văn bản phản hồi thì hồ sơ kê khai, kê khai lại đã nộp không còn giá trị.

Cơ sở kinh doanh được chấp hành các hình thức xử lý về kê khai giá thuốc theo quy định của pháp luật về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực giá, phí, lệ phí, hóa đơn.

Nghị định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 11/12/2023.

*** Ngày 07/12/2023, Chính phủ ban hành Nghị định số 86/2023/NĐ-CP quy định về khung tiêu chuẩn và trình tự, thủ tục, hồ sơ xét tặng danh hiệu "Gia đình văn hóa", "Thôn, tổ dân phố văn hóa", "Xã, phường, thị trấn tiêu biểu".**

Theo đó, Nghị định này áp dụng đối với hộ gia đình; thôn, làng, ấp, bản, buôn, bon, phum, sóc và tương đương (gọi chung là thôn); tổ dân phố, khu phố, khối phố, khóm, tiểu khu và tương đương (gọi chung là tổ dân phố); xã, phường, thị trấn và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến hoạt động xét tặng danh hiệu “Gia đình văn hóa”, “Thôn, tổ dân phố văn hóa”, “Xã, phường, thị trấn tiêu biểu”.

Trong đó, về khung tiêu chuẩn xét tặng danh hiệu Gia đình văn hóa, Nghị định nêu rõ, để được xét tặng danh hiệu Gia đình văn hóa thì gia đình phải đáp ứng những tiêu chuẩn sau:

1. Gương mẫu chấp hành tốt chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước; Các thành viên trong gia đình chấp hành tốt chủ trương của Đảng và quy định của pháp luật; Thực hiện nếp sống văn minh trong việc cưới, việc tang và lễ hội theo quy định; Bảo đảm thực hiện an ninh trật tự, phòng cháy, chữa cháy; Bảo đảm các quy định về độ ồn, không làm ảnh hưởng đến cộng đồng theo quy định của pháp luật về môi trường.

2. Tích cực tham gia các phong trào thi đua lao động, sản xuất, học tập, bảo vệ an ninh, trật tự, an toàn xã hội của địa phương; Tham gia các hoạt động nhằm bảo vệ di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh, cảnh quan thiên nhiên và môi trường của địa phương; Tham gia các phong trào từ thiện, nhân đạo; đền ơn đáp nghĩa; khuyến học khuyến tài và xây dựng gia đình học tập; Tham gia sinh hoạt cộng đồng ở nơi cư trú; Tích cực tham gia các phong trào phát triển kinh tế, văn hóa - xã hội do địa phương tổ chức; Người trong độ tuổi có khả năng lao động tích cực làm việc và có thu nhập chính đáng; Trẻ em trong độ tuổi đi học được đến trường.

3. Gia đình no ấm, tiến bộ, hạnh phúc, văn minh; thường xuyên gắn bó, đoàn kết, tương trợ, giúp đỡ trong cộng đồng; Thực hiện tốt Bộ tiêu chí ứng xử trong gia đình; Thực hiện tốt chính sách dân số, hôn nhân và gia đình; Thực hiện tốt các mục tiêu về bình đẳng giới, phòng, chống bạo lực gia đình/bạo lực trên cơ sở giới; Hộ gia đình có nhà tiêu, nhà tắm, thiết bị chứa nước/các loại hình tương tự hợp vệ sinh; Tương trợ, giúp đỡ mọi người trong cộng đồng khi khó khăn, hoạn nạn;

Thành viên trong gia đình vi phạm một trong các trường hợp sau thì không xét tặng danh hiệu Gia đình văn hóa: Bị truy cứu trách nhiệm hình sự; Không hoàn thành nghĩa vụ quân sự và nghĩa vụ nộp thuế; Bị xử phạt vi phạm hành chính về: Hành vi tảo hôn, tổ chức tảo hôn; vi phạm quy định về kết hôn, ly hôn và vi phạm chế độ hôn nhân một vợ, một chồng; Bị xử phạt vi phạm hành chính về: Vi phạm quy định về trật tự công cộng; hành vi đánh bạc trái phép; phòng, chống tệ nạn xã hội; phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ và phòng, chống bạo lực gia đình.

Nghị định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 30/01/2024.

*** Ngày 12/12/2023, Thủ tướng Chính phủ ký ban hành Quyết định số 1606/QĐ-TTg sửa đổi, bổ sung Phụ lục Danh mục và phân công cơ quan chủ trì soạn thảo văn bản quy định chi tiết thi hành Luật Khám bệnh, chữa bệnh được Quốc hội khóa XV thông qua tại Kỳ họp bất thường lần thứ hai được ban hành kèm theo Quyết định số 172/QĐ-TTg ngày 03/3/2023 của Thủ tướng Chính phủ.**

Theo đó, sửa đổi, bổ sung “Nội dung giao quy định chi tiết” tại mục 1 Phụ lục kèm theo Quyết định số 172/QĐ-TTg như sau: “Khoản 4 Điều 21; khoản 3 Điều 23; khoản 5 Điều 24; khoản 5 Điều 29; khoản 6 Điều 30; khoản 5 Điều 31; khoản 6 Điều 32; khoản 5 Điều 33; khoản 4 Điều 34; khoản 3 Điều 35; khoản 3 Điều 38; khoản 3 Điều 48; khoản 5 Điều 50; khoản 5 Điều 52; khoản 4 Điều 53; khoản 5 Điều 54; khoản 5 Điều 55; khoản 2 Điều 56; khoản 9 Điều 61; khoản 6 Điều 72; khoản 3 Điều 73; khoản 3 Điều 79; khoản 3 Điều 80; khoản 4 Điều 88; khoản 3 Điều 90; khoản 3 Điều 93; khoản 5 Điều 99; khoản 4 Điều 104; khoản 5 Điều 105; khoản 2 Điều 108; khoản 5 Điều 109; khoản 10 Điều 110; khoản 4 Điều 113; khoản 3 Điều 116; khoản 4 Điều 117; khoản 15 Điều 121, khoản 7 Điều 58; khoản 2 Điều 82; Điều 103”.

Bãi bỏ mục 2 Phụ lục kèm theo Quyết định số 172/QĐ-TTg

Thay thế “Tên văn bản quy định chi tiết” và “Nội dung giao quy định chi tiết” tại mục 5 Phụ lục kèm theo Quyết định số 172/QĐ-TTg bằng Phụ lục “Tên văn bản quy định chi tiết và nội dung giao quy định chi tiết” ban hành kèm theo Quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành.

*** Ngày 01/12/2023, Bộ trưởng Bộ Tài chính ký ban hành Thông tư số 72/2023/TT-BTC quy định tiêu chí phân loại, điều kiện thành lập, sáp nhập, hợp nhất, giải thể đơn vị sự nghiệp công lập thuộc lĩnh vực tài chính.**

Thông tư quy định rõ về điều kiện thành lập đơn vị sự nghiệp công lập thuộc lĩnh vực tài chính. Theo đó, việc thành lập đơn vị sự nghiệp công lập thuộc lĩnh vực tài chính phải đáp ứng các điều kiện theo quy định tại Khoản 2 Điều 4 và điểm a, c, d, đ Khoản 1 Điều 5 Nghị định số 120/2020/NĐ-CP, Thông tư số 04/2022/TT-BTC hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của cơ quan tài chính địa phương thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh và Ủy ban nhân dân cấp huyện.

Ngoài các điều kiện chung quy định nêu trên, việc thành lập các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc lĩnh vực tài chính còn phải đáp ứng điều kiện khác theo quy định của pháp luật có liên quan (nếu có).

Các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc lĩnh vực tài chính được thành lập trước ngày Thông tư này có hiệu lực (Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/02/2024) phải đáp ứng các điều kiện theo quy định tại điểm a, c, d, đ Khoản 1 Điều 5 Nghị định số 120/2020/NĐ-CP, Thông tư số 04/2022/TT-BTC hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của cơ quan tài chính địa phương thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh và Ủy ban nhân dân cấp huyện và tự đảm bảo từ 30% trở lên chi thường xuyên hoặc có 30% số lượng người làm việc trở lên được hưởng lương từ nguồn thu sự nghiệp (trừ trường hợp đơn vị chỉ cung cấp dịch vụ công cơ bản, thiết yếu).

Việc sáp nhập, hợp nhất đơn vị sự nghiệp công lập thuộc lĩnh vực tài chính được thực hiện khi cơ quan, tổ chức có đơn vị sự nghiệp công lập khác phù hợp về chức năng, nhiệm vụ với đơn vị sự nghiệp công lập trong lĩnh vực tài chính để sáp nhập, hợp nhất và đơn vị sự nghiệp công lập trong lĩnh vực tài chính đáp ứng một trong các điều kiện sau: a) Có điều chỉnh về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 5 Nghị định số 120/2020/NĐ-CP; b) Hai năm liên tiếp hoạt động không hiệu quả theo đánh giá của cơ quan có thẩm quyền hoặc nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động cung cấp dịch vụ sự nghiệp công, phục vụ quản lý nhà nước của đơn vị sự nghiệp công lập; c) Không đảm bảo số lượng người làm việc tối thiểu theo quy định tại điểm d khoản 1 Điều 5 Nghị định số 120/2020/NĐ-CP; d) Không đảm bảo mức độ tự chủ từ 30% trở lên chi thường xuyên hoặc có 30% số lượng người làm việc trở lên được hưởng lương từ nguồn thu sự nghiệp theo quy định (đối với đơn vị sự nghiệp công lập được thành lập trước ngày Thông tư này có hiệu lực); đ) Không đảm bảo điều kiện theo quy định của pháp luật chuyên ngành (nếu có).

Việc sáp nhập, hợp nhất các đơn vị sự nghiệp công lập có mức độ tự chủ tài chính như nhau đảm bảo không làm giảm mức độ tự chủ về tài chính hiện có của các đơn vị; trường hợp thực hiện sáp nhập, hợp nhất các đơn vị sự nghiệp công lập tự chủ tài chính ở các mức độ khác nhau thì mức độ tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập sau khi sáp nhập, hợp nhất được thực hiện theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền.

Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/02/2024.

*** Ngày 01/12/2023, Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư ký ban hành Thông tư số 12/2023/TT-BKHĐT hướng dẫn về Hội đồng quản lý và tiêu chuẩn, điều kiện bổ nhiệm, miễn nhiệm thành viên Hội đồng quản lý trong đơn vị sự nghiệp công lập thuộc lĩnh vực kế hoạch, đầu tư và thống kê.**

Theo Thông tư, Hội đồng quản lý là đại diện của bộ, cơ quan và tổ chức (đối với đơn vị sự nghiệp công lập thuộc phạm vi quản lý của bộ, cơ quan và tổ chức) tại đơn vị sự nghiệp công lập.

Hội đồng quản lý là đại diện của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (đối với đơn vị sự nghiệp công lập thuộc phạm vi quản lý của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh) tại đơn vị sự nghiệp công lập.

Nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng quản lý thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 7 Nghị định số 120/2020/NĐ-CP.

Thông tư nêu rõ, Hội đồng quản lý có từ 05 đến 11 thành viên tùy thuộc vào đặc thù của từng đơn vị, trong đó có Chủ tịch Hội đồng quản lý và các thành viên Hội đồng quản lý (Thư ký Hội đồng quản lý, các thành viên Hội đồng quản lý; tùy theo yêu cầu nhiệm vụ, Hội đồng quản lý có thể có Phó Chủ tịch Hội đồng quản lý).

Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản lý không quá 05 năm.

Cơ cấu thành viên của Hội đồng quản lý gồm: a) Chủ tịch Hội đồng quản lý là đại diện lãnh đạo của đơn vị sự nghiệp công lập hoặc đại diện cơ quan quản lý cấp trên của đơn vị sự nghiệp công lập (đại diện của bộ, cơ quan và tổ chức đối với đơn vị sự nghiệp thuộc bộ, cơ quan và tổ chức; đại diện của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh đối với đơn vị sự nghiệp thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh; đại diện lãnh đạo Sở, Ban, đơn vị đối với đơn vị sự nghiệp thuộc Sở, Ban, đơn vị) hoặc đại diện cơ quan quản lý cấp trên trực tiếp (nếu có) do người có thẩm quyền xem xét, quyết định; b) Đại diện cơ quan quản lý cấp trên và cấp trên trực tiếp của đơn vị sự nghiệp công lập (trong trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản lý là đại diện lãnh đạo của đơn vị sự nghiệp công lập) hoặc đại diện lãnh đạo đơn vị sự nghiệp công lập (trong trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản lý là đại diện cơ quan quản lý cấp trên, cấp trên trực tiếp); c) Thư ký Hội đồng quản lý; d) Đại diện cấp ủy đảng, chủ tịch công đoàn, bí thư đoàn thanh niên, lãnh đạo các phòng, ban trực thuộc (nếu có). Trường hợp không có tổ chức trực thuộc thì cử đại diện viên chức của đơn vị sự nghiệp tham gia Hội đồng quản lý; đ) Đại diện của các tổ chức có lợi ích liên quan (nếu có).

Số lượng, cơ cấu, thành phần cụ thể của thành viên Hội đồng quản lý do người đứng đầu cơ quan có thẩm quyền phê duyệt Đề án tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập quyết định...

Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 19/01/2024.

*** Ngày 30/11/2023, Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ đã ban hành Thông tư số 23/2023/TT-BKHCN quy định chi tiết một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ và biện pháp thi hành Nghị định số 65/2023/NĐ-CP quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, bảo vệ quyền sở hữu công nghiệp, quyền đối với giống cây trồng và quản lý nhà nước về sở hữu trí tuệ liên quan đến thủ tục xác lập quyền sở hữu công nghiệp và bảo đảm thông tin sở hữu công nghiệp.**

Theo Thông tư quy định, Cục Sở hữu trí tuệ tiếp nhận các đơn đăng ký xác lập quyền sở hữu công nghiệp được nộp phù hợp với quy định của Điều 89 của Luật Sở hữu trí tuệ và Khoản 1 Điều 48 của Nghị định số 65/2023/NĐ-CP.

Trường hợp đơn có đủ các tài liệu tối thiểu quy định tại Khoản 1 Điều 108 của Luật Sở hữu trí tuệ hoặc Khoản 3 Điều 48 của Nghị định số 65/2023/NĐ-CP, đơn được Cục Sở hữu trí tuệ tiếp nhận, xác nhận ngày nộp đơn, số đơn đối với đơn đó và trả cho người nộp đơn Giấy tiếp nhận đơn, trong đó có thông tin về ngày nộp đơn, số đơn và kết quả kiểm tra danh mục tài liệu đơn, có ghi rõ họ tên, chữ ký của cán bộ nhận đơn.

Đối với đơn nộp trực tuyến, trường hợp đơn được tiếp nhận, Cục Sở hữu trí tuệ trả cho người nộp đơn Giấy tiếp nhận đơn trong đó có thông tin về ngày nộp đơn, số đơn và kết quả

kiểm tra danh mục tài liệu đơn có ghi rõ họ tên, chữ ký của cán bộ nhận đơn qua hệ thống nộp đơn trực tuyến.

Trường hợp đơn thiếu một trong các tài liệu tối thiểu quy định tại Khoản 1 Điều 108 của Luật Sở hữu trí tuệ hoặc Khoản 3 Điều 48 của Nghị định số 65/2023/NĐ-CP thì cán bộ nhận đơn từ chối tiếp nhận đơn hoặc gửi thông báo của Cục Sở hữu trí tuệ từ chối tiếp nhận đơn cho người nộp đơn (nếu đơn nộp qua dịch vụ bưu chính, đơn điện tử nộp qua hệ thống nộp đơn trực tuyến). Đối với đơn nộp qua dịch vụ bưu chính bị từ chối tiếp nhận, Cục Sở hữu trí tuệ không phải gửi trả lại cho người nộp đơn các tài liệu đơn trừ bản gốc được nộp để đối chiếu.

Thông tin liên quan đến đơn đã được chấp nhận hợp lệ được Cục Sở hữu trí tuệ công bố trên Công báo sở hữu công nghiệp theo quy định tại Điều 110 của Luật Sở hữu trí tuệ. Người nộp đơn phải nộp phí công bố đơn theo quy định.

Việc công bố đơn đăng ký sáng chế, kiểu dáng công nghiệp, nhãn hiệu, chỉ dẫn địa lý được thực hiện như sau:

Đơn đăng ký sáng chế được công bố trong tháng thứ mười chín kể từ ngày ưu tiên hoặc ngày nộp đơn, nếu đơn không có ngày ưu tiên.

Đơn đăng ký sáng chế có yêu cầu công bố sớm được công bố trong thời hạn 02 tháng kể từ ngày Cục Sở hữu trí tuệ nhận được yêu cầu công bố sớm hoặc kể từ ngày chấp nhận đơn hợp lệ, tùy theo ngày nào muộn hơn.

Đơn được công bố trong thời hạn 02 tháng kể từ ngày chấp nhận đơn hợp lệ nếu người nộp đơn không có yêu cầu công bố muộn hoặc có yêu cầu công bố muộn nhưng đơn được chấp nhận hợp lệ sau khi hết thời gian người nộp đơn yêu cầu công bố muộn;

Trong trường hợp người nộp đơn yêu cầu công bố muộn và đơn được chấp nhận hợp lệ trước khi hết thời gian người nộp đơn yêu cầu công bố muộn, đơn sẽ được công bố vào tháng tiếp theo của tháng kết thúc thời hạn yêu cầu công bố muộn.

Đơn đăng ký nhãn hiệu, đơn đăng ký chỉ dẫn địa lý được công bố trong thời hạn 02 tháng kể từ ngày chấp nhận đơn hợp lệ.

Thời hạn thẩm định nội dung đơn được thực hiện theo quy định tại Khoản 2 Điều 119 của Luật Sở hữu trí tuệ.

Khoảng thời gian để người nộp đơn phản hồi các thông báo của Cục Sở hữu trí tuệ quy định tại các Khoản 8 Điều 16, Khoản 10 Điều 23, Khoản 13 Điều 26 và Khoản 7 Điều 30 của Thông tư này sẽ không tính vào thời hạn thẩm định nội dung. Khoảng thời gian này được hiểu là:

Thời gian từ ngày ra thông báo đến ngày người nộp đơn phản hồi thông báo; hoặc thời hạn ấn định trong thông báo (kể cả được kéo dài theo quy định tại Khoản 2 Điều 15 của Nghị định số 65/2023/NĐ-CP), trong trường hợp người nộp đơn không phản hồi thông báo.

Trong trường hợp người nộp đơn chủ động yêu cầu sửa đổi, bổ sung đơn, hoặc phản hồi thông báo của Cục Sở hữu trí tuệ quy định tại Khoản 8 Điều 16, Khoản 10 Điều 23, Khoản 13 Điều 26 và Khoản 7 Điều 30 của Thông tư này, thời hạn thẩm định nội dung được kéo dài thêm tương ứng với thời hạn xử lý yêu cầu sửa đổi, bổ sung đơn hoặc giải trình của người nộp

đơn theo quy định tại Khoản 4 Điều 119 của Luật Sở hữu trí tuệ như sau: Đối với sáng chế, không quá 06 tháng. Đối với nhãn hiệu, không quá 03 tháng. Đối với kiểu dáng công nghiệp, không quá 02 tháng và 10 ngày. Đối với chỉ dẫn địa lý, không quá 02 tháng...

Thông tư này có hiệu lực kể từ ngày 30/11/2023.

*** Ngày 11/12/2023, Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Thông tư số 24/2023/TT-BGDĐT quy định về đánh giá, công nhận “Đơn vị học tập” cấp huyện, tỉnh.**

Theo Thông tư, việc đánh giá, công nhận "Đơn vị học tập" cấp huyện, tỉnh nhằm khuyến khích đầu tư và huy động các nguồn lực hỗ trợ cho việc học tập, tạo động lực học tập; đảm bảo cơ hội học tập công bằng và điều kiện thuận lợi cho thành viên đơn vị tự học, học thường xuyên để trở thành "Công dân học tập", góp phần xây dựng "Cộng đồng học tập" cấp xã, huyện, tỉnh; đẩy mạnh học tập suốt đời, xây dựng xã hội học tập.

Nguyên tắc đánh giá, công nhận là công khai, dân chủ, minh bạch; đúng thẩm quyền, mức độ, tiêu chí, điều kiện, quy trình đánh giá, công nhận quy định tại Thông tư này.

Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định công nhận Đơn vị cấp huyện đạt "Đơn vị học tập" cấp huyện. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định công nhận Đơn vị cấp tỉnh đạt "Đơn vị học tập" cấp tỉnh.

Công nhận "Đơn vị học tập" cấp huyện, tỉnh theo 2 mức độ: mức độ 1, mức độ 2.

Đơn vị cấp huyện, tỉnh được công nhận mức độ 1 sau ít nhất 1 năm (12 tháng) kể từ ngày ra quyết định công nhận có thể đề nghị đánh giá, công nhận nâng mức độ 2.

Kết quả công nhận được bảo lưu trong thời hạn 03 năm (36 tháng) tiếp theo năm được công nhận là "Đơn vị học tập" cấp huyện, tỉnh.

Tiêu chí 1: Về điều kiện xây dựng "Đơn vị học tập" gồm các chỉ tiêu: Thực hiện đầy đủ các chế độ về đào tạo, bồi dưỡng theo quy định hiện hành, có quy định của đơn vị nhằm khuyến khích, động viên Thành viên trong đơn vị tích cực học tập; Bố trí đủ kinh phí từ ngân sách nhà nước hằng năm để thực hiện công tác đào tạo, bồi dưỡng đối với Thành viên trong đơn vị...

Tiêu chí 2. Về kết quả học tập của Thành viên trong đơn vị gồm các chỉ tiêu: Tối thiểu 90% Thành viên trong đơn vị hoàn thành đầy đủ các chương trình học tập, bồi dưỡng theo quy định của nhà nước hoặc của đơn vị và đoàn thể được lãnh đạo đơn vị phê duyệt; Tối thiểu 50% Thành viên trong đơn vị có chứng nhận hoặc chứng chỉ ngoại ngữ hoặc tiếng dân tộc thiểu số đáp ứng yêu cầu công việc hoặc vị trí việc làm.

Tiêu chí 3: Tác dụng của việc xây dựng "Đơn vị học tập" với các chỉ tiêu: Tối thiểu 90% Thành viên trong đơn vị đạt danh hiệu "Công dân học tập"; Đơn vị cấp huyện là cơ sở giáo dục phổ thông đạt mức độ chuyển đổi số ở "mức đáp ứng cơ bản".

Tiêu chí đánh giá, công nhận "Đơn vị học tập" cấp huyện mức độ 2 như sau:

Tiêu chí 1: Về điều kiện xây dựng "Đơn vị học tập": Nội dung tiêu chí giống như đối với "Đơn vị học tập" cấp huyện mức độ 1 nêu trên.

Tiêu chí 2: Về kết quả học tập của Thành viên trong đơn vị gồm các chỉ tiêu: Tối thiểu 95% Thành viên trong đơn vị hoàn thành đầy đủ các chương trình học tập, bồi dưỡng theo

quy định của nhà nước hoặc của đơn vị và đoàn thể được lãnh đạo đơn vị phê duyệt; tối thiểu 70% Thành viên trong đơn vị có trình độ ngoại ngữ hoặc tiếng dân tộc thiểu số đáp ứng yêu cầu công việc hoặc vị trí việc làm.

Tiêu chí 3: Tác dụng của việc xây dựng "Đơn vị học tập" gồm các chỉ tiêu: Tối thiểu 95% Thành viên trong đơn vị đạt danh hiệu "Công dân học tập"; Đơn vị cấp huyện là cơ sở giáo dục phổ thông đạt mức độ chuyên đổi số ở "mức đáp ứng tốt"...

Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 26/01/2024.

*** Ngày 05/12/2023, Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ký ban hành Thông tư số 15/2023/TT-NHNN quy định về hoạt động thông tin tín dụng của Ngân hàng Nhà nước.**

Thông tư quy định, hoạt động thông tin tín dụng nhằm tạo lập Cơ sở dữ liệu thông tin tín dụng quốc gia để: 1. Ngân hàng Nhà nước thực hiện chức năng quản lý nhà nước trong lĩnh vực tiền tệ, ngân hàng. 2. Hỗ trợ tổ chức tín dụng, tổ chức tự nguyện trong hoạt động kinh doanh. 3. Hỗ trợ khách hàng vay tiếp cận nguồn vốn tín dụng đáp ứng nhu cầu đời sống, kinh tế, xã hội theo quy định của pháp luật. 4. Hỗ trợ tổ chức khác tiếp cận thông tin tín dụng theo quy định của pháp luật.

Thông tư nêu rõ nguyên tắc hoạt động của thông tin tín dụng phải tuân thủ quy định của pháp luật về bảo vệ dữ liệu cá nhân và các quy định pháp luật khác có liên quan.

Đảm bảo tính khách quan và không ảnh hưởng đến quyền, lợi ích hợp pháp của các tổ chức, cá nhân có liên quan. Đảm bảo chính xác, trung thực, đầy đủ, kịp thời đối với thông tin tín dụng cung cấp cho Trung tâm Thông tin tín dụng quốc gia Việt Nam (CIC).

CIC, tổ chức tín dụng, tổ chức tự nguyện, tổ chức khác được cung cấp thông tin tín dụng phải: Có biện pháp bảo vệ thông tin tín dụng để chống lại mất mát, truy cập, sử dụng hoặc tiết lộ trái phép. Có giải pháp khôi phục dữ liệu trong trường hợp dữ liệu bị lỗi, bị mất, bị hỏng và phương án khôi phục hoạt động sau khi dữ liệu bị lỗi, bị mất, bị hỏng. Đảm bảo an toàn, bảo mật thông tin tín dụng theo quy định tại Thông tư này và các quy định khác của pháp luật về an toàn, bảo mật thông tin.

Các hành vi bị cấm trong hoạt động thông tin tín dụng: Thu thập, cung cấp, trao đổi, sử dụng trái phép các thông tin thuộc phạm vi, danh mục bí mật nhà nước. Cố ý làm sai lệch nội dung thông tin tín dụng, ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân liên quan. Trao đổi, cung cấp thông tin tín dụng sai đối tượng hoặc cho bên thứ ba trái quy định của pháp luật. Lợi dụng các hoạt động thông tin tín dụng để xâm phạm lợi ích của Nhà nước, quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân. Cản trở hoạt động thu thập và khai thác thông tin tín dụng hợp pháp của tổ chức, cá nhân.

Thông tư này có hiệu lực từ ngày 01/01/2025.

*** Ngày 11/12/2023, Bộ trưởng Bộ Nội vụ ký Quyết định số 1001/QĐ-BNV ban hành Phương pháp Đo lường sự hài lòng của người dân đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước giai đoạn 2023 - 2026.**

Theo đó, mục tiêu chung của phương pháp nhằm đánh giá khách quan chất lượng phục vụ người dân của cơ quan hành chính nhà nước, góp phần xây dựng nền hành chính phục vụ, lấy

người dân làm trung tâm, công khai, minh bạch, nâng cao trách nhiệm giải trình theo các mục tiêu của của Chương trình tổng thể cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2021 - 2030.

Phương pháp cũng đề ra mục tiêu cụ thể là: Hàng năm, tiến hành đo lường và công bố Chỉ số hài lòng của người dân đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước quy mô quốc gia (tên tiếng Anh là “Satisfaction Index of Public Administrative Services”, viết tắt là “Chỉ số SIPAS”).

Cung cấp cho Chính phủ, chính quyền địa phương, cơ quan hành chính nhà nước các cấp các thông tin khách quan về nhận định, đánh giá, mức độ hài lòng, nhu cầu, mong đợi của người dân đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước dựa trên cảm nhận của người dân. Tham mưu cho Chính phủ, kiến nghị đối với chính quyền địa phương, cơ quan hành chính nhà nước các cấp các giải pháp phù hợp, hiệu quả nhằm cải thiện, nâng cao chất lượng phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước và sự hài lòng của người dân.

Nâng cao nhận thức, văn hóa thực thi công vụ lấy người dân làm trung tâm trong đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức.

Tạo điều kiện, cơ hội để người dân tham gia vào quá trình xây dựng, tổ chức thực hiện chính sách và giám sát đối với hoạt động của các cơ quan hành chính nhà nước.

Đối tượng: Là cơ quan quản lý nhà nước có trách nhiệm xây dựng, tổ chức thực hiện chính sách công, cung ứng dịch vụ hành chính công.

Phạm vi: 63 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

Đo lường sự hài lòng của người dân được thực hiện đối với 03 khía cạnh: (i) Nhận định, đánh giá của người dân đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước; (ii) Mức độ hài lòng của người dân đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước; (iii) Nhu cầu, mong đợi của người dân đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước.

*** Ngày 29/11/2023, Bộ trưởng Bộ Tài chính vừa ban hành Quyết định số 2609/QĐ-BTC về sửa đổi, bổ sung Quy chế nâng bậc lương trước thời hạn do lập thành tích xuất sắc trong thực hiện nhiệm vụ đối với công chức, viên chức tại các đơn vị thuộc Bộ Tài chính.**

Theo Quyết định, nguyên tắc xét nâng bậc lương trước hạn phải đảm bảo công bằng, dân chủ, công khai, minh bạch, động viên, khích lệ cán bộ tham gia phong trào thi đua đạt được nhiều thành tích, góp phần hoàn thành và hoàn thành vượt mức nhiệm vụ chính trị của đơn vị.

Việc xét bậc lương trước hạn đối với công chức, viên chức đáp ứng đủ các điều kiện, tiêu chuẩn theo quy định tại Điều 2 của Quy chế này, trong đó thực hiện xét đối với người trong khoảng thời gian (6 năm và 4 năm) quy định tại khoản 1 Điều 4 Quy chế này không bị sai phạm phải xử lý bằng các hình thức kỷ luật quy định tại Luật Cán bộ, công chức, Luật Viên chức và các quy định hiện hành của cơ quan có thẩm quyền.

Khi xét nâng lương thực hiện theo thứ tự ưu tiên cấp độ thành tích khen thưởng từ cao nhất trở xuống cho đến hết chỉ tiêu nâng bậc lương trước thời hạn theo quy định. Trường hợp nhiều người cùng có cấp độ thành tích khen thưởng cao nhất như nhau, việc xét nâng bậc lương trước thời hạn theo thứ tự ưu tiên như sau: Những người gần đến tuổi nghỉ hưu theo quy định, nếu không được xét lần này, thì sẽ không còn cơ hội để được nâng bậc lương trước

thời hạn lần sau (trừ trường hợp người đó sẽ được nâng bậc lương trước thời hạn để nghỉ hưu theo quy định tại khoản 2 Điều 3 Thông tư số 08/2013/TT-BNV ngày 31/7/2013 của Bộ Nội vụ); Người có nhiều thành tích hơn ở cùng cấp độ khen thưởng (trong khoảng thời gian 6 năm hoặc 4 năm quy định tại khoản 1 Điều 4 Quy chế này). Trường hợp có giấy khen thì ưu tiên xét giấy khen của cấp Tổng cục trưởng và tương đương trước giấy khen của Cục trưởng và tương đương; Những người là thương binh, bệnh binh, người hưởng chính sách như thương binh, người nhiễm chất độc hóa học, người khuyết tật; Người không giữ chức vụ lãnh đạo; Người dân tộc thiểu số, cán bộ nữ; Những người có năm công tác nhiều hơn; Những người chưa được nâng bậc lương trước thời hạn lần nào; Những người có công trình nghiên cứu khoa học, sáng kiến cải tiến trong quá trình công tác được ứng dụng vào thực tế và mang lại hiệu quả rõ rệt...

Trường hợp cán bộ công chức, viên chức vừa thuộc đối tượng xét nâng bậc lương trước thời hạn do lập thành tích xuất sắc trong thực hiện nhiệm vụ, vừa thuộc đối tượng được xét nâng bậc lương trước thời hạn khi có thông báo hưu, thì cán bộ, công chức, viên chức được chọn một trong hai chế độ nâng bậc lương trước thời hạn nêu trên.

Bên cạnh quy định trên, Quyết định này cũng quy định, Hội đồng xét nâng bậc lương trước thời hạn ở các cấp: Cơ quan Bộ Tài chính do Bộ trưởng quyết định thành lập; Cơ quan cấp Tổng cục và tương đương do Tổng cục trưởng quyết định thành lập; Cục Thuế, Kho bạc Nhà nước cấp tỉnh, thành phố do Cục trưởng quyết định thành lập.

Các đơn vị sự nghiệp thuộc Bộ Tài chính và các đơn vị sự nghiệp thuộc Tổng cục do Thủ trưởng đơn vị sự nghiệp quyết định thành lập, gồm 5 hoặc 7 thành viên, Chủ tịch Hội đồng là đại diện lãnh đạo đơn vị. Các thành viên khác của Hội đồng gồm: 01 đại diện cấp ủy; 01 đại diện Công đoàn; 01 đại diện lãnh đạo bộ phận làm công tác tổ chức cán bộ; 01 viên chức theo dõi về tiền lương làm Thư ký Hội đồng và các thành viên khác do Thủ trưởng đơn vị sự nghiệp quyết định thành lập.

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 29/11/2023.

Anh Cao - Cổng thông tin điện tử Bộ Nội vụ

NHÂN SỰ MỚI CÁC BỘ, NGÀNH, ĐỊA PHƯƠNG

* **Chủ tịch nước:**

Quyết định thăng cấp bậc hàm từ Trung tướng lên Thượng tướng cho đồng chí Nguyễn Duy Ngọc, Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương Đảng, Thứ trưởng Bộ Công an.

* **Thủ tướng Chính phủ:**

Bổ nhiệm Đại tá Lương Đình Chung, Chính ủy Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh Quảng Ngãi giữ chức vụ Phó Chính ủy Quân khu 5.

* **Ban Bí thư Trung ương Đảng:**

Ban Bí thư Trung ương Đảng chỉ định đại tá Phạm Văn Tạo, Chỉ huy trưởng Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh tham gia Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Bắc Giang nhiệm kỳ 2020 - 2025.

* **Bộ Quốc phòng:**

Bộ trưởng Bộ Quốc phòng quyết định bổ nhiệm Đại tá Phùng Thị Phú, Trưởng ban Phụ nữ Quân đội giữ chức vụ Phó Cục trưởng Cục Dân vận.

Bộ trưởng Bộ Quốc phòng quyết định bổ nhiệm Đại tá Nguyễn Thị Thu Hiền, Phó trưởng ban Phụ nữ Quân đội giữ chức vụ Trưởng ban Phụ nữ Quân đội.

Bộ trưởng Bộ Quốc phòng quyết định bổ nhiệm Đại tá Trịnh Hồng Phong, Phó Chỉ huy trưởng, kiêm Tham mưu Trưởng Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh Hà Nam giữ chức vụ Chỉ huy trưởng Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh Hà Nam.

Bộ trưởng Bộ Quốc phòng bổ nhiệm Đại tá Trịnh Đức Thiêm, Phó Chỉ huy trưởng Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh Hà Nam kiêm Tham mưu trưởng Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh Hà Nam.

Bộ trưởng Bộ Quốc phòng bổ nhiệm Thượng tá Ngô Việt Hưng, Chỉ huy trưởng Ban Chỉ huy quân sự TX. Duy Tiên giữ chức vụ Phó Chỉ huy trưởng Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh Hà Nam.

Bộ trưởng Bộ Quốc phòng bổ nhiệm Đại tá Võ Tấn Tài, Phó Chính ủy Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh Quảng Ngãi giữ chức vụ Chính ủy Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh Quảng Ngãi.

* **Văn phòng Chính phủ:**

Quyết định số 735/QĐ-VPCP ngày 11/12/2023 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ về việc bổ nhiệm ông Nguyễn Minh Khánh, Phó Vụ trưởng Vụ Nội chính giữ chức vụ Vụ trưởng Vụ Nội chính, Văn phòng Chính phủ.

* **Ban Tuyên giáo Trung ương:**

Ông Bùi Chí Tuệ, Thư ký đồng chí Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương Đảng, Phó Trưởng ban Thường trực Ban Tuyên giáo Trung ương Lại Xuân Môn được bổ nhiệm giữ chức vụ Phó Chánh Văn phòng Ban Tuyên giáo Trung ương.

Ông Bùi Hồng Việt, Chuyên viên chính Vụ Xã hội được bổ nhiệm giữ chức vụ Phó Viện trưởng Viện Dự luận xã hội, Ban Tuyên giáo Trung ương.

Bà Hoàng Thị Hà Nguyên, Chuyên viên chính, giúp việc Lãnh đạo Ban được bổ nhiệm giữ chức vụ Chánh Văn phòng Ban Chỉ đạo công tác thông tin đối ngoại.

*** Tòa án nhân dân tối cao:**

Quyết định số 2069/QĐ-TCCB ngày 12/12/2023 của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao về việc điều động và bổ nhiệm ông Nguyễn Đình Tiến, Chánh tòa Tòa gia đình và người chưa thành niên Tòa án nhân dân TP. Hà Nội, đến nhận công tác và giữ chức vụ Phó Vụ trưởng Vụ Giám đốc kiểm tra I Tòa án nhân dân tối cao.

*** TP. Hà Nội:**

Ông Phạm Quốc Toàn, Trưởng phòng Phòng Quản lý thi và Kiểm định chất lượng, Sở Giáo dục và Đào tạo được bổ nhiệm giữ chức vụ Phó Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo.

Bà Vương Hương Giang, Trưởng phòng Phòng Giáo dục và Đào tạo quận Hoàn Kiếm được điều động, bổ nhiệm giữ chức vụ Phó Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo.

Ông Lê Danh Quang, Trưởng khoa Khoa Công nghệ Ô tô, Trường Cao đẳng Công nghệ cao Hà Nội được bổ nhiệm giữ chức vụ Phó Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Công nghệ cao Hà Nội.

Ông Lê Văn Quân, Phó Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư được điều động đến nhận công tác tại Ủy ban nhân dân huyện Ba Vì.

Quyết định số 6056-QĐ/TU của Ban Thường vụ Thành ủy Hà Nội chuẩn y ông Lương Mạnh Sơn, Ủy viên Ban Thường vụ Đảng ủy, Chủ nhiệm Ủy ban Kiểm tra Đảng ủy Khối Doanh nghiệp Hà Nội giữ chức vụ Phó Bí thư Đảng ủy Khối Doanh nghiệp Hà Nội, nhiệm kỳ 2020 - 2025.

*** TP. Cần Thơ:**

Quyết định số 1268-QĐ/TU của Ban Thường vụ Thành ủy bổ nhiệm ông Dương Hồ Vũ, Trưởng phòng Báo điện tử giữ chức vụ Phó Tổng Biên tập Báo Cần Thơ.

*** Tỉnh Cao Bằng:**

Ông Hoàng Văn Thạch, Tỉnh ủy viên, Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân tỉnh được bầu giữ chức vụ Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, nhiệm kỳ 2021 - 2026.

Bà Hà Nhật Lệ, Phó Trưởng ban Thường trực Ban Tổ chức Tỉnh ủy được bầu giữ chức vụ Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân tỉnh.

Miễn nhiệm chức danh Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh đối với ông Nguyễn Trung Thảo, do trước đó đã được điều động, bầu giữ chức vụ Chủ nhiệm Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy.

*** Tỉnh Gia Lai:**

Quyết định số 1106-QĐ/TU ngày 07/12/2023 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về việc bổ nhiệm ông Nguyễn Văn Đông, Trưởng phòng Phòng Tổng hợp (Văn phòng Tỉnh ủy) giữ chức vụ Thư ký đồng chí Hồ Văn Niên, Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương Đảng, Bí thư Tỉnh ủy, Chủ tịch Hội đồng nhân dân tỉnh.

*** Tỉnh Đắk Lắk:**

Quyết định số 2626/QĐ-UBND ngày 08/12/2023 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về việc bổ nhiệm ông Nguyễn Minh Chí, Giám đốc Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng tỉnh giữ chức vụ Phó Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, kể từ ngày 11/12/2023.

*** Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu:**

Ông Trương Đức Nghĩa, Phó Tổng biên tập được Ban Thường vụ Tỉnh ủy Bà Rịa - Vũng Tàu bổ nhiệm giữ chức vụ Tổng Biên tập Báo Bà Rịa - Vũng Tàu thay bà Đỗ Nguyễn Hoàng Dung nghỉ hưu theo chế độ, kể từ ngày 11/12/2023.

Nguồn: baohinhphu.vn